

15 THÁNG 6 NĂM 1972

BACH KHOA

năm mười sáu

TẠ-CHÍ ĐẠI-TRƯỜNG *cơn lại-nồm mùa Hạ 72* •
PHẠM VIỆT CHÂU *ý thức Maphilindo* • PHAN DU *sinh
dục và tiến hóa* • VIỆT PHƯƠNG *Anh quốc và khởi
Thị-trường-chung* • TỪ MINH *chung quanh chuyến Nga
du của ông Nixon* • BẢNG GIANG *vài nhận xét về cuốn
« Nguồn gốc Mã-lai của dân tộc V.N. » của ông Bình
Nguyễn Lộc* • BÙI HỮU SÙNG *phỏng vấn ông Nguyễn
Bạt Tuy, nhà Ngữ học kiêm Dân-tộc-học tiêu biểu
ngành khoa học nhân văn miền Nam* • TƯỜNG LINH
trên tơ — mưa mùa tháng năm • NGUYỄN HỮU
NHẬT *dời chờ — bóng gương* • NGUYỄN
MỘNG GIÁC *vào đời* **SINH HOẠT** NGUYỄN
NGU Í *nhơn đọc bài « Văn bằng trác » của
Lê - Trung - Hoa* • HUY HÀN NHO *ông Huyện
Hà - đông* • TỪ MINH
thời sự thế giới • TỪ
DIỆP *thời sự khoa học* •

371



TẠP CHÍ BÁCH-KHOA

160 Phan Đình Phùng Saigon

Sáng lập: HUỖNH VĂN LANG Chủ nhiệm: LÊ NGỘ CHÂU
HOÀNG MINH TUYNH Chủ bút:
Thư ký: TÔN THẮT HÀM Quản lý: NGHIÊM NGỌC HUÂN
Đòa soạn: NGUYỄN HUY NHÂN

GIÁ BÁO

MỖI SỐ	70đ.
SÁU THÁNG	770đ.
MỘT NĂM	1500đ.

Cao nguyên và Miền Trung, thêm cước phí máy bay 200 đ. một năm.

Ngoại quốc đường thủy: thêm cước phí 400 đ. một năm.

Chi phiếu, bưu phiếu, xin đề tên ông Lê-Ngộ-Châu 160 Phan đình Phùng Saigon, hoặc Tạp chí Bách-Khoa Thời-Đại trương mục 54.262 Tổng ngân khố Việt-Nam.

Bưu chi phiếu xin chuyển cho Tạp chí Bách Khoa Thời Đại 160 Phan đình Phùng Saigon, Trương mục 27-46, Trung Khu Saigon

GIÁ BIỂU QUẢNG CÁO

trên bán nguyệt san BÁCH-KHOA

1 trang giấy màu	:	mỗi kỳ	:	6000đ
1/2 trang giấy màu	:	mỗi kỳ	:	4000đ
oOo				
1 trang trong	:	mỗi kỳ	:	5000đ
1/2 trang trong	:	mỗi kỳ	:	2500đ
1/4 trang trong	:	mỗi kỳ	:	1300đ

Muốn đăng quảng cáo từ 6 tháng trở lên có giá đặc biệt, xin liên lạc với Ty Quản-ly Tạp-chí Bách Khoa, 160 Phan-đình-Phùng Saigon. Đ.T. 25.539.

BÁCH KHOA

Số 371 ngày 15-6-1972

TẠ-CHÍ ĐẠI-TRƯỜNG <i>cơ lại-nhóm mùa Hạ 72</i>	05
PHẠM VIỆT CHÂU <i>ý-thức Maphilindo</i>	15
PHAN DU <i>sinh dục và tiến hóa</i>	23
VIỆT PHƯƠNG <i>Anh-quốc và khối Thị-trường-chung</i>	35
BẰNG GIANG <i>vài nhận xét về cuốn « nguồn gốc Mã-lai của dân tộc V.N. » của ô. Bình Nguyên Lộc</i>	43
BUI HỮU SÙNG <i>phỏng vấn ô. Nguyễn Bạt Tụy, nhà Ngữ-học kiêm Dân-tộc-học tiêu biểu ngành Khoa học Nhân văn miền Nam.</i>	53
TƯỜNG LINH <i>trên tơ — mưa mùa tháng năm.</i>	61
NGUYỄN HỮU NHẬT <i>đợi chờ — bóng gương</i>	62
NGUYỄN MỘNG GIÁC <i>vào đời (truyện dài)</i>	63
TỪ MINH <i>chung quanh chuyến Nga du của ô. Nixon, Tổng Thống Hoa kỳ.</i>	71
SINH HOẠT	
NGUYỄN NGU Í <i>nhơn đọc bài « văn bằng trắc » của Lê Trung Hoa</i>	79
HUY HÀN NHO <i>ông Huyện Hà đông,</i>	80
TỪ MINH <i>thời sự thế giới</i>	83

Chủ nhiệm : LÊ NGỘ CHÂU
Chủ bút :
Tòa soạn : 160, Phan Đình Phùng Saigon
Điện thoại : 25.539
H.T. 339 Saigon

In tại nhà in TRÍ ĐĂNG
21, Nguyễn Thiện Thuật — Saigon
GIÁ : 70\$ Công sở : 140\$
Cao Nguyên và Miền Trung
cước phí máy bay 6đ. mỗi số

Sách mới

Tạp chí Bách Khoa trân trọng cảm ơn quý vị đã gửi tặng những sách sau đây và xin ân cần giới thiệu cùng quý bạn đọc :

— Kiến trúc Phật giáo Việt-nam tập I của Nguyễn Bá Lăng, do Viện Đại học Vạn Hạnh xuất bản và tác giả gửi tặng. Một công trình sưu khảo công phu và giá trị dày 130 trang, khổ 21 x 27 với một phụ bản Hán văn 4 bản đồ lớn, trên 20 hình chụp và 20 hình vẽ đều là những tài liệu quý giá. Giá nhất định 600đ.

— Đức Phật giữa chúng ta của Trần Ngọc Ninh do Lá Bối xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 164 trang gồm 6 bài nói về : Tu và Hành, Đức Phật lịch sử, Đức Phật và sự cải tạo xã hội v.v... Bản đặc biệt. Giá bán thường 200đ.

— Yoga của Trần Văn Kha, do tác giả ấn hành và gửi tặng. Sách in lần thứ 3, soạn thảo công phu, nhiều tài liệu tham khảo mới, dày 376 trang với gần 90 hình ảnh và 1 phụ bản offset 4 màu. Giá 450đ.

— Vài ngày làm việc ở Chung sự vụ truyện dài của Nguyên Sa, do Nguyệt san Nhân Văn số 14 phát hành tháng 6-72 và tác giả gửi tặng. Sách dày 160 trang. Giá 120đ.

— Cậu bé gỗ truyện thiếu nhi của Châu Lang do Cơ sở Tiếng Việt xuất bản trong tủ sách Hoa Niên và nhà xuất bản gửi tặng. Sách dày 126 trang, phỏng theo « Pinocchio » của Colodi với rất nhiều hình ảnh đẹp, hợp với tuổi nhỏ. Bản đặc biệt.

— Thời thơ ấu nguyên tác của Maxime Gorki, bản dịch của Vũ Minh

Thiều do Trí Đăng xuất bản và gửi tặng. Sách dày 332 trang. Giá 350đ.

— Chứng tích tập thơ của Hồ Thế Phất do tác giả xuất bản và gửi tặng. Sách dày 70 trang gồm 65 bài thơ thể lục-bát. Giá 150đ.

Câu hỏi quốc văn luyện thi Tú Tài I ABCD của Trần Phước Hải, Nhật Lam xuất bản và soạn giả gửi tặng. Sách dày 226 trang, soạn theo chương trình cập nhật hóa 1971-1972 gồm các câu hỏi văn thề, văn học sử, về tác giả, về nhóm báo chí, về nhóm văn, qua bản văn và Đề thi Tú Tài I từ 1963 đến 1971. Bản đặc biệt. Giá 250đ.

33 Câu chuyện với các bà mẹ, Nguyên tác « Dr Spock Talks With Mothers » của Bác sĩ Benjamin Spock Bản lược dịch của Nguyễn Hiến Lê do Nhà xuất bản Nguyễn Hiến Lê ấn hành và dịch giả gửi tặng. Sách dày 228 trang gồm 7 phần, 7 vấn đề « từ sức khoẻ của trẻ tới tâm lý, các tật xấu, các nỗi sợ hãi, ưu tư, sự phát triển của lương tâm, nhu cầu được che chở mà vẫn được tự do của chúng » và sau cùng là vấn đề thiếu nhi phạm pháp. Bản đặc biệt.

Làm sao giữ tình yêu của chồng, nguyên tác You and your marriage của Edward Kaufmann, Nguyễn Hiến Lê lược dịch, do tủ sách Kiến Thức Mới xuất bản và dịch giả gửi tặng. Sách dày 154 trang gồm 22 chương, giúp cho cả vợ lẫn chồng giữ được tình yêu của nhau. Bản đặc biệt.

Ý cao tình đẹp do Nguyễn Hiến Lê tuyển và dịch 34 truyện ngắn ngoại quốc, tác giả xuất bản và gửi tặng. Sách dày 200 trang gồm những truyện thực, truyện nào cũng chứa một ý hoặc tình cao đẹp làm cảm kích người đọc và làm người đọc vững tin ở khả năng vô biên của bản thân, ở tấm lòng nhân từ của người khác, ở tương lai nhân loại. Giá 250đ

Cơn lại-nồm mùa Hạ 72

«... Cái không khí an bình giả trá đang thấy không phải chỉ tùy thuộc vào các ý định của đối phương thôi mà còn tùy thuộc vào khả năng trấn áp, chuyển hóa những mâu thuẫn xã hội của chính quyền VNCH đối với đám dân chúng dưới tay nữa... hiện nay giống như khoảng thời gian yên lặng giữa hai chiều gió (bão). Chỉ đến khi «lại-nồm» thì cây nào còn vững, nhà nào chưa đổ mới biết được thôi» 5-12-1970.

«100 bước đến Hòa bình» Bách-Khoa số 337-338 ngày 15-1-1971

Theo đà hờ hững thông thường đối với các tin chiến sự trong một «cuộc chiến đang tàn lụi dần» như người ta vẫn định ninh, những dòng tin tức về chiến dịch tấn công Xuân Hạ ở vùng giới tuyến cuối tháng 3/72 thật không gây được chú ý mấy nơi những người quan tâm tới thời cuộc. Họ đang ngóng chờ chuyển Nga-du của Tổng thống Nixon. Và phối hợp với hạn kỳ bầu Tổng Thống Mỹ tháng 11 sắp tới, họ dám tung đề tài giật gân cho các tay đánh cá Chợ lớn thách bắt về một cuộc ngưng bắn tháng 6 đề chờ giải pháp chính trị. Còn giai pháp đó mặt mũi ra sao thì thấy không nói tới (hay không dám nói tới?)

Tất nhiên khi thấy tình thoảng có mấy ngày chiến trường làm thất nghiệp người phát ngôn viên đài Mỹ, cộng với sự chán ngán chiến tranh, mơ ước hòa bình, thì người ta dễ dàng đồng hóa ngay niềm ước mơ chủ quan với cái dáng lặng yên bề mặt chung quanh. Đề đến khi chiến dịch bùng nổ thì người ta đâm ra ngỡ ngàng,

đến cả một thời gian dài vẫn còn loay hoay trong hỏa mù của đối phương với các danh từ chiến thuật học mót được đem ra dùng một cách hãnh diện: đâu là «điểm», đâu là «điện»? Quảng Trị? An Lộc? Kontum? Vùng 4? Saigòn? Cái chu kỳ nhạc hùng, nhạc thời trang của đài phát thanh cũng phập phồng theo tin chiến sự, lần này có pha chút hốt hoảng.

Khi thấy các trận đánh trực diện xảy ra với vũ khí tối tân cùng hình thức mới—bộ binh phối hợp chiến xa lừng lững công đồn, chiếm đất—các nhà bình luận hấp tấp vội nghĩ ngay đến sự đổi thay chiến lược quan trọng biểu lộ một cuộc đảo chánh êm thấm trong chính trường VC: phe thân Nga thắng thế trước phe thân Tàu, quan niệm chiến tranh cổ điển của Võ-Nguyên-Giáp với sự hỗ trợ của vũ khí Nga, thắng thế trước quan niệm chiến tranh nhân dân, trường kỳ đề kháng của Trường-Chinh. Luận cứ này đã quên rằng Võ-Nguyên-Giáp là tác giả cuốn

«Chiến tranh nhân dân, Quân đội nhân dân» và chắc đã bị ám ảnh bởi một bản tham luận về trường kỳ kháng chiến ký tên Trường Chinh.

Ý-niệm nhân dân căn bản không có gì mâu thuẫn với ý-niệm hiện-đại-hóa quân đội mà một vị Tổng-Tư-lệnh bắt buộc phải quan tâm tới để theo kịp đà tiến bộ thế giới, bảo vệ lãnh thổ, củng cố chế độ. Mặt khác, một chiến lược được gọi là hữu hiệu không thể đóng khuôn trong những nguyên tắc cứng nhắc, thiếu sự uyển chuyển thích hợp với môi trường ứng dụng. Chiến lược Chiến tranh Nhân dân của Mao Trạch Đông mang tính cách động viên quần chúng chính trị trong một khung cảnh nhung nhúc những nông dân bao vây những ốc-đảo thành phố của đám quân lính Quốc Dân Đảng thiếu căn bản giai cấp ngay cả vùng đô thị. Vì thế nó đã mang lại thành công không chối cãi được để làm nền tảng cho lý thuyết Lâm Bưu mở rộng trên tương quan tất thắng của thế giới đệ tam nông nghiệp, nghèo đói đối với thế giới tư bản đô thị đang rẩy chết. Đảng này, đám dân Việt không đủ đông để hù trước những lực lượng can thiệp từ bên ngoài, hậu phương không đủ rộng để cho các toán quân xuất phát từ đô thị phải thấy bỡ ngỡ, lạc loài đến thành hoang mang. Địa thế mỏng tanh nằm ép theo chiều dọc biên khơi khiến cho con đường liên lạc Bắc Nam phải rời bỏ Quốc-lộ 1 mà đi vào tận trong

cùng, mượn luôn cả đất trống của nước láng giềng. Chiến lược dùng phi pháo tạt cạn nước đã quy định một chiều di cư bắt buộc, đem lại tình trạng đô-thị-hóa cưỡng ép, vét cạn quần chúng thôn quê để dễ bề vạch mặt du kích. Bởi vậy, trong trường hợp này quân du kích, muốn sống còn, không thể chỉ học thuộc lòng sách vở là đủ mà còn phải linh động hơn gấp bội. Cùng tột của sự linh động đó là cuộc Tổng công kích bất thần hồi Tết Mậu Thân. Ưu điểm của chiến dịch này là lợi dụng được bản chất vốn dĩ rời rạc của tổ chức thị dân, mà lại còn rời rạc hoang mang hơn vì đám lưu dân nông thôn bị dồn ép về. Nhưng cũng từ tính chất thị dân thiếu căn bản này đã đem lại thất bại cho VC khiến họ không tổ chức được cuộc Tổng-nổi-dậy mà những người cán bộ hấp tấp một hai ngày từ rừng xuống, từ đồng quê vào, còn bỡ ngỡ vì các loại «chiếu bóng trong tú» hẳn không đủ khả năng phát động được.

Tổng công kích thất bại làm các cơ sở quần chúng lộ diện; lại còn theo với đà xuống thang giả tạo vì hội đàm Ba-lê, các đội quân chính qui đã không thể ở nội địa để làm thế nâng đỡ cho du kích nên rút ra vùng biên giới lấy hậu cứ nơi các xứ Miên Lào cực hữu đồ nát để làm vùng củng cố. Và tính chất chiến tranh cứ tiếp tục đi theo chiều thuận lý của nó. Với đà rút quân của người Mỹ, phía bên này thành hình một hình thức chiến

tranh mới mà người ta đã đặt tên là «chiến tranh Đông Dương thứ 3»: Chiến tranh Không quân. Không quân được sử dụng đến một mức độ chưa từng thấy ở Miền Nam, dọc theo đường mòn Hồ Chí Minh và ở một vài vùng Miền Bắc. Trước các phương tiện áp đảo to lớn như vậy, quân chống đối tất phải được viện trợ những thứ khí giới trả đũa tương xứng — tất nhiên vẫn còn phải vừa với tầm mức một đạo quân nổi loạn nhược tiểu. Cường độ chiến tranh lớn dần trong cái bề ngoài mâu thuẫn là cái dáng bình yên ở bên trong biên giới. Chương trình Việt-hóa đầy quân đội VNCH vượt biên giới đề mong tìm an bình nội địa nhưng đã đem lại kết quả trái ngược vì lỗi lầm chính trị lặp-lại-nhiều-lần của một chánh quyền địa phương cực hữu thân Mỹ xa rời dân chúng, mới được dựng lên ở Miền, khiến cho vùng chiếm đóng của quân nổi loạn rộng hơn trước. Từ những hậu cứ an toàn lớn rộng này đã xây dựng những khu vực tiếp liệu vừa với kích thước của các đại đơn vị tập trung về đây dưỡng quân, huấn luyện.

Cho nên chiến dịch Xuân Hè năm nay phát động ngày 30-3, nhưng thực ra các lực lượng đã đối kháng nhau theo cường độ mới từ 1971. Vùng Tam Biên là nơi dễ cho quân du kích ẩn nấp, áp-dụng chính sách tránh né, hơn nữa lực lượng lùng diệt cũng tương đối không lớn nên các cuộc chống đối không gây tiếng vang nhiều. Riêng

biên giới Miền-Việt gần Sài Gòn nơi áp lực quân chính phủ lớn lao, Hạ Lào nơi yết hầu con đường tiếp vận Bắc Nam, rõ ràng vì các yếu-tố quan trọng đó nên đã xảy ra những trận đánh dữ dội, gây nhiều bình luận mâu thuẫn. Như thế cũng rõ ràng Snoul (sát bên An Lộc), Tchepone (nhìn sang Quảng Trị) là dứt điểm của các chiến dịch bên chính phủ và là khởi điểm chiến dịch Xuân Hè 72 của Việt-Cộng.

Tóm lại, đã không có sự đột ngột thay đổi chiến lược nào phía bên VC mà chỉ có một hình thức leo thang chiến tranh trong tình thế mới thôi.

Thiết giáp có chỗ đã được sử dụng như một thứ da cộp hủ nhát, khi thực sự đó chỉ là những chiếc máy cày, xe trâu có gắn đại liên. Nhưng mục đích chính của chúng là tăng khả năng yểm trợ cho đạo quân bộ đi theo. Phi cơ vẫn là khắc tinh của thiết giáp, nhưng các ồ súng phòng không gắn trên xe, lăn trên bộ, hay các hỏa tiễn cầm tay Strella cũng có khả năng cản bớt sự công kích của không quân để cho bộ binh đối chiến bộ binh. Tất nhiên những phi vụ B52 còn có một mức độ hữu hiệu nào đó khiến địch quân khó tập trung quân, ví dụ như trong trận Kontum đang tiếp diễn, họ phải áp dụng chiến thuật «cóc nhảy», xâm nhập từng đợt nhỏ rồi bám sát chiến trường thành phố để nếu không bị đánh bật ra hết thì tích trữ lực lượng làm cuộc tấn công toàn diện kết thúc.

Kết quả thì như mọi người đã thấy trong tương quan lực lượng giữa hai đối phương, tùy thuộc ở vị trí phát đông và điều kiện xã-hội trong vùng. Ở phía cực Bắc, rõ ràng áp lực địch rất mạnh và họ đã cố tình phô trương tính cách nổi dậy bằng cách tấn công từ phía Tây và chừa ra đầu cầu Nam Hiền lương — ít ra là lúc đầu. An Lộc còn đứng vững nhờ vị trí gần Saigon và Việt Cộng đành phải chuyển sang chiến tranh tiêu hao, công đồn đả viện xưa cũ. Có lẽ đáng chú ý nhất vì kết quả tác động phối hợp là mũi dùi ở giữa từ Tam Biên chia vào Kontum mà vang động tới tận duyên hải Bắc Bình Định. Đây là dấu hiệu rõ rệt nhất của tính cách đồng nhất và liên tục của cuộc chiến hiện tại như ta đã nói vì ở đây Việt-Cộng đã gây lại được các thế tương trợ vận động chiến — du kích chiến của các lực lượng chính quy trở lại nội địa, xuống đồng bằng phối hợp với các ồ du kích đang nín hơi lặng tiếng nơi các làng xóm, có bề ngoài an bình mà những người quá lạc quan đã cho là bình định xong rồi. Vùng 4 chiến thuật cũng là một thí dụ khác trong một kích thước lớn về việc gây dựng lại cơ sở du kích dưới áp lực của các trận đánh quan trọng thu hút các sư đoàn chính quy để một mình các lực lượng địa phương loay hoay với các thành phần chuyên nghiệp làm ung thối thôn ấp.

Tất nhiên với tình thế ấy thì phản ứng quyết liệt của Nixon sau ngày

8-5 quả đã không có gì là quá đáng trong toan tính bảo vệ cho uy tín nước Mỹ. Các biện pháp trả đũa kỳ này lên đến một mức độ gây trầm trọng cho cả tình hình thế giới, hình như với dụng ý cuối cùng đưa đến sự can thiệp của Liên-Hiệp-Quốc để đỡ gánh nặng cho Mỹ, để có thể tạo nên một vụ Triều-Tiên êm thấm hơn. Có nhiều người đã hoài nghi về hiệu quả ngăn chặn tiếp liệu đưa vào Miền Bắc, đi xuống Miền Nam, vì lấy theo kinh nghiệm của thời leo thang oanh tạc trong nhiệm kỳ của Tổng-thống Johnson đã qua. Có người ngóng về hội nghị thượng đỉnh Mạc Tư Khoa để mong đợi một lối thoát cho cuộc chiến Việt-nam.

Thực ra, việc gặp gỡ giữa những tay đối địch cỡ lớn nếu không giải quyết được toàn bộ những vấn đề xung đột thì ít ra cũng đem lại cơ hội cho những giải quyết tiếp theo, và đối với bên ngoài cũng tạo ra được một không khí hòa hoãn, nhẹ nhõm trong một lúc nào đó. Nhưng những kẻ hoài nghi hội nghị thượng đỉnh Mạc Tư Khoa trong vấn đề Việt-nam thực cũng có căn cứ phần nào. Họ càng có lý khi ta nghe Ngoại trưởng Mỹ thú nhận rằng Tổng Thống Nixon đã từng đặt vấn đề với Bắc-kinh nhưng bị từ chối. Mặt khác thời này cũng không phải là thời quyền lực tuyệt đối của các nước lớn nữa. Liên xô nghe người anh em nhỏ Albanie ở bên hông nheo nhéo chửi bới suốt ngày cũng không phải dễ một lúc mà tung quân sang bịt miệng. Còn trường hợp Việt-nam với Mỹ, Nga, Trung Hoa nữa...

Sự tráo trở chính trị vốn không phải là độc quyền của ai, của nước nào hết. Một hiệp-ước có giá trị không phải ở những lời hứa hẹn, cam kết mà là ở tương quan lực lượng tạo nên sự cam kết, hứa hẹn kia, nói một cách khác, giới hạn giá trị nằm ở mức độ thi hành hiệp ước đó. Tất nhiên cũng như ở những lãnh vực khác, vấn đề hiệu suất phải nằm ở hàng đầu bề bảo đảm cho lời hứa được liên tục. Bởi vậy không phải chỉ vì uy tín lãnh đạo thế giới Cộng-sản mà Nga, Trung Hoa tiếp tục chi viện cho Việt-cộng mà thật cũng vì hiệu suất chống đối tiêu hao Mỹ của Việt-cộng đem lại nữa. Cho nên khi hải cảng Bắc Việt bị phong tỏa thì các đường bộ được mở ra với sự thỏa thuận cố làm vể lộ liễu của Nga và Trung Hoa. Và chúng ta có thể tin rằng sự chi viện này vẫn tiếp tục chừng nào mà Việt-cộng chưa buông tay chống đối, cho dù có những hội nghị thượng đỉnh làm kéo dài chiến tranh Việt-nam ra.

Ảnh hưởng các hội nghị thượng đỉnh ngược lại với sự mong ước của mọi người là sự thực không thể chối cãi và đang được chứng minh trước mắt. Trong bài toán Việt-nam, người Mỹ tưởng đã tìm được giải đáp bằng chiến tranh không quân, dùng kỹ thuật cách-không áp đảo bên địch và bằng chương trình Việt-hóa thay đổi màu da xác chết trên chiến trường để dân Mỹ chịu đựng lâu dài hơn. Kết quả thực đã khả quan trong gần suốt nhiệm kỳ Tổng-thống Nixon khiến Việt-cộng phải thu mình chịu đụn

nguyên cứu biện pháp chống đối. Trong cùng thời gian, họ phải chịu đựng luôn cả những đòn mạnh tay của Nixon trên con đường hòa giải với các nước Cộng-sản lớn : cuộc oanh tạc Bắc Việt trước kỳ Hoa du được lặp lại và mở rộng trên toàn đất Bắc, tô đậm thêm bằng cuộc phong tỏa bờ biển trước cuộc Nga du bây giờ đã chứng tỏ nhận xét đó. Như chúng tôi đã từng nói nhiều lần, trong khi mối đe dọa Thế chiến nổ bùng có thể dập tắt tức khắc những xung đột địa phương, thì viễn tượng hòa hoãn quốc tế trái lại có thể kéo dài các cuộc chiến địa phương để bom thường rơi trên một vùng nào đó, giải tỏa những trái bom khinh khí, nguyên tử, bom «toàn năng» — như phát giác mới đây — rơi trên kinh đô các nước lớn. Có một giới hạn chịu đựng lẫn nhau của các nước lớn, có một không khí hòa hoãn lớn vờn trong tương giao thế giới để cái đinh ốc trong tay người Mỹ xiết bắt chốt làm đau điếng anh VC mà không gặp phản ứng tương đương kịp thời ở những người anh em xã-hội chủ-nghĩa của họ. Năm 1968, kế hoạch phong tỏa Hải-phòng được đưa ra nhưng không dám thi hành không phải vì Johnson ít cương quyết hơn Nixon, nhưng vì ngày nay Nixon mới đi Trung Hoa về đã len được mũi dao ngoại giao vào cạnh sườn nước Cộng sản đầu đàn để Liên-xô nuốt hận vớt tàu chìm, chôn thủy thủ mà không dám hủy bỏ lời mời Tổng-thống Mỹ : «Kỷ nguyên thương thuyết thay thế kỷ

nguyên đương đầu như Nixon nói rõ ràng đã đem lại lợi thế đầu tiên cho người Mỹ rồi.

Nhưng tất nhiên người Mỹ cũng biết chiến tranh không quân không đủ đem lại kết thúc cho cuộc chiến kéo dài hơn 10 năm về phía họ. Người ta đã nói nhiều và chính Tổng-thống Nixon cũng nhắc lại ngày 8-5 về vai trò chính yếu của quân dân VNCH trong việc bảo vệ Miền Nam. Và cứ mỗi lần nhắc lại như vậy, những người có đầu óc bi quan lại nghĩ đến tình trạng bấp bênh của chế độ Miền Nam. Đại khái, theo họ, nền tảng xã hội Miền Nam đã không vững chắc vì căn bản sản xuất không có, tính cách trung gian tiêu thụ khiến tạo ra và nuôi dưỡng những tập thể ăn xổi ở thì, bốc hốt, chụp giựt, từ đó tổ-chức-tính không được thành hình nên không có một đoàn thể nào vững vàng cơ sở, đặt ra và thực hiện những chương trình hoạt động dài hơi trong những sắp xếp đoán kỳ linh động đối phó với thời cuộc. Khuyết điểm này giải thích tại sao khi tình hình chiến trường có chút yên lặng thì các phong trào quần chúng chống đối lại lên cao. Còn quan điểm cận thị thì dễ đưa đến sự lạc quan quá trớn và gây hoang hốt khi va chạm đến thực tế khó khăn.

Cơn lại-nồm mùa Hạ năm nay cũng như những cơn bão chướng vụ mùa tháng ba, mang tính cách bất thần, dữ dội gây hư hại nhiều nhưng rồi cũng sẽ tàn đi. Chắc Việt-Cộng sẽ cố gắng kéo dài áp lực đến cuối năm để

đòi hỏi giải pháp chính trị có lợi trước nhu cầu tuyên cử của người Mỹ. Nhưng nếu năm 1968 họ thành công với Johnson thì lần này có lẽ họ không đạt được thành quả lật đổ Tổng Thống Mỹ nữa. Nếu không có yếu-tố mới đề chính Nixon, hay một vị Tổng-thống kế nhiệm nào khác, kết thúc được cuộc chiến theo một thể thức nào đó thì cơn bão này tàn đi lại tiếp nối bằng những biến động gió-chướng khác chờ mùa bão tới vào một lúc nào đó thuận tiện theo người điều khiển cuộc chiến. Lại có thể cần thời gian vài năm sau để cho lớp trẻ năm nay còn bần quẫn hồng đít đến lúc đó đủ sức cầm được khẩu súng. Một thứ súng nào đó tối tân hơn, có lẽ bắn bằng đầu đạn nguyên tử... Cơn bão chiến cuộc do đó lại có thể có đáng dữ dội hơn, nhưng người ta chịu đựng được. Vì những kẻ không chịu đựng được đã chết hết rồi. Chiến tranh vẫn luôn luôn còn mới mẻ nên còn hấp dẫn mãi những người muốn có ý tưởng để say mê và vẫn luôn luôn mang lợi quyền lại cho những người muốn làm giàu và muốn đè đầu cỡi cò thiên hạ.

TẠ-CHÍ-ĐẠI-TRƯỜNG

30-5-72

BÁCH KHOA ĐÓNG TẬP

Bộ Bách Khoa từ 1957 đến 1971 gồm 44 tập (thiếu các số 1, 9, 12, 28, 64, 70, 81, 88, 92, 95) — Hỏi tại Tòa soạn.

Ý - thức Maphilindo

(Nỗ - lực kết khối Đông-Nam-Á)

Bộ tộc Malay (1) vùng Đông Nam Á hải-đảo là một trong những nhóm dân Bách-Việt đã từ Hoa-lục thiên di xuống Đông-Nam-Á sớm nhất, có lẽ cùng thời với bộ tộc Lạc-Việt. Khi tới mỏm đất cuối cùng của lục địa, nhiều toán đã vượt biển và đổ bộ lên những hải-đảo nằm rải rác từ eo Malacca vòng lên tới đảo Luzon tạo thành khối dân đa số của Liên-bang Mã-lai-á, In-đô-nê-sia và Phi-luật-tân ngày nay (2).

Qua bao nhiêu thăng trầm biến đổi của lịch sử, những cái tên như Srivijaya, Majapahit...vẫn luôn luôn là một âm hưởng của một dĩ-vãng kiêu hùng ám ảnh tâm hồn người Malay và nung nấu một ý chí kết hợp bất diệt. Ý chí ấy đã được dịp dâng cao đến tột độ sau khi những tổ hợp chính trị trong vùng lần lượt thoát khỏi vòng kiểm tỏa của Thực dân Tây-phương.

Mốc-ghi-dấu biểu lộ ước vọng của hải-đảo đã được kết tụ bằng chữ Maphilindo (Mã-lai—Phi-luật-tân—In-đô-nê-sia) trên những văn kiện chính thức được công bố vào năm 1963. Nhưng liên-bang Maphilindo đã không tựu thành vì mâu thuẫn nội tại của thế-giới Malay và vì ảnh-hưởng kéo bè kéo nhóm của các cường lực.

Dù sao ý chí kết hợp vẫn chưa tan biến hẳn. Ý chí ấy bám trụ tiên-

khởi vào mặt tình trong niềm ước vọng quần tụ những người cùng bộ tộc, sau tới mặt lý trong suy tính hiệp lực về chánh-trị, kinh-tế, quân-sự, văn-hóa...và dĩ nhiên đã tạo thành một ý-thức chung — ý-thức Maphilindo. Ý thức này vẫn đang soi đường cho những công trình tổ hợp chẳng những riêng vùng hải-đảo mà còn cả trên lục-địa. Do đó, nói đến ý thức Maphilindo ở đây là nói đến nỗ lực kết khối toàn miền Đông-Nam-Á.

Kiểm điểm lại một cách tổng quát những nỗ lực đã qua để có cái nhìn rõ rệt hơn về phương thức kết khối trong tương lai là mục đích chính của bài này.

Từ dự tưởng đơn phương

Ý tưởng kết khối giữa những người Malay đã được ghi nhận ngay từ thế kỷ 19, trong khi toàn vùng còn đang chìm đắm trong tăm tối của nền đô hộ Tây Phương. José Rizal và Apolinario Malini, những nhà cải cách Phi-luật-tân, đã từng

(1) Để tránh lầm lẫn trong danh xưng Mã-lai, chúng tôi thường tạm dùng Malay để chỉ tên dân tộc, Mã-lai để chỉ tên quốc gia, tên đất, như liên-bang Mã-lai (1957-1963), bán đảo Mã-lai, và Mã-lai-á là danh xưng của Liên bang hiện hữu gồm Liên bang Mã-lai cũ và hai tiểu-quốc Bắc Bornéo.

(2) Xin coi lại BK số 292 ngày 1-3-1969 bài «Dấu chân Bách-Việt» của P.V.Châu.

nhằm tới việc hình thành một tổ hợp dân tộc Malay gồm Bornéo, Nam-dương thuộc Hòa, bán-đảo Mã-lai và Phi-luật-tân.

Trong thập niên 1930, khẩu hiệu «Phục hoạt Malay» đã được tổ chức Thanh-Phi của sinh viên Phi-luật-tân nêu lên làm biểu thức tranh đấu. Manuel Quézen (Tổng thống nước Phi tự trị dưới quyền bảo hộ của Mỹ — từ 1935 đến 1941) lại đề cập đến hình thức một liên-oang rộng lớn hơn, bao gồm không những khu vực hải-đảo mà còn tất cả các quốc gia lục địa của Đông-Nam-Á. Theo ông, một liên-bang như vậy sẽ tự lực tự cường được về mặt kinh-tế, sẽ ổn cố về mặt chính-trị và có thể đứng vững trước mọi áp lực quốc tế.

Tại Thái, thời kỳ 1938-1944, vì chịu ảnh hưởng của các phong trào quốc gia cực đoan Đức-Y-Nhật, phe quân nhân cầm quyền đã bỏ quốc hiệu Siêm cũ đổi lấy quốc-hiệu Mưong Thái (Đất của dân-tộc Thái-Thailand) và tung ra chủ trương giải-phóng các quốc-gia anh em gốc Thái tại Đông-Nam-Á lục-địa nhằm tạo lập một nước (hoặc Liên-bang) Đại Thái hùng mạnh.

Ở Việt-nam, ngay trong những năm chót của Thế-chiến 2 (1943-45) nhà cách mạng trẻ tuổi Lý-Đông-A cũng đã hình dung ra một Liên-bang bao gồm toàn thể các nước Đông-Nam-Á mà ông gọi là Liên-bang Đại-Nam-Hải. Điều đáng tiếc là họ Lý đã bị Cộng-sản Việt sát hại ngay

sau đó và chủ-trương kết khối của ông cũng bị chìm trong quên lãng.

Tại Miến-điện, năm 1947, ngay từ khi còn đang giành nỗ lực cho công cuộc vận động độc lập quốc-gia, lãnh tụ Aung San cũng đã nghĩ đến nhu cầu kết-hợp Đông-Nam-Á. Ông cho rằng: Trong khi Ấn-độ đã trở nên một thực thể và Trung-hoa một thực thể khác, thì Đông-Nam-Á cũng phải tự hợp thành một thực thể riêng biệt (1). Trong một dịp khác ông cũng vạch rõ nhu cầu kết khối Đông-Nam-Á không những nhằm đương đầu với các cường lực Mỹ, Âu, Liên-sô mà còn đương đầu với cả ba nước lớn Á-châu: Tàu, Nhật, Ấn (2). Con người có mộng lớn ấy đã chẳng bao giờ thấy mộng mình trở thành sự thực vì ngay trong năm 1947 ông đã bị chết trong một vụ mưu sát.

...đến những xướng xuất có đáp ứng

Sang thập niên 1950, diễn biến đầu tiên đáng ghi nhận là hội nghị Baguio do Phi triệu tập vào tháng 5-1950. Hội nghị đã quy tụ được 3 nước Đông-Nam-Á (Phi, In-đô-nê-sia, Thái-lan) và 4 nước láng giềng (Ấn, Hồi, Tích-lan và Úc). Hội nghị đã kết thúc với sự thất bại hoàn toàn của Phi trong mưu đồ hướng các nước vào con đường chống Cộng thân Tây-phương. In-

(1) Afro Asian and Alignment, Jansen, trang 73.

(2) Asia Awakes, Dick Wilson, trang 282.

đô-nê-sia đã chối bỏ dự tính của Phi cũng như sự dẫn dắt của Phi.

Tới tháng 4-1955, In-đô-nê-sia đã đứng ra triệu tập Hội-nghị Á-Phi tại Bandung nhằm thành lập lực lượng thứ ba, trung lập giữa Nga-Mỹ. Hội nghị đã đạt được thành quả là tạo tin tưởng cho toàn thể các nước Á-Phi về vai trò mới của mình trong cộng đồng thế giới và tạo quyết tâm gạt bỏ ảnh hưởng thực dân cũ cũng như chống lại sự tiềm nhập của ảnh hưởng thực dân mới. Bandung đã quy tụ được tất cả các nước Đông-Nam-Á (trong đó có cả đại diện Bắc-Việt và đại diện Nam-Việt), trừ Mã-lai chỉ gửi quan sát viên vì chưa độc-lập.

Mặc dầu hai hội nghị trên không phải là hội nghị của riêng các quốc gia Đông-Nam-Á nhưng ảnh-hưởng đối với vùng này thật là rõ rệt: Banguio - 1950 đã là một trong những diễn biến đưa đến Tổ-chức Liên-phòng Đông-Nam-Á (SEATO) của Mỹ; trong khi Bandung-1955 đã là một diễn biến đưa đến phong trào chống SEATO của chính các nước trong vùng (Miến, In-đô-nê-sia, Kam-pu-chia).

Sau khi thâu hồi độc-lập (1957), Thủ-tướng Liên-bang Mã-lai Tengku Abdul Rahman đã viếng Phi-luật-tân (1-1959) và đã cùng Tổng-thống Garcia loan báo sẽ thành lập Liên-minh Kinh-tế và HỮu-nghị Đông-Nam-Á (SEAFET). Hai nhà lãnh đạo này cũng nói rõ là sẽ mời cả

In-đô-nê-sia tham dự; nhưng ngay sáu khi biết tin, phát-ngôn-viên In-đô-nê-sia đã trả lời dứt khoát là In-đô-nê-sia chỉ nói chuyện trên căn bản lưỡng quốc, hoặc trên căn bản Á-Phi theo tinh thần Bandung, và từ khước đề-cập đến vấn-đề chống Cộng hay vấn-đề liên-kết với Tây-phương.

Dù sao SEAFET vẫn còn âm hưởng trong vùng và âm hưởng ấy đã được đáp ứng với cuộc gặp gỡ Phi-Mã-Thái để thành lập Hiệp-hội ĐNA (ASA) ở Bangkok ngày 31-7-1961. Để tránh thành kiến bất lợi, ba nước hội-viên sáng lập ASA đã phải nhấn mạnh đến các mục tiêu tích cực của tổ chức, đặc biệt là về địa hạt kinh tế, hầu làm nhẹ bớt mục tiêu chống Cộng tiềm ẩn bên trong. ASA đã lấy Khối Bắc-Áu làm mẫu kết hợp. Thành quả sơ khởi của Hiệp hội là việc giản dị hóa những thủ tục di nhập giữa ba nước và tạo dựng những tiện nghi liên lạc (hàng không, đường sắt, viễn thoại). Nhưng công trình ASA cũng chỉ được đến đó rồi lại đình trệ vì mâu thuẫn địa phương này sinh giữa Mã-lai và Phi-luật-tân trong việc thành lập Liên-bang Mã-Lai-Á.

Maphilindo: Đánh trống bỏ dùi

Trở lại ý-thức kết-hợp dân-tộc Malay, năm 1961, Subandrio, Ngoại trưởng In-đô-nê-sia đã nói trước Đại-hội-đồng Liên-hiệp-quốc: "Thực sự giữa những người gốc Malay có một ước mong thành khẩn kết tụ với nhau và dồn mọi nỗ lực quốc-gia và

một mục tiêu chung về chính-trị, kinh-tế cũng như văn hóa... Chính Thủ-tướng Liên-bang Mã-lai, Tengku Abdul Rahman cũng đã tán thưởng một cách hăng hái ý niệm này».

Quả vậy, dân Malay trong Liên-bang Mã-lai đã trông vào sự hình thành tổ hợp ĐNA hải đảo như một lối thoát ra khỏi cuộc xâm lăng thăm lạng của tập thể người Tàu trên đất Mã. Năm 1959 khi viếng Manila, Rahman đã thiết tha kêu gọi người Phi hãy liên kết chặt chẽ với những người «anh em gốc Malay». Ông ta cũng đã nói tới «sự phục hoạt của nòi giống Malay sau thời kỳ phân hóa vì bị Tây phương thống trị» nhằm đưa đến «công cuộc xây đắp mối liên kết chặt chẽ hơn giữa nhân dân gốc Malay trong toàn vùng» (1).

Cũng trong năm, Edwardo L. Martelino, một nhà văn Phi đã xuất bản một cuốn sách nhan đề «Some-day Malaysia» nhằm cõ võ việc thành lập một liên-bang gồm In-đô-nê-sia, Phi-luật-tân và Mã-lai.

Tháng 7-1962, nhân vụ rắc rối vì tranh chấp Bắc Bornéo giữa các nước trong vùng, Tổng-thống Phi Macapagal đã kêu gọi nhân dân gốc Malay hãy lấy tình ruột thịt xóa bỏ hận thù đang khơi lên do ý tưởng bành trướng quốc-gia nhỏ hẹp. Ông cho rằng «đó là việc chính nhân dân Malay chúng ta phải tự làm lấy» và đề nghị «một hình thức Liên bang Đại Mã-lai, khởi đầu bằng sự kết hợp bán đảo Mã-lai, Phi-luật-tân, Tân-gia-ba, Sarawak, Brunei và Bắc

Bornéo». Tổ hợp đầu tiên này sẽ đề cử ra ngỏ cho In-đô-nê-sia tự do bước vào khi thấy thuận tiện. Vẫn theo ông, «với hình-thức đó, vùng ĐNA hải-đảo sẽ trở thành một Liên-bang thống nhất có một nền chính-trị, kinh-tế, văn-hóa cũng như địa-lý rất hoàn hảo».

Từ khi Mã và Anh thỏa thuận kế hoạch súc tiến việc thành lập Liên-bang Mã-lai-Á, tranh chấp giữa In-đô-nê-sia và Mã-lai càng trở nên gay gắt hơn, nhất là sau cuộc vũ trang nổi dậy của Đảng Ra'kyat ở Brunei vào tháng 12-1962. Trong mấy tháng đầu năm 1963, những va chạm liên tiếp giữa hai nước đã tưởng sẽ trở nên vết rạn nứt vô phương hàn gắn, nhưng nhờ những nỗ lực vận động hòa giải bên trong, Sukarno và Rahman đã nhận gặp nhau ở Đông-Kinh trong hai ngày 31-5 và 1-6-1963. Cuộc gặp gỡ đã mở đầu cho những lần thương nghị sau đó.

Từ 7 đến 11-6-1963, các ngoại-trưởng Phi (Pelaez), In-đô-nê-sia (Subandrio) và Mã-lai (Razak) đã họp ở Manila. Hội nghị này đã đưa ra thỏa ước Manila, tuy nội dung chưa minh định rõ rệt một kết quả cụ thể nào, nhưng đã thấy có sự đồng ý thu xếp mọi chuyện trong vùng một cách hòa bình và trong tình anh em ruột thịt. Hội nghị này đã mở đầu cho bước gặp gỡ quyết định của Sukarno, Macapagal và Rahman từ ngày 30-7 đến 5-8-1963 cũng tại Manila. Ngay ngày đầu ba nhà lãnh đạo đã ký thỏa ước Manila do các ngoại-trưởng hoàn

(1) Antara 21-1-1959

thành từ tháng 6. Sau đó, hội nghị cũng đã đưa ra hai văn-kiến : Bản Tuyên-cáo Manila và Thông-cáo chung.

Trong Thông-cáo chung, ba nước đã khẳng định rằng : Các xứ Malay có căn cứ quân sự tạm thời của ngoại quốc phải bảo đảm là các căn cứ này sẽ không được dùng làm nơi xuất phát khuyh đảo trực tiếp hay gián tiếp nền độc lập của quốc gia Malay khác. Thông-cáo cũng nhấn mạnh «Hòa-bình và an-ninh trong vùng nằm trước hết trong tay chính phủ và nhân dân các nước. Ba chính phủ phải tham khảo ý kiến lẫn nhau một cách chặt chẽ về những vấn đề này».

Tuyên-cáo Manila đã mô tả ba nước Malay anh em đều sát cánh trong công cuộc «chiến đấu chống lại chủ-nghĩa thực-dân và đế-quốc». Nhưng quan-trọng hơn hết, Tuyên cáo nhấn mạnh Hội nghị cao cấp ba nước là «những bước đầu tiến tới thành lập Liên-bang Maphilindo», một Liên-bang quy tụ các dân tộc Malay ở Đông-Nam-Á hải-đảo, bộ tộc đông đảo và quan trọng nhất còn sót lại của đại tộc Bách-Việt.

Tiếng vọng Manila đã được tiếp nhận một cách say sưa, đầy tin tưởng trong quảng đại quần chúng Malay. Đâu đâu người ta cũng nói đến Maphilindo đến nỗi đối với nhiều người, Maphilindo đã gần như trở thành một thực thể. Một nhà văn Phi đã hãnh diện kể lại : Khi qua Liên-bang Mã-lai-Á và Cộng-hòa In-đô-nê-sia,

có người hỏi ông ta là dân xứ nào, ông ta đã không ngần ngại trả lời «Tôi là công dân Liên-bang Maphilindo».(1)

Nhưng còn các nhà lãnh đạo ba nước ? Ngay sau hội nghị thượng đỉnh, trong khi hào quang của thắng lợi chung Maphilindo còn chưa tắt trên đỉnh cao thì ba nhân vật cầm đầu đã lạng lẽ rẽ về ba ngã đường khác biệt.

Mã-lai tiếp tục tiến hành việc thành lập Liên-bang Mã-Lai-Á (chính thức thành hình ngày 16-9-1963) và kết khối chặt chẽ hơn với quan thầy Anh. Hai thế lực ở Mã, bọn chính trị gia của giai-cấp phong-kiến Mã và bọn con buôn Trung-hoa, đều có khuyh hướng xa rời Djakarta, nên dần dần Mã-Lai-Á đã tự làm nguội ngọn lửa Maphilindo trong quần chúng Mã.

Phi, với ảnh hưởng Mỹ còn chịu nặng, đã vội quên đi «nguyên động lực anh em Malay ruột thịt» mà tự khoác cho sự thành hình Maphilindo một ý nghĩa chống Cộng thân Mỹ. Chính-trị-gia Phi đã cho rằng chính Trung-Cộng là nguyên-động-lực thúc đẩy ba xứ Malay xích lại gần nhau tìm sự hỗ-tương, cộng tác và thống-nhất. Báo chí Phi cũng nhận định «Dân-tộc Malay đã tìm được một mẫu số chung đề thống nhất — đó là mối đe dọa của Trung-Cộng».(2) Ngay cả Tổng thống Macapagal cũng đã có lần cho rằng : Bắc Kinh là mối đe dọa lâu dài của thế-giới Malay, và rằng :

(1) Philippines Free Press, 29-2-1964

(2) Philippines Free Press, 22-6-1963

In-đô-nê-sia với tiềm lực lớn lao sẽ đóng vai trò lãnh đạo thế giới này chống lại sự bành trướng và phiêu lưu của Hoa lục.

Với Sukarno, việc lãnh-đạo thế-giới Malay là điều được coi như đương nhiên. Sau Hội nghị Manila. Djakarta đã tự gán cho mình trách nhiệm an-ninh toàn vùng và quả quyết thế-giới Malay đang nằm trong vòng ảnh hưởng của mình. Sukarno nói «In-đô-nê-sia công nhận có quyền và trách nhiệm bảo vệ nền an ninh và hòa bình trong vùng với các lân quốc là Phi và Mã». Tiến xa hơn nữa, Tham-mưu-trưởng Quân-đội In-đô-nê-sia còn cho rằng In-đô-nê-sia trách nhiệm nền an ninh và sự thăng bằng của toàn thê ĐNA qua khuôn khổ Maphilindo. Tóm lại, lãnh đạo khối Malay thì có, nhưng lãnh đạo để chống lại Trung-Cộng như điều mong ước của Phi thì chắc chắn là không. Đối tượng đấu tranh của In-đô-nê-sia lúc ấy chính là và chỉ là Đế-quốc tư-bản, cụ thể là Mỹ và

Anh. Trong nội bộ, đảng Công-sản In-đô-nê-sia ngày càng mạnh, ảnh hưởng nặng nề tới chính sách đối ngoại của Sukarno và đã là một trong những nguyên nhân thúc đẩy In-đô-nê-sia châm ngòi chiến tranh với Mã.

Nếu Maphilindo đã làm nhiều người hy-vọng lúc đầu thì cũng lại làm cho nhiều người thất vọng sau đó. Năm 1964, Kam-pu-chia đã tỏ ra rất quan tâm đến đề nghị mở rộng Maphilindo của Phi (với dự tưởng sẽ chế bớt được sự khống-chế của In-đô-nê-sia) và Sihanouk đã hứa sẽ xin gia-nhập khi Maphilindo chính thức thành lập. Nhưng, Maphilindo chẳng bao giờ được chính thức thành lập cả!

(còn tiếp 1)

PHẠM VIỆT CHÂU

Kỳ tới: **Hiệp hội các nước Đ.N.A.** ngày nay và viễn tượng kết khối ngày mai

Tăng cường sinh lực bằng

C E T O N I C

VITAMINE C 250mg

433-YTDP.Đ.

NHÀ XUẤT BẢN LÁ BỐI

Lô O số 121 Chung cư Minh Mạng Saigon 10

Giám đốc sáng lập: Nhất Hạnh

Mời đọc những tác phẩm mới:

- NÈO VÀO THIỀN HỌC
của Nhất Hạnh
- 10 KHUÔN MẶT VĂN NGHỆ HÔM NAY
của Tạ Ty
- VÔ MÔN QUAN
của Thiền sư Vô Môn, Trần Tuấn Mẫn dịch
- ĐỨC PHẬT GIỮA CHÚNG TA
của Bác sĩ Trần Ngọc Ninh
- NÓI VỚI TUỔI HAI MƯƠI
của Nhất Hạnh (*tái bản lần VI*)
- CHINH PHỤ NGÂM DIỄN ÂM TÂN KHÚC
của Phan Huy Ích — Nguyễn Văn Xuân phát giác

Mua sách tại LÁ BỐI được trừ hoa hồng. Luôn luôn bán các sách của các nhà xuất bản uy tín. Nhận gửi sách cho bạn đọc qua bưu điện. Xin hỏi thư mục, nhớ kèm tem. Thư đề Ông Võ-Thắng-Tiết.

BANQUE

A votre service

tous les services de la

BANQUE

NATIONALE

DE PARIS

Sinh dục và Tiến hóa

(tiếp theo B.K. 370)

(b) — Ở giới sinh vật đa bào, theo phương thức sinh dục hữu-tính (Chương-trình di-tính « mở »)

Đề nhận rõ điểm nói trên, chúng ta hãy từ giả cõi vi-sinh-vật, tiến lên thế-giới của sinh-vật đa bào đã chọn phương-thức sinh-dục hữu-tính nhằm tạo thế phát-triển, trường tồn cho chủng loại,

Ở đây, trước hết nếu đã hướng cái nhìn theo khía cạnh sinh-dục, thì những gì đập mạnh vào sự chú ý của chúng ta cũng chính là những gì mà nàng chinh-phụ trong «Chinh-phụ ngâm» đã thấy, đã đề ý và đã nói lên :

«... Chàng không thấy chim uyên
ở nội?

Cũng đập-dù *cũ* với phân-
trương,

Chẳng xem chim yến trên rường,

Bạc đầu không nở đôi đường rẽ
nhau.

Kìa loài sâu đôi đầu cùng sánh,

Nọ loài chim chấp cánh cùng bay,

Liễu, sen là thức cỏ cây,

Đôi hoa cùng đĩnh, đôi dây cùng
liền...

Nàng chinh-phụ, đang độ xuân-tinh phơi-phới lại phải sống trong

cảnh uyên ương chia rẽ, gổi chiếc phòng không, khi buồn ngắm sự vật quanh mình, nhất là cái cảnh «*Hoa giải nguyệt, nguyệt in một tấm, nguyệt lồng hoa, hoa thắm từng bông*», qua cái lăng kính của một tâm trạng khát vọng yêu đương, đã nhận thấy được lắm điều hay. Nhưng chưa thắm gì, Nếu nàng sống vào thời nay, nhìn theo cái nhìn tò-mò của một nhà sinh-vật học nghiên cứu về phong-tục của loài vật, nàng sẽ còn thấy được nhiều chuyện ngộ hơn và lắm điều kỳ thú. Nàng sẽ còn trách người yêu vắng mặt, vì mãi mê với cái chí «*thành liền mong tiến bề rộng*», đề nên «*mười hẹn chín thường đơn sai*», chẳng hạn :

— Sao chàng không thấy, ở trên bãi bèo kia, dưới ánh xuân-quang hay vào những sớm hè sáng-lạn, ngay đến loài *Sam* cũng biết giữ đúng lời hò-hẹn, sánh đôi nhau tình-tự trong điệu nhã-nhạc của gió lộng, sóng triều. Và, dưới lòng sâu đại-dương kia, sao chàng chẳng thấy, ngay những bọn *Cá Ngựa* cũng biết ra-rít ái-ân, thân quấn vào thân, môi tìm môi bám chặt (1), mũi-mồm không kém gì cái điệu «*Hãy sát đôi đầu, hãy kề đôi ngực. Hãy trộn nhau đôi mái tóc ngắn dài. Những cánh tay hãy quấn riết*

(1) — La Faune des Océans—Par E.G. Boulenger — (Les Poissons) p.166 Editions Payot. 1956.

đôi vai » như thường xảy ra trong cõi ái-ân nhân-giới. Và kỳ-diệu hơn nữa, sao chàng chẳng thấy, ngay đến loại *Tóc-Tiên* (*Vallisnérie*), mọc tận dưới đáy hồ sâu, nhưng đến thời-kỳ cần giao duyên thì hoa cái cũng biết tự nói cuống cho dài ra, trườn trên mặt nước, tỏa rộng cánh mở rộng lòng, chờ những chiếc hoa đực si-tình, liêu lĩnh, tự-nguyện hy-sinh đời mình, bứt cuống cho đứt hẳn. lia cành mà vươn lên, mang khí dương đến cho nhụy thắm, rồi sau cơn hương đượm lửa nồng, trong lúc những cánh hoa đực cam chịu cái số-phận trôi giạt theo dòng xanh cho đến khi tan rã, thì những Nàng Hoa Cái, khép cánh thu hình, rút lui, với niềm mãn-nguyện, xuống tận đáy hồ để ủ-ấp cru mang cái kết-quả của cuộc ân-tình vừa thơ mộng, ly kỳ lại vừa náo-nùng bi thảm. (1).

Và sao chàng không thấy... còn có rất nhiều, còn kể sao cho xiết những cảnh «*đôi đầu cùng sánh, đôi cánh cùng bay*» diễn ra trong muôn loại tạo-sinh, trên khắp tinh-cầu.

Nhưng điểm cần lưu-ý ở đây là đối với các loài sinh-vật ở dưới Người, ngay cả những loài từng nổi tiếng là «*chịu chơi*» nhất, như bọn *Dê* và *Hải-câu*, cái chuyện thích hương vẽ nhau, cầu sự gắn bó của nhau như vậy giữa hai phái thụ, hùng, không phải chỉ nhằm vào cái đích thỏa mãn những đòi hỏi sinh-lý, tận hưởng những khoái cảm nhục-dục như ở loài người chúng

ta. Ở các loại tạo-sinh dưới người, dù là Cỏ Cây hay là Cầm Thú, quả tình là không có chữ «*Dâm*» theo đúng cái nghĩa chữ *Dâm* mà loài người thường hiểu, không có những cuộc giao-hoan, ái ân, những cảnh tia rụng bông rơi, mây mưa, đầu buộc tách rời hẳn mục-đích sinh-sản, mục tiêu *truyền-chủng*, ý-tưởng tăng cường thực-lực, tự-thể cho sự sống trong cuộc chinh-phục sâu rộng Tinh-cầu.

Tất cả và ở khắp nơi, đối với loài vật, chuyện trao đổi ái-ân là chỉ cốt nhằm vào chủ-đích thực hiện phận-sự Sinh-sản xét như là một phương-thể duy nhất để *tranh thủ cái tru-thể phiến-thực, tồn-sinh cho chủng loại*. Có thể nói lẽ sống của chúng là ở đó, mà mục-đích cuộc sống của chúng cũng là ở đó. Càng đi sâu vào lối động-ứng của loài vật, chúng ta càng thấy rõ hơn đề phải nhìn nhận rằng cái bản phận ấy, đối với chúng, là cực kỳ hệ-trọng, thiêng-liêng, là sự tuân-hành, với tất cả tinh-thần khấn-trưng, thái-độ nghiêm chỉnh một thứ Mệnh-lệnh đã được ban ra từ sự Sống, đã được ghi sâu vào Ký-ức Di-tính, một nghiêm-lệnh mà mọi thiếu sót, sơ-suất, chệnh mãng, nhất-định sẽ không tránh được cho chúng cái số-phận bất hạnh và thê-thảm của hạng thần-dân dám nghịch mạng một đấng Quân-vương hung bạo. *Luật Đào-thải tự nhiên sẽ không tha thứ*.

(1) — *Les Conquêtes de la Vie par Henri Friedel (De l'Exploration à l'Invasion — Dans le vent). p.34-35.*

Sự tuân hành mạng lệnh này không những chỉ khẩn trương, nghiêm chỉnh, mà có lắm trường hợp còn tỏ ra tàn nhẫn, vô-luân, chẳng hạn trường-hợp những con *Cái*, sau khi sinh nở, liền xơi tái ngay đực lang-quân một cách ngon lành, không chút xót thương ái-ngại, như tình-trạng thường xảy ra ở các loài *Bọ Ngựa*, *Bò Cạp* và ở nhiều loài *Nhện*(1). Đứng trên quan-điểm đạo đức của loài Người mà xét đoán, thì chúng đáng bị liệt vào hàng ác-phụ, đáng tội xử giáo, lăng-trì. Nhưng nếu lại đứng trên quan-điểm sinh-vật-học mà nhận xét, đi sâu vào cái động-cơ thúc đẩy mà luận, thì chúng có lý-do chính đáng của chúng: Xơi tái đực lang-quân chẳng qua là vì trường-hợp bất khả kháng mà thôi, vì cần đáp ứng một nhu cầu mà cả nạn nhân cũng đồng tình chấp nhận. Phải đẻ nhiều, phải được bồi dưỡng gấp đê đủ sức nuôi con trong lúc lâm-bồn, và riêng đối với chủng-loại của chúng, theo một qui tắc nào đó còn ghi lại trong ký-ức di-truyền, thì nguồn tư-dưỡng lúc này không thể là gì khác hơn thân xác của đực lang-quân. Và như vậy việc làm có vẻ tàn nhẫn vô luân của chúng chỉ có ý nghĩa là sự thực hiện một hy-sinh tự-nguyện của cả đôi bên nhằm bảo-đảm sự trường-tồn của chủng loại mà thôi, vì khi đàn con thơ đã có đủ phương thế để tự túc thì con mẹ cũng nổi gót theo cha chúng mà già từ dương-thế.

Chỉ cần quan-sát ở một số loài vật thôi cũng đủ để chiêm-nghiệm được

cái lẽ huyền-diệu này của đạo Hóa-sinh. Loài *Ngài* chẳng hạn, từ trứng nở thành tằm, ăn dâu, ngủ đi ngủ lại, thay da mấy lần, rồi khi đã chín, nhả tơ kéo kén, tự hóa thành nhộng và sau khi từ nhộng hóa ra thành bướm, thì cả bướm đực lẫn bướm cái y như chỉ cùng hiện-hữu để chung lo một phận sự duy nhất mà thôi: quên ăn quên uống, tranh-thủ thời-gian để giao hợp, đẻ trứng, và khi vừa xong nhiệm-vụ thì đời sống cũng chấm dứt theo ngay. Loài *Bướm Cái* cũng có một đời sống rất ngắn ngủi và trước khi hóa kiếp, những con bướm cái bao giờ cũng lo hoàn tất cái nhiệm vụ đẻ trứng vào dưới lá cải, xong rồi mới yên-tâm nhắm mắt, ra đi. Loài *Ve sầu* ca hát suốt mùa hè kia đã từng sống ở trạng-thái *Sâu*, dưới đất, những ba bốn năm trời, và khi chui lên mặt đất, bám cành, thay vỏ, trở nên trưởng thành, những con đực liền cất tiếng ca hát, không phải vì cái hứng văn-nghệ, vì ham vui ham chơi như loại ve sầu của La Fontaine, nhưng để mời gọi thúc-dục những nàng *Ve sầu* phải gấp rút giao hoan, gấp rút sinh nở, trước khi vĩnh biệt cõi đời. Có loại *Ve sầu* ở Mỹ-châu, trong thời-kỳ còn là *sâu*, phải sống những mười bảy năm trời dưới đất, để rồi sau đó chui lên chỉ độ vài tuần, lo chuyện sinh-sản xong liền chết. (2) Loài *Lươn*,

(1) *Les Conquêtes de la Vie par Henri Friedel*—(La Guerre—La part du feu) p.281

(2) — *Les Conquêtes de la vie — par H. Friedel* — (Migrations reproductrices) p. 209

sau bao nhiêu năm phiêu bạt giang hồ, vẫn bươn bả, lặn lội qua hàng vạn dặm, quay về nơi chôn nhau cắt rốn, trong lòng Đại-dương, chẳng vì mục-dịch nào khác hơn là sinh sản hàng đàn con cái trước khi rút lui vào cõi Tử. (1)

Ở giới thực-vật, cái phận-sự này cũng tích cực, khần-trương không kém và cũng chẳng hiếm gì những hiện-tượng lạ lùng. Có một loại *Vô-diệp-hoa* (*Rafflesia*), thường gặp trong các rừng ở Java và ở Sumatra. Ẩn náu trong lòng đất, và chỉ trồi lên trong một thời-gian ngắn ngủi, nảy nở rất nhanh chóng, trong khoảng vài giờ đã trở thành loại hoa lớn nhất trên đời, đường kính dài tới một thước tây, cân nặng tới bảy ký, có màu hồng nhạt, bầy mùi thịt thối. Nó xuất-hiện như vậy đề tung ra bốn phía những mầm vô-diệp cần cho chuyện nối truyền dòng dõi, xong rồi biến đi. (2) Tuy bị chôn chân trong đất, bị cầm giữ tại chỗ, nhưng so với động-vật, thì sức sinh-sản, phát-triển của thực vật còn nhanh chóng mãnh-liệt sâu rộng bội phần, nhờ ở biết bao sáng kiến, kỹ-thuật, mảnh lối tinh xảo, thông-minh. Ngắm nhìn các loài hoa, quan sát lối kiến-trúc, an bài, bố trí, chúng ta sẽ thấy rõ ràng là tất cả đều nhắm vào mục - đích tranh - thủ cái thể phiến thực cho chủng - loại. Đây là *cơ-cấu đề quyến rũ bướm ong*. Bướm ong mà thôi chứ không phải người, vì hoa đâu có phô trương hương sắc vì người. Màu sắc của hoa chỉ được tạo ra theo cái chủ đích mời gọi

bướm ong. Muốn được chú ý thì phải cần làm sao cho dễ thấy, dễ nhận từ xa. Mắt ong chẳng hạn lại khác hẳn mắt người. Những loại hoa có nhiều màu sắc đối với mắt ta thì dưới mắt ong là xám hay đen, mà xám hay đen thì dễ được chú ý hơn là màu sắc, còn những hoa ta thấy chỉ toàn màu trắng, dưới mắt ong lại có màu sắc vì có màu sắc dễ được chú ý hơn là toàn trắng. Cơ-cấu quyến rũ bướm ong ở hoa được cấu-tạo theo cách thể càng lôi cuốn được nhiều sứ-giả giao duyên càng tốt. Cho nên ngoài lối biểu-hiện về màu sắc này còn có hương thơm, mà hương thơm không phải chỉ vụ lôi cuốn mà đủ, còn phải gây được cái tình quyến-luyến, tạo được cái «ghiền» đưa tới sự trung thành của ong bướm bản-tính vốn lang-bang, bất nhất. Chưa hết, hệ trọng hơn là *cơ cấu gửi gắm phần hoa* vào mình ong bướm, sao cho thực xứng với cái mức hưởng thụ mật hoa của bọn ong bướm tham - lam. Rồi đến *cơ cấu thu nhận phần hoa* do bọn sứ giả giao duyên này mang tới. Lại đừng tưởng rằng cống hiến mật ngọt cho bướm, cho ong, là Hoa đã chịu thiệt-thòi nhiều, mất mát nhiều những gì đáng tiếc. Mật hoa đối với ong bướm quả là một nguồn tư-dưỡng quý báu, ngon lành, nhưng đối với hoa, cứ theo quan điểm thực-vật-học mà xét, thì đó chỉ là đồ thừa, đồ thừa mà thôi. Lấy đồ thừa, đồ thừa, biến thành

(1) — La Faune des Océans par E.G. Boulenger (Les Poissons) p.156,157.

(2) — Les conquêtes de la vie par H. Friedel — (De l'exploration à l'invasion) p.32

mỗi ngon, thuốc lú đề quyền anh rú yến, lung lạc khách si-tình, tạo ra cái cảnh ganh đua, chụp giựt :

... Thấy tông hoa nở cúi đầu bướm châm.

Bướm châm mà bướm lại nhâm.

Có bông hoa nở ong châm mất rồi

Thì quả giống hoa không biết nói còn tinh khôn, ranh mãnh, xảo quyết, còn quá quắt hơn giống hoa biết nói gấp trăm nghìn lần. Nhưng xét vì cái động-cơ của nó, nên lý thì đáng ghét mà tình càng đáng yêu. Ngoài cơ-cấu của hoa ra, thực vật còn áp dụng biết bao nhiêu là mảnh lối, thủ-đoạn tinh khôn, ma giáo nữa là khác, nhằm lợi dụng muôn loài động vật và cả những yếu-tố thiên-nhiên như nước kia, gió nọ để tung rải hạt, mầm một cách sâu rộng trên mặt tinh-cầu. Do đó không đi, không chạy mà lại có thể tiến chiếm những sản địa, những tổ sinh-thái xa xôi, nhanh hơn và trước hơn các loài động-vật (1).

Lại đi sâu vào lối động-ứng của các loài động-vật, người ta càng thấy rõ là không những chỉ về phương-diện tính-dục, các phản-ứng của chúng mới nhằm vào mục-đích sinh-sản, mà hầu như tất cả mọi phương-diện sinh-hoạt cũng đều hướng vào việc đáp-ứng nhu-cầu này. Từ sự dinh-dưỡng, sự tự-vệ, đến sự chiếm cứ sản-địa, bám giữ tổ sinh thái, — ở nhiều chủng loại, khu vực nào có sự hiện-diện của Nàng thì đó là giang-sơn của các chàng đực rắp ranh bản sê, và lẽ tự nhiên gót sen vàng

dời đến đâu thì giang sơn cũng dời tới đó (2) — đến lối tranh-thủ sinh-tồn, tất cả những nỗ-lực ấy đều chỉ được thực hiện nhằm vào mục-đích duy nhất là bảo-tồn, phát-triển chủng loại. Và không phải chỉ con vật, mà ngay đến những phần-tử cấu-tạo nên cơ thể nó, cả các khí-quan, cả các phản-ứng nội tại, y như cũng cùng nhất trí, cùng phối hợp trong việc tuân hành nghiêm lệnh thực hiện sinh-sản, không chút đơn sai. Cho nên «*một kích thích tổ tác động lối động ứng của một con cá, một phân-tử huyết-cầu-tổ thay đổi hình trạng tùy theo sức trương của dưỡng-khí, một tế-bào thượng-thận tiết ra chất cortisone, con mắt ếch nhận được những hình-thể động đậy trước nó, con chuột tìm đường tẩu thoát khi chạm trán chú mèo*» dưới mắt nhà sinh vật-học hiện này, là «*những hiện-tượng, sự kiện cùng có một ý nghĩa là tạo cho con vật, trong mỗi trường-hợp như vậy, một lợi-điểm trong cuộc tranh-thủ wu-thể sinh-tồn cho chủng-loại, trong sự bảo đảm dòng dõi của nó về sau*».

(1) Bằng chứng cụ thể và kỳ diệu nhất đã được ghi nhận ở đảo Krakatan, một đảo nhỏ, nằm giữa Sumatra và Java. Một trận phát nổ dữ dội đã xảy ra ở đảo này từ ngày 24 đến 26-8-1883 một nửa đảo bị tan biến, nửa còn lại bị dung-nham nóng bỏng phủ dày hàng thước Tây, không một mầm sống nào còn sót lại. Nhưng sau đó chưa đầy hai năm, vào ngày 24-6-1886, khi nhà thực vật học Treule, lần đầu tiên đặt chân lên lớp dung nham vừa nguội lại đã được chứng kiến cả một cuộc xâm lăng khá thành công của giới thực vật.

(2) — Chiến-tranh không phải là đặc-tính di-truyền của Sally Carrighar, Vũ-mạnh-Hoàng dịch. Tạp chí Đối thoại số 8-1971.

Và đó là sự đòi hỏi, là sức thúc bách, cưỡng-chế của luật đào thải tự nhiên, là cái qui-tắc phải được tôn trọng trên hết và trước hết, cái qui-tắc nó ấn-định rằng: *mỗi cơ thể vừa xuất-hiện trong dòng Sống là tức khắc phải chịu trải qua một sự thử-thách gắt-gao, khắc nghiệt về khả-năng sinh-sản* (1). Vượt được thử-thách thì cái chủng-loại ấy là hạt gạo còn lại trên sàng, được tiếp-tục tồn-sinh, phát-triển. Không vượt qua được thì phải nhận lãnh cái số phận tuyệt-diệt trầm vong. Và sự thử-thách này lại được tái-diễn ở mỗi thế-hệ, với cái khẩu hiệu là: *Sinh-sản nhiều hơn, Sinh-sản mạnh hơn và tất cả cho Sinh-sản. Mọi sự xảy ra quả đúng như nhận-xét của triết-gia Schopenhauer, theo đó, Thiên-nhiên đã lợi dụng tình yêu, tình dục, khoái lạc thế xác vào cái chủ-đích bảo-tồn chủng-loại. Nhận-định này đúng thì có đúng nhưng chưa đủ. Có thể là vì cái chủ-trương diệt-dục và việc coi ý-chí Sinh-hóa là một trong những nguyên-nhân Thống-khò cần phải diệt-trừ, cho nên triết-gia đã nói lên nhận-định này với một giọng mỉa-mai, khinh-miệt, và không biết tới, hay không cần biết tới, cái phần ý-nghĩa khác hơn, cái vai trò quyết-định của sự sinh-dục trong cuộc-tiến hóa sinh-vật trải qua, cho đến nay, trên mấy tỉ năm trời.*

Dựa vào đâu mà cho rằng sự sinh-dục có một vai trò quyết-định trong cuộc tiến-hóa?

Trở về với cái vốn di-tính, mà

cơ-cấu là cái *Thang Huyền-diệu* đã nói trên kia, tưởng nên nhấn mạnh một điểm rất đáng chú-ý, từng được Di-truyền-học ghi nhận, là cái *khuyh-hướng nguyên-chuyển-hóa chương trình di-tính*. Chính đây là cái nó biểu-thị đặc-điểm gần nhất của cuộc Tiến-hóa, và có nghĩa là: *từ cái chương-trình di-tính "đóng", cứng nhắc ở loài đơn-bào, một khung cửa được trở ra theo cái hướng cho phép cơ-thể sinh-vật gia tăng thêm mãi những liên lạc giữa nó với môi trường và mở rộng thêm tầm hoạt-động. Đề làm gì vậy?*

Đề khai thông cho dòng Sông càng tiến xa hơn, càng vươn cao hơn. Bởi lẽ nếu cần tiến-hóa, nếu cuộc tiến-hóa có thể thể-hiện được chẳng là chính nhờ ở sự kiện các hệ-thống sinh-dục ngày thêm cải-tiến. Sự cải-tiến hệ-thống sinh-dục lại là hậu-quả tất-nhiên của sự phức-tạp-hóa cơ-thể, và cái thể phức-tạp-hóa của cơ-thể chỉ có được khi tầm hoạt-động của nó càng xa rộng hơn, khi những liên lạc giữa nó với môi-trường ngoại tại càng gia-tăng thêm nhiều.

Sự phân-biệt *Tính*, đưa tới cái hiện-tượng "*nam nữ cấu-tính*" do đó phải là yếu tố cần-thiết cho nhu cầu nói trên, vì chính phương-thức sinh-dục hữu-tính mở đường cho rất nhiều biến-dịch.

Nói cho đúng ra thì *lưỡng-tính* và

(1) — La Logique du vivant par F. Jacob — (La Molécule: la copie et l'erreur) p. 313.

lối *sinh-dục hữu-tính* đã phát-hiện từ sớm, từ giới đơn bào như ở bọt vi-trùng chẳng hạn (1) Vi-trùng cũng có nữ, nam lưỡng-phái. Nếu một chú vi-trùng đực được dịp may, gần gũi, đối diện với một «người đẹp» đồng chủng, thì những gì phải xảy ra trông cũng khá ngoạn-mục, tình tứ và rất mê-ly. Chàng và Nàng nhất-định sẽ bám vào nhau, sẽ quấn chặt lấy nhau, rồi *niêm thề* của Chàng sẽ được trao trút dần dần vào lòng Nàng, và nếu không có những sức cọ xát nào đó từ bên ngoài tới quấy rầy, gây ra cái cảnh «lá rụng hoa rơi», thì giấc Vu-sơn hay hiện-tượng *thực-hợp* này kéo dài tới gần một tiếng đồng-hồ là ít(2). Jacob và Wollman còn cho biết có trường-hợp sự *thực-hợp* kéo dài đến hai tiếng đồng-hồ và, trong khi đó, một cây cầu nguyên-sinh-chất được thiết-lập giữa hai tế-bào vi-trùng. Những hạt giống di-truyền của tế-bào «cho» được truyền vào tế-bào. Cái theo cây cầu này và khi sự *thực-hợp* các-chung thì cây cầu cũng liền bị cắt đứt. Đề sinh-sản, loại *Mốc Neurospora* vừa có bào-tử vô-tính lại vừa có bào-tử hữu-tính. Những bào-tử hữu-tính cũng phối-hợp hai thứ khác nhau về tính, gần giống như lối phối-hợp của tinh-trùng và noãn ở các loài động vật hay ở loài Người(3). Tuy nhiên, trạng thái *thực-hợp* chưa phải là phương thức *sinh-dục hữu-tính* đúng theo ý-nghĩa của danh-từ. Và lại ở giới vi-sinh đơn bào quả không có gì, cũng chưa có gì bắt buộc, đòi hỏi các tế-

bào vi-trùng phải thực hành theo đường lối này để sinh-sôi, nảy nở, do đó, trạng thái *thực-hợp* chỉ xảy ra một cách rất hiếm hoi, trong một triệu trường hợp sinh-sản chỉ có một trường hợp theo phương thức này thôi.

Nhưng một khi đã cần đến chuyện sinh-hóa, tiến-hóa, thì sự Sống tự nhiên cũng phải tuân theo cái nguyên-ly «Ba người cùng đi thì mất một, một người đi thì được bạn», vì lẽ đã là Đạo thì không thể có chuyện «không cặp, không đôi»(4) và «Phàm việc thiên-hạ, hễ một thì không hóa được, chỉ có đôi mà sau mới có thể hóa. Và như một âm, một dương (có hai như vậy) mới hóa-sinh được muôn vật»(5).

Lưỡng-tính đã phát hiện tỏ tường có nam, có nữ, có tính-dục thực-sự,

(1) — La Logique du vivant par François Jacob — (Conclusion : 1^e intégron) p. 329, 330.

(2) — L'Ordre biologique par André Lwoff — (Chap. VI — L'Ordre fonctionnel : le gène en tant qu'unité. Digression sexuelle) p. 84-85.

(3) La Génétique nouvelle par Léonard Engel — (L'Action des gènes p.58 La sexualité sous le microscope p.107) Edit. Nouveaux horizons S.107-1970.

(4) Trình-Y-Xuyên — Ngũ-lục : Đạo vô vô-đôi... Cổ Dịch viết : Tam nhân hành tắc tồn nhất nhân, nhất nhân hành tắc đắc hữu. Đại-cương triết-học Trung-quốc Giản-Chi và Nguyễn-Hiến-Lê. Tr.361.

(5) — Chu-Hy — Ngũ-loại : Phàm thiên hạ chi sự, nhất bất năng hóa. Thả như nhất âm, nhất dương, thì năng hóa sinh vạn vật Đ.C. T.H.T.Q. trang 365.

đề nam nữ phải thực sự cần đến nhau, phương-thức sinh-dục hữu-tính trở thành chính-yếu, thì những biến-dịch càng được rộng đường triển-khai, những ngấu biển mở rộng đường tiến-hóa.

Thực vậy, qua cái quá trình tiến-hóa, chúng ta có thể ghi nhận được nhiều sự kiện chứng tỏ tầm quan trọng của sự Sinh-dục, chẳng hạn qua cuộc đồ bộ của sự Sống từ nước lên đất liền và công cuộc chinh-phục tinh-cầu tiếp theo sau đó.

Lớp *Lưỡng-thê nguyên-thủy* như loại *Ichthyostega* tuy đã tiến lên đất liền, nhưng chỉ lảng-vảng men bờ chứ chưa đi xa và mỗi khi sinh-sản vẫn phải quay vào lòng nước, vì trứng vẫn còn giống như kiêu trứng cá, nghĩa là không có gì bảo bọc để tránh nạn khô teo, lại chứa quá ít chất dinh-dưỡng cho phôi châu trong đó. Với lớp này sự Sống chỉ được coi như mới nhoi lên khỏi nước một nửa thân mình mà thôi (1). Phải chịu như thế một khoảng thời-gian khá lâu dài, có tới hàng chục triệu năm, và nhờ sự can thiệp của luật đào-thải tự nhiên qua bao nhiêu biến - dịch, một số chủng loại trong lớp này mới cải tiến được trứng, tạo thành một lớp vỏ cứng và bền, nhờ đó mới có thể đẻ trên cạn, thoát ly hẳn nước, mở đường cho lớp Bò-Sát tới sau (2).

Qua lớp Bò Sát, trứng lại được cải tiến thêm, để phôi-châu được cung dưỡng không-khí và thức dinh-dưỡng một thời-gian lâu dài hơn và mọi

biến thái hoàn tất trước khi con vật chào đời, nhờ đó có đủ tư thế để sinh sống trên đất liền. Với lớp này, sự Sống tiến sâu hơn vào miền lục-địa, ngay những nơi khô cạn mà xưa kia loài lưỡng-thê từng coi là những vùng tử-địa (3).

Rồi tiến lên loài có Vú, hệ thống sinh-dục trải qua một cuộc cách-mạng lớn lao, với hình thức thai-sinh và thai-nhi tiền-chế.

Những cái cách lớn về phương tiện sinh - dục như vậy nằm trong khuôn khổ kế - hoạch phức-tạp-hóa cơ-thể, mà sự phức-tạp-hóa này đòi hỏi rất nhiều biến dịch. Chính đây mới là điểm đáng phải qui công-trạng cho *phương-thức sinh-dục hữu-tính*. Vì quả là phương - thức sinh-dục này tạo điều-kiện thuận lợi cho việc nở rộng *chương-trình di - tính*, với cái nguyên tắc bắt buộc là "đề sản-xuất một con vật mới, phải có sự tổ-hợp của những giao tử thuộc hai con vật khác nhau và có lối cấu tạo di truyền khác nhau. Con vật được khai-sinh tuy mang những đặc-tính của chủng loại, nhưng lại chẳng giống hẳn mẹ cũng chẳng giống hẳn cha, và cũng chẳng giống hẳn bất cứ một con vật nào

(1) — Préhistoire et histoire naturelle de l'Homme par William Howells (Les premiers vertébrés terrestres) Payot 1953.

(2) — L'Evolution par Ruth Moore — (Amphibiens primitifs) p. 97.

(3) — Préhistoire et histoire naturelle de l'homme par William Howells (Grandeur et décadence des reptiles) Payot 1953.

khác cùng trong chủng loại của nó» (1).

Đúng là như vậy, vì theo phương thức sinh-dục này, cái vốn di-tính khi được trao truyền qua mỗi thế-hệ không còn là sự chép lại một nguyên-bản duy nhất thành một phó bản duy nhất như ta đã thấy ở giới vi-trùng khi tế bào cát liệt. Cái vốn di-tính lần này được kết hợp bởi hai phần khác nhau, do hai giao-tử chung góp, và mỗi giao tử chỉ đóng góp nửa phần số nhiễm thể của chủng loại mà thôi. Vốn di-tính của mỗi người chúng ta chẳng hạn, được kết-hợp bởi một nửa phần vốn di-tính của cha ta (23 nhiễm-thể) và một nửa phần vốn di-tính của mẹ (23 nhiễm-thể). Vốn di-tính của con cái chúng ta lại gồm nửa phần vốn di-tính của ta và nửa phần vốn di-tính của mẹ chúng nó. Như vậy qua mỗi thế-hệ, dù là cùng trong một dòng, cái vốn di tính cũng đã có sự đổi khác lắm rồi. Đã thế, nửa phần vốn di-tính của ta trao cho con, không phải ở đũa nào cũng giống y nguyên như vậy, mà trái lại, bao giờ cũng có những gì khác biệt về nhiễm thể và hạt giống di truyền. Hai-mươi ba nhiễm thể nào trong số 46 nhiễm thể của ta và 23 nhiễm thể nào trong số 46 nhiễm thể của vợ ta được trao qua cho đũa con, đó là chuyện ở ngoài quyền-định đoạt của chúng ta, ngoài quyền chọn lựa của con cái chúng ta. Mọi sự chỉ xảy ra một cách may rủi hoàn toàn, để chúng ta đành phải đồng ý với nhận xét chua chát của Jean Rostand khi ông nói về cung cách trao

truyền di-tính sau khi Noãn đã thụ-tinh: «*Người ta ai cũng chỉ là con cái của sự Tình cờ mà thôi*» (2) Lại do vì cái tính cách tình cờ, may rủi về lối trao truyền di tính này mà con cái chúng ta, tuy cùng một cha, một mẹ, cùng một hòn máu xấn đôi, vẫn khác hẳn nhau ở nhiều chi-tiết về tâm vóc, hình hài, thề chất và cả khí-chất nữa. Đó là chưa kể cái vốn di-tính hay *Nhân hình* chỉ phát-hiện ra bên ngoài qua cái *Tượng hình*, tức là còn phải tùy theo ảnh-hưởng môi-trường, hoàn cảnh, để cá nhân càng khác biệt hẳn nhau. Nhân cách, cá tính của mỗi người là những gì đã được định đoạt một phần lớn ngay trong cái noãn thụ tinh, và, do đó, một *Con người* là một cái gì không thể diên thế. Một *Con Người*, khi rút lui vào cõi Hư-Vô, còn lưu lại trong cõi sống một khoảng trống mà không một ai trong số hàng tỉ, hàng tỉ con người đã có từ trước đến nay và từ nay về sau, có thể lấp vào cho kín và cho khít khao thực sự.

Vốn di-tính đã phức tạp, số nhiễm-thể lại nhiều hơn so với sinh vật đơn bào, và mỗi chủng-loại có một bộ nhiễm thể khác nhau về số lượng, chẳng hạn loài *Ruồi Dấm* có bốn cặp hay tám chiếc, loài *Giun đũa* *Ascaris*, ký sinh trùng của Ngựa, chỉ được trang bị một cặp mà thôi, loài *Chuột* xem vậy mà cũng dồi dào vì chỉ thua

(1) *La Génétique nouvelle par Léonard Engel-* (Chap II-Hier) p.38 Edit. Nouveaux horizons 1970.

(2) *L'Homme par Jean Rostand*—(*L'Hérédité humaine*) p.53. Gallimard. Edition Gallimard. 1961.

kém loài Người chúng ta ba cặp, lạ hơn là những chú *Tôm Rồng* thuộc một vài loại, có tới trăm cặp là thường. Đến như hạt giống di truyền thì nhiều vô số kể. Theo các nhà di-truyền học, chỉ tám nhiễm thể của loài Ruồi Dấm đã có tới 10.000 hạt giống di truyền. (1) Và mỗi hạt giống di truyền — chiều dài độ $1/10\ 000$ của $1\text{m}/\text{m}$ — là một đơn-vị di-tính, mang một yếu-tố di-tính (2). Nhờ công trình nghiên cứu của Beadle và Tatum chúng ta được biết những hạt giống di-truyền tác động như những máy tiết chế, cung cấp những *hoành-đồ thực-hiện* cho các điều-tố có nhiệm vụ xúc tác và hiệu chỉnh hoạt-động hóa học của tế-bào. Ở mỗi tiến-trình hóa học thiết yếu của tế-bào, như đã nói, có một điều-tố riêng, và mỗi điều-tố lại được phát sinh từ một hạt giống di-truyền đặc biệt. Trong tế-bào lại có rất nhiều loại Protéines cấu-tạo — ở cơ-thể người có vào khoảng từ 10.000 đến 1 triệu loại khác nhau — mà mỗi protéine cấu-tạo như vậy lại cũng do một hạt-giống di-truyền mà có. Mỗi một hạt giống di-truyền là một đoạn ADN khá quan-trọng, vì các điều tố và protéines cấu-tạo vốn là những phân tử phức tạp, chứa từ hàng tá đến hàng trăm phân-tử amino-acides tùy theo mỗi loại nhất định. Cơ cấu nội tại của hạt giống di-truyền do đó phải là cực kỳ phức tạp. Lại theo Benzer, hạt giống di-truyền còn tự chia thành những phân-chi nhỏ và được sắp trong các nhiễm-thể như những hạt cườm trong một chuỗi cườm (3). Ở

các cơ-thể cao đẳng, hạt giống di-truyền cũng tự chia thành những đơn-vị nhỏ như vậy, có chức năng độc lập, mỗi đơn-vị nhỏ này lại có một số rất nhiều những trạm tái tổ-hợp hay ngẫu biến. (4)

Nhiễm-thể đã nhiều, có đôi, có cặp, hạt giống di-truyền lại sung dật vô số kể, chương trình di tính được phân tán trên số nhiễm thể dồi dào như vậy rồi, mà trong khuôn khổ của phương-thức sinh-dục hữu-tính, còn có nhiều cung cách khác nữa nhằm giúp cho các biến dịch có nhiều vận hội phát hiện dễ dàng, chẳng hạn như :

— Các nhiễm thể kết thành đôi trong khi thành lập tế bào sinh-dục.

— Sự tái phân phối các hạt giống di-truyền bên trong một nhiễm thể hay sự thiên di của chúng từ một nhiễm thể này qua một nhiễm thể khác bởi lối Giao-thoa (Crossing-over)

(1) *La génétique nouvelle par Léonard Engel—(Chap. II—Hier) p. 35.*

(2)— *L'Homme par Jean Rostand — (L'Hérédité humaine) p.48.*

(3)— *Người ta còn khám phá được những yếu-tố di-truyền nằm bên ngoài nhiễm-thể. Có 1 loại Tảo gọi là Chlamydomonas vừa có những hạt giống di-truyền nằm trong nhiễm thể, lại vừa có những hạt giống di-truyền ngoài nhiễm thể cũng mang một hình thái ADN, nhưng lại nằm bên ngoài nhiễm thể. Có thể đó là một tàn tích còn lại từ một thời kỳ trước sự tiến hóa của nhiễm-thể.*

(4) *La Génétique nouvelle par Léonard Engel (L'anatomie du gène) p. 238-240*

— Sự không phân ly của một số nhiệm thể hay đoạn nhiệm thể vào kỳ gián phân.

— Hiện-tượng đảo ngược của nhiều đoạn nhiệm thể gây ra sự đảo lộn thứ tự của các hạt giống di-truyền trong các đoạn ấy.

— Những ngẫu biến xảy ra trong các hạt giống di-truyền hay ở nhiệm thể hoặc các nhóm nhiệm thể.

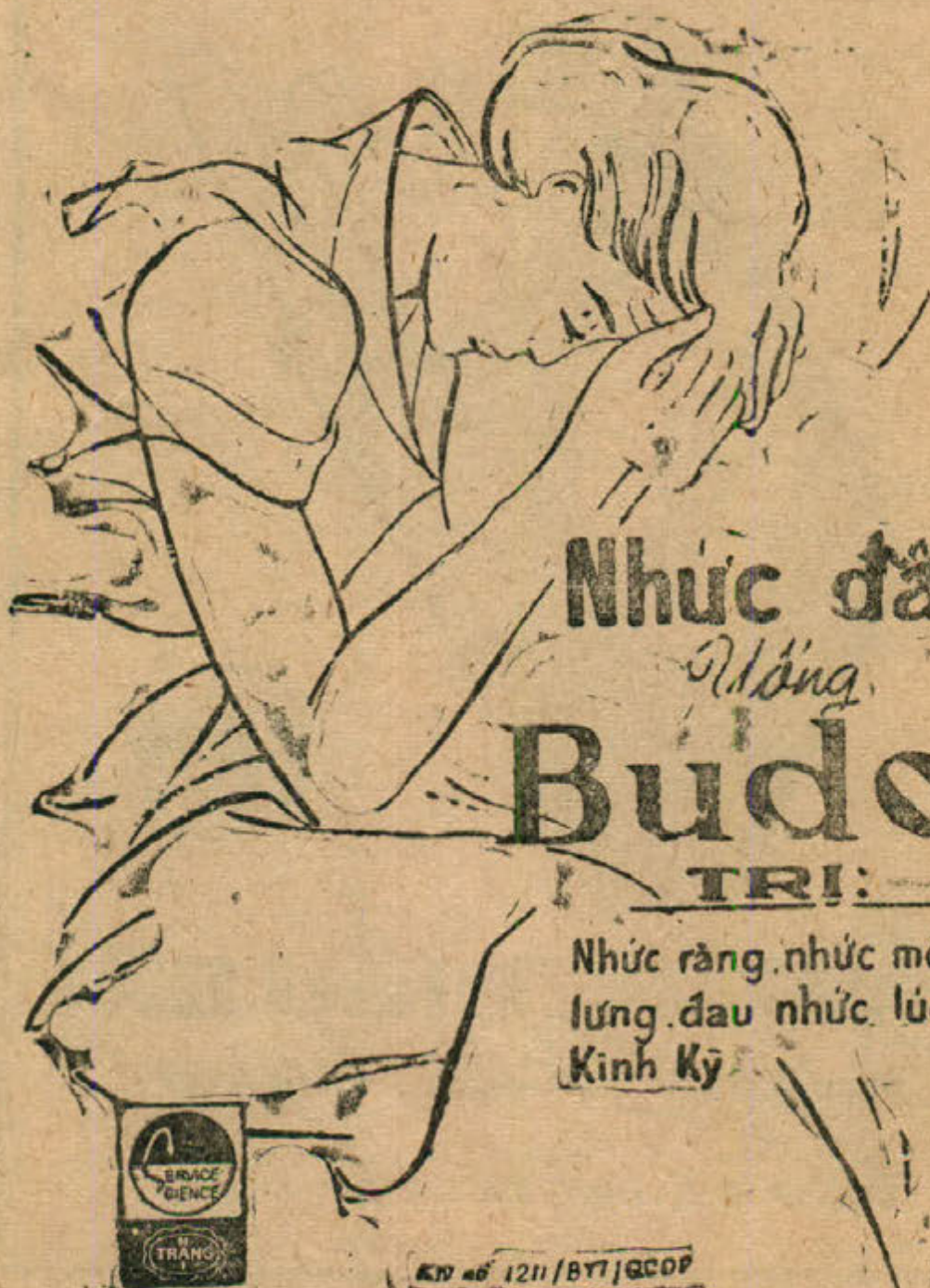
Và một khi lưỡng tính đã phát hiện, chuyện nam nữ cấu tinh đã trở nên cần-thiết (1), thì luật Đào-thải tự nhiên vốn hướng nặng vào

mục-tiêu sinh-sản, lẽ tự-nhiên cũng phải hướng nặng vào điểm làm sao cho trong cùng một chủng-loại, những con vật khác «tinh» có thể dễ nhận ra nhau. Chính công việc này của luật đào thải tự nhiên cũng đóng góp rất nhiều vào cuộc Tiến-hóa sinh-vật.

(còn tiếp)

PHAN DU

(1) — Ngay trong trường-hợp những loài vật có cả hai tính như loài Trùn, Ốc, Sên, tuy đực, cái cùng là một con, nhưng chúng vẫn cần đến sự cấu tinh, và trong lúc giao hợp thì một con đóng vai Đực, một con đóng vai Cái.



Nhức đầu

Nhức răng

Budon

TRI:

Nhức răng, nhức môi, đau
lưng, đau nhức lúc có
Kinh Kỳ



KY số 1211/BYT/GCOP

THƯ LÂM ẮN THƯ QUÁN

231-233-235, Phạm-Ngũ-Lão — SAIGON

Dây nói: 25 861

NHÀ IN — XUẤT BẢN — CUNG CẤP DỤNG CỤ VĂN PHÒNG
có xưởng máy cung cấp phù hiệu, cờ hiệu đoàn, nhãn cỡ áo (étiquette)
màu đẹp, bền, không phai

Gởi tiền thanh toán xin chuyển vào Trương-mục Bưu-điện SAIGON

Số: 2.701 THƯ LÂM ẮN THƯ QUÁN

THUỐC THƠM BẠC HÃ (Menthol)



BẦU LỘC BIỂU DÃI
Thượng hảo hạng

Thông mũi - mát cổ - thơm dịu

Anh - quốc và khối Thị-trường chung Âu-châu

Trong một hí họa trang bìa của tuần báo Newsweek số ra tháng trước có vẽ hình một cuộc chạy đua giữa 5 đối thủ. Hoa-kỳ lớn nhất chạy giữa, bên tay trái có các tay đua Nhật-Bản, Nga-Sô và Trung - Cộng lẻo đẹo theo sau bên tay mặt là một bộ ba Thị-trường chung Âu - Châu công kênh nhau mà chạy : anh Ăng-lê ngồi vắt vẻo ở trên, anh Tây Đức là cái chân chạy, còn anh Pháp thì ngồi gọn lỏn ở giữa, nhưng cả ba góp lại thành một tay đua cự phách. Đó là hình ảnh đại cương của cuộc chạy đua kinh tế trong những năm sắp tới.

Hình ảnh đó cho ta thấy các nước Âu-Châu đã tiến tới một hình thức hợp tác kinh tế để đối phó với sự thu-hút của hai siêu cường Nga-Mỹ.

Thực ra thì hình thức hợp tác kinh tế đã manh nha từ lâu. Ngay từ tháng 4-1948, 17 nước Âu - Châu không Cộng-sản, trong đó có cả Anh quốc đã họp nhau lại để thành lập tổ chức hợp tác kinh tế Âu-Châu : OECE (Organisation européenne de coopération économique) để phân phối viện trợ Mỹ thuộc chương trình Marshall. Tiếp sau đó, Hội-đồng Âu Châu thành lập ngày 5-5-1949 trong đó nước Anh cũng có tham dự. Cả 2 tổ chức này đều không bắt buộc các quốc gia phải hy sinh một phần nào chủ quyền của mình hết.

Tiếp đó, do sáng kiến của ông Jean

Monnet, Bộ trưởng Kế hoạch Pháp, ông Robert Schuman, hồi đó là Ngoại trưởng Pháp, đưa ra ý - kiến một tổ hợp than thép Âu-châu, để cho một số các quốc gia được quản trị và sử dụng chung khối than thép Pháp và Đức, ngược lại các quốc gia đó phải chuyển giao một phần quyền hành của mình cho cơ quan quản-trị chung để điều hòa việc phân phối. Ý kiến đó đưa ra ngày 9-5-1950 và được các nước Tây-Đức, Ý, Bỉ, Lục, Hà tán thành ngay. Còn Anh thì do dự và từ chối vì không muốn trao quyền cho cơ quan quản trị chung.

Ngày 1-6-1955, 9 tháng sau khi thất bại trong mưu toan thành lập khối Cộng-đồng phòng-thủ Âu-châu (vì đã có Minh ước Bắc Đại-Tây-Dương rồi, nên các nước không muốn ràng buộc thêm nhiều nghĩa-vụ quân sự) một hội-nghị 6 nước trong khối than thép Âu-Châu được triệu tập. Hội nghị đó đã đề ra 2 hiệp-ước :

— Hiệp ước thứ nhất là hiệp ước về nguyên-tử-lực Âu-Châu gọi tắt là Euratom.

— Hiệp-ước thứ hai là hiệp-ước về thị-trường-chung Âu-Châu gọi tắt là Euromart.

Cả 2 hiệp-ước này đều được ký kết ở Rome ngày 25-3-1957. Hiệp-ước Rome được Pháp phê chuẩn vào ngày

9-7-1957 và có hiệu lực ngay vào cuối năm đó...

Theo hiệp ước Rome liên quan đến vấn đề Thị-trường-chung thì 6 quốc gia liên-hệ (Pháp, Đức, Ý, Bỉ, Lục, Hà) trong một thời hạn từ 12 đến 15 năm sẽ dần dần bỏ hết những giá biểu và phân suất (tariff and quota). Một năm sau khi ký hiệp-ước, 6 nước ký kết bắt buộc phải giảm bớt đồng đều lẫn cho nhau 10% thuế biểu, 18 tháng tiếp theo giảm từ 5, đến 10%, 1 năm tiếp theo sau nữa giảm từ 5 tới 10%, cứ như thế cho đến hết giai đoạn đầu thì sự giảm giá biểu đó lên tới 25%. Trong giai đoạn thứ hai và thứ ba, các bên sẽ hủy bỏ hết các hàng rào thương mại. Đồng thời một giá biểu chung được thiết lập ngang với giá biểu trung bình đã có từ trước khi ký hiệp ước. Đến năm 1959, các quốc gia liên-hệ lại thương thuyết đề hạ giá-biểu trên 70% mặt hàng, tăng giá-biểu trên 15% mặt hàng khác, còn 15% mặt hàng còn lại vẫn giữ nguyên giá-biểu cũ. Ngoài ra, Thị-trường-chung còn thiết lập một ngân-hàng để tài trợ việc xây cất các cơ sở kỹ-nghệ cần thiết trong các khu vực kém mở mang của khối Cộng-đồng để điều hòa việc sản xuất. Thêm vào đó một ngân khoản đặc biệt khoảng 600 triệu Mỹ-kim được dành cho khối trong khoảng 5 năm đầu để giúp các lãnh thổ hải ngoại thuộc các quốc gia trong khối phát triển (những nước được trực tiếp hưởng điều khoản này là Pháp, Bỉ và Hòa-Lan).

Mười năm sau khi thiết lập, khối Thị-trường-chung Âu-Châu đã thành công một cách mỹ mãn. Nước nào trong khối đó cũng có một nền kinh-tế thịnh-vượng và mức sống trung bình của người dân được nâng cao hẳn lên. Sức sản xuất xe hơi của Tây Đức đã vượt quá nước Anh. Sức sản xuất của Pháp vào năm 1970 cũng lên tới gần hai triệu chiếc. Riêng nước Anh vì không chịu gia nhập khối Thị-trường chung nên đã gặp rất nhiều khó khăn về phương diện kinh tế. Mức sống trung bình của người dân Anh đã giảm sút rõ rệt so với người dân lục địa Âu-Châu (Pháp, Tây Đức). Sức sản xuất cũng dần dần thụt lùi, giá sản phẩm lại quá đắt nên không thể cạnh tranh với hàng Âu-châu trên thị-trường Âu-châu và cả chính trên thị-trường Anh-quốc, vì Anh là nước từ xưa vẫn chủ-trương tự-do mậu-dịch. Thêm vào đó vì bị Hoa-kỳ chèn ép nên nhiều hãng của Anh đã phải đóng cửa hoặc bán lại cho người Mỹ khai thác: Ví dụ như hãng chế tạo động cơ Roll Royce và Lockheed. Trong số 5 hãng chế tạo xe hơi lớn của Anh, British Motor Corporation, Rootes, Standard, Ford và Vauxhall thì 2 hãng dưới là vốn của Hoa-kỳ.

Thế rồi việc phải đến đã đến: Ngày 22-1-1972 4 quốc gia Bắc Âu là Anh, Ai-nhĩ-Lan, Đan-Mạch và Na-Uy đã chính thức xin gia nhập khối Thị-trường chung Âu-Châu, biến khối Âu-Châu 6 nước thành khối Âu-Châu 10 nước. Tại sao mãi đến bây giờ Anh quốc mới được gia nhập khối

Thị-trường chung Âu-Châu và mãi đến tận bây giờ các nước Âu-Châu mới chịu cho Anh gia-nhập ?

Đó là cả một vấn đề rất phức-tạp.

Ngay từ hồi Âu chiến 1940 mới bùng nổ, ông Jean Monnet đã đề-nghị với Thủ-tướng Churchill ý-kiến một Liên-hiệp Anh-Pháp và ngày 16-6-1940, chính phủ hoàng-gia Anh đã đưa qua chính phủ Pháp cứu xét một bản dự thảo thiết lập một Liên-hiệp Anh-Pháp. Bản hiến-pháp của khối Liên-hiệp Anh-Pháp dự trù việc thiết-lập những cơ quan chung lo việc phòng thủ, đối ngoại và kinh-tế.

Nhưng hồi đó vì thua trận, nên Pháp đã ký hiệp-ước đình chiến với Đức. Ngay sau khi đồ bộ lên đất Pháp vào tháng 6-1944, Thủ-tướng Churchill lại tuyên bố một câu có vẻ như ngược lại : «Nếu phải chọn giữa lục-địa Âu-châu và đại-dương thì chúng tôi sẽ chọn đại-dương».

Hơn năm sau, ngày 19-9-1946, ông lại tuyên bố ở Zurich : «Chúng ta phải thành lập một mầm mống Liên-hiệp Âu-Châu và bước đầu tiên của một sự tái tạo Âu-Châu phải là liên-kết giữa Pháp và Đức.»

Tại sao lại có sự mâu thuẫn đó ? Đó là vì Anh quốc luôn luôn bị dăng co giữa hai chính sách : — một chính sách sống tách biệt khỏi Âu Châu và, do việc làm chủ đại-dương, Anh- quốc sẽ giao dịch với Hoa-kỳ và các thuộc quốc của mình trên khắp thế-giới. Như vậy cũng đủ góp cho sự thịnh vượng chung của một thế-giới

mà Anh có ưu thế. — Một chính-sách muốn nhập cuộc với Âu Châu giữ cho sự thăng bằng ở đây khỏi lệch về phía một nước nào. Như vậy vừa bảo vệ được cho mình, vừa tham gia vào sinh hoạt chung của các nước Âu-Châu. Cả hai xu hướng này đều đã có từ lâu và tùy theo Anh-quốc ở thế mạnh hay yếu mà xu hướng này hay xu hướng kia thắng.

Có lẽ vì nhận thấy quyền lợi của Anh là phải hướng về lục địa Âu-Châu nhiều hơn là đại dương, nên nhà lãnh-tụ Anh đã có một thái độ rõ rệt ngay từ lúc khởi chiến, mặc dầu trong thâm tâm ông không thích liên quan đến các việc Âu-Châu.

Vì vậy mà năm 1948, Anh-quốc đã tích cực gia nhập Tổ chức hợp-tác kinh-tế Âu-Châu (OECE hay là EECO) thành lập giữa 17 nước Âu-Châu không Cộng-sản để nhận viện trợ của Hoa-kỳ theo chương-trình Marshall. Anh-quốc cũng là một nước sáng lập ra Hội-đồng Âu-Châu (Conseil de l'Europe) nhưng Hội-đồng này chỉ có nhiệm vụ tư-vấn đối với các quốc gia hội-viên mà thôi.

Nhưng đến khi ông Jean Monnet đứng ra thành lập khối than thép Âu-Châu thì thái độ của Anh-quốc bắt đầu khựng lại, vì khối than thép này bắt buộc các nước hội-viên phải hy sinh một phần nào chủ quyền của mình. Anh-quốc đã được mời tham dự nhưng cũng đã khước từ

(9-5-1950). 7 năm sau, khối Thị-trường chung ra đời. Không những Anh từ chối không gia nhập mà còn có một phản-ứng rất quyết liệt. Ông Tổng trưởng Thương-mại Anh hồi đó là Sir David Eccles đã tuyên bố đại khái : «Trong suốt giòng lịch-sử của chúng ta, chúng ta phải cầm vũ khí chống lại xâm lăng từ phía lục-địa Âu-châu. Bây giờ, 6 nước Âu-châu lại ký kết một hiệp-ước, mặc dầu không phải là một hiệp-ước quân sự, mặc dầu không có ý gì đe dọa chúng ta, nhưng hậu-quả của nó là đã tạo ra một cái gì mà từ bao thế-kỷ nay chúng ta vẫn coi là nguy hại cho nền an ninh của Anh-quốc.»

Bởi thế cho nên ngay từ năm 1958, Anh-quốc đã hết sức vận động ngoại giao để phá cái khối Thị-trường chung đó bằng cách điều đình để lập ra một khu vực tự do mậu dịch. 17 nước Âu-châu thuộc tổ chức Hợp-tác kinh-tế Âu-châu (OECE) được mời đến họp tại lâu đài La Murette để thương thuyết về việc này. Pháp đã cương quyết chống đối. Sau cùng, Anh-quốc cũng đã tập-hợp được 7 nước không được gia nhập Thị-trường-chung, đứng ra thành lập vào ngày 4-6-1960, một tổ-chức tự-do mậu-dịch đối lập với khối Thị-trường chung lấy tên là European Free Trade Association (EFTA) gồm có các nước Anh-quốc, Áo, Đan-mạch, Na-uy, Thụy-điền, Thụy-sĩ, Ái-nhĩ-lan. Khối này về sau lại có thêm hai thành-viên mới: Băng-đảo (Islande)

gia nhập năm 1970 và Phần-lan gia nhập năm 1971.

Nhưng khối này đã không gây khó dễ được cho khối Thị-trường chung vì chỉ có một mình Anh-quốc là nước lớn. Trái lại bắt đầu từ năm 1961, Anh-quốc đã bắt buộc phải thay đổi thái độ. Ngày 31-7-1961, Thủ - tướng Mac Millan (Bảo thủ) đã phải báo trước Quốc - hội Anh là chính phủ ông sẽ mở những cuộc thương thuyết để cho Anh gia nhập khối Thị - trường chung; như vậy là theo danh-từ của ông Gaitskell (Lao động) lãnh tụ đối lập, Anh quốc đã đoạn tuyệt với truyền thống của cả ngàn năm lịch sử.

Một câu hỏi được đặt ra : Tại sao Anh - quốc chống đối việc gia nhập khối Thị-trường chung một cách rất quyết liệt, rồi lại thay đổi thái độ một cách nhanh chóng như vậy ?

Ta nên nhớ là sự hùng mạnh của Anh trong các thế-kỷ trước, một phần lớn là nhờ ở đại-dương và ở các thuộc quốc của họ. Các thuộc quốc đó ngày nay đã trở nên những nước độc lập trong khối Liên-Hiệp-Anh, nhưng một mối liên-hệ tinh thần và kinh tế vẫn ràng buộc chặt chẽ các nước đó với Anh quốc. Người Anh không thể bỏ họ để gia nhập Thị-trường Âu-châu.

Nhưng một mặt khác nếu cứ đứng biệt lập với các nước trong khối Liên-Hiệp-Anh xa xôi và tương đối nghèo nàn Anh không thể đương đầu về phương diện kinh-tế với những

khối kinh tế không lồ như Hoa-kỳ, Nga-sô và lục địa Tây-âu. Các nước trong Liên-Hiệp Anh không còn có thể cung cấp đầy đủ cho những nhu cầu của Anh trong khi chính họ cũng còn đang cần phải xây dựng cho nền kinh-tế của chính họ. Đứng một mình, Anh-Quốc càng ngày càng cảm thấy phụ thuộc vào Hoa-kỳ và trong vụ Suez 1957, Anh-Quốc lại càng thấy rõ không thể nào đương đầu với Hoa-kỳ và cả với Nga-sô về mọi phương diện và sẽ tụt xuống hàng cường quốc kinh-tế và quân sự bậc nhì. Những vấn đề trọng đại thế giới sẽ được giải quyết mà không có Anh-Quốc tham dự.

Vậy chỉ còn có cách là thay đổi chính sách cũ: xin gia nhập khối Thị-trường-chung Âu-châu để hạ cái hàng rào quan thuế đang che chở hữu hiệu 6 nước thuộc khối này, khiến cho hàng hóa của Anh tiêu thụ được dễ dàng hơn và thị trường Anh phồn thịnh hơn.

Vì thế mà chính phủ Anh đã cử ông Heath, hồi đó còn là Tổng trưởng Bộ Kế hoạch (Lord privy seal) sang Âu-châu tiếp xúc với các Ngoại trưởng của 6 nước Âu-châu (10-10-1961). Ông Heath đã chịu hết tất cả các điều kiện như chấp nhận tất cả các chính sách (kể cả chính sách nông nghiệp) của Thị-trường-chung, sẵn sàng tham gia khối than thép và khối Euratom, chỉ xin có một điều kiện là mở cửa Thị-trường-chung cho hàng của khối Liên-Hiệp-Anh nhập cảng, điều mà khối này khó

lòng chấp nhận được.

Trong khi 2 bên đang điều đình, thì lại xảy ra một sự kiện rất bất lợi. Hoa-kỳ báo cho Anh biết là hủy bỏ việc sản xuất loại động cơ phản lực Skybolt mà Anh vẫn dùng cho các loại phóng pháo cơ bay xa của mình. Đáng lẽ nên hợp tác cùng với Pháp để chế tạo chung một loại hỏa-tiến tầm xa, thì Anh lại đặt mua của Hoa-kỳ những hỏa-tiến Polaris. Rồi trong một cuộc gặp gỡ giữa Tổng-thống Kennedy và Thủ-tướng Mac Millan vào cuối năm 1962 ở đảo Bahamas, hai nước Anh và Hoa-kỳ đã đề nghị với tổ chức Minh-ước Bắc Đại-tây-dương thành lập một lực lượng quân sự đa phương trong đó không có Pháp tham dự.

Ta hãy tưởng tượng tướng De Gaulle nghe tin này sẽ giận dữ tới mức nào. Ông cho rằng nếu đề cho Anh-Quốc gia nhập Thị-trường-chung Âu-châu, thì Anh-Quốc sẽ biến thành «con ngựa thành Troie» của Hoa-kỳ. Vì thế mà ngày 14-9-1963, trong một buổi họp báo, tướng De Gaulle đã cắt ngang tất cả những cuộc thương thuyết giữa khối 6 nước và Anh-Quốc Giữa Ba-lê và Luân-đôn một bầu không khí căng thẳng đã xuất hiện và tồn tại mãi đến khi đảng Bảo-thủ Anh mất chính quyền vào năm 1964.

Khi đảng Lao-động lên cầm quyền, Thủ tướng Harold Wilson không tỏ ra sốt sắng lắm với việc nối lại thương thuyết. Tuy nhiên ông cũng đưa ra một số điều kiện khá khắt khe cho việc Anh-Quốc gia nhập khối Thị-trường-chung.

Bầu không khí dần dần trở nên bớt căng thẳng do việc Hoa-kỳ bỏ qua dự án thành lập lực lượng quân sự đa phương và nhất là do việc cả hai nước Anh và Pháp cùng tích cực tham gia việc chế tạo chung loại phi cơ siêu-âm Concorde.

Năm 1966, ông Pompidou (hồi đó còn là Thủ-tướng) được mời sang Luân-đôn và hai bên cùng nhau thỏa thuận về một dự án "đường hầm dưới biển Manche".

Mấy tháng sau, ông Wilson đặt lại vấn đề Anh-quốc gia nhập khối Thị-trường-chung và chính thức đưa đề nghị đó ra ngày 2-5-1967 sau khi công du Thủ-đô 6 nước Âu-châu. Đảng Lao-động đã thay đổi thái độ vì thấy rằng khối Thị-trường-chung cũng có một chương-trình tổ chức kỹ-nghệ, nông nghiệp tương tự như tổ chức của họ, chứ không phải chỉ là một hình thức "tự do mậu dịch trong khối" như người ta tưởng lúc đầu. Nhưng chính phủ Lao-động Anh lại vấp phải quyền phủ quyết của tướng De Gaulle. Chỉ nửa tháng sau khi ông Wilson lên tiếng, là tướng De Gaulle đã thẳng tay từ chối lấy có là khối Thị-trường chung còn rất mỏng manh, nếu Anh quốc và các nước thuộc "vùng mậu dịch tự do" gia nhập thì e rằng sẽ làm xáo trộn hết. Và lại Anh-quốc còn rất nhiều liên-hệ với Thế-giới, đặc biệt với Hoa-kỳ và Liên-Hiệp Anh. Ông vẫn ngại điềm đó. ☉

Mặc dầu bị khước từ, lần này chính phủ Anh cố bám riết, Ngoại

trưởng Anh George Brown ngày 4-7-1967, tại một phiên họp của Hội đồng Tây Âu (C.E.O : Consul de l'Europe Occidentale) đã tuyên bố : "Chúng tôi muốn thực hiện một sự thống nhất chính trị thực sự có hiệu năng với các đồng minh Tây-Âu của chúng tôi". Nhưng tướng De Gaulle vẫn cương quyết từ chối. Do đó cuộc đối thoại giữa Ba-lê và Luân-đôn lại gián đoạn cho mãi tới đầu năm 1969 mới lại tiếp nối trong một bầu không khí không mấy thuận lợi.

Thực vậy, tháng 2-1969, Tổng-Thống De Gaulle mời Đại-sứ Anh Soames tiếp tục cuộc đàm phán song phương để xem hai bên có thể dung hòa quan điềm được không. Chính phủ Anh cho đó là một thủ đoạn ma giáo của chính phủ Pháp và Thủ-tướng Wilson đã không ngần ngại thông báo cho các nước khác trong khối Thị-trường-chung biết để chứng tỏ sự thiếu thiện chí của Chính phủ Pháp.

Việc ra đi của tướng De Gaulle đã làm thay đổi hẳn bầu không khí. Tuy là người tiếp nối sự nghiệp của De Gaulle, nhưng Tổng-thống Pompidou đã có những quan điềm nhiều khi khác hẳn.

Tại Hội-nghị La Haye tháng 12-1969, 6 vị Quốc-trưởng và Thủ-tướng của 6 nước Âu-Châu đã quyết định hoàn thành và mở rộng khối Thị-trường-chung.

Anh-quốc lại mở cuộc tấn công lần thứ ba. Lần này, dư luận Pháp thuận lợi và chắc chắn là Ba-lê bỏ quyền phủ quyết.

Nhưng dư luận Anh, nếu vào năm 1967 rất thuận lợi cho việc Anh gia nhập Thị-trường chung thì nay lại trở nên bất lợi: chừng 60% chống lại.

Sở dĩ có tình trạng lật ngược đó là vì tình hình kinh tế và tài chính của Anh vào năm 1969 đã vững vàng hơn năm 1967 nhiều. Sau cuộc khủng hoảng năm 1967, đồng Anh-kim đã vững giá trên thị-trường chứng khoán quốc-tế.

Nhưng dù sao thì người Anh, dù là thuộc phe tư bản hay phe xã-hội, dù là các chủ ngân-hàng, các chủ xí nghiệp hay các nghiệp đoàn thợ thuyền càng ngày càng nhận thấy rõ rằng thà đi với Âu-châu còn hơn là biến thành tiểu-bang thứ 51 của Hoa-kỳ. Nếu có hựt vào Thị-trường chung kỳ này, thì họ cũng nhất quyết đứng một mình theo kiểu Nhật-bản chủ trương "Go it alone" còn hơn là gia nhập một vùng tự do mậu dịch Đại-tây-dương để rồi bị Hoa-kỳ thu hút.

Vì chủ trương như vậy nên ông Wilson đã nhất quyết chơi ván bài Âu-châu.

Nhưng chính-phủ của ông đã đề trước khi thực hiện được ý định... Đến lượt ông Edward Heath (phe Bảo thủ) tiếp tục nhiệm vụ: Đối với ông Heath thì không có gì khó khăn cả vì chính ông đã vận động vấn đề này từ năm 1958. Cuộc thương thuyết tiếp tục ở Luxembourg từ tháng 6-70 và cũng không kém phần gay go. Các phái đoàn Âu-lục nhiều khi phải họp riêng với nhau để thống nhất

quan-diểm trước khi nói chuyện với phái đoàn Anh. Về nhiều điểm, phái đoàn Anh cũng phải nhân nhượng để sớm đi đến thỏa hiệp.

Và rút cuộc, ngày 22-1-1972 tại Bruxelles (thủ đô Bỉ), 4 quốc-gia là Anh quốc, Đan mạch, Na uy và Ai-nhĩ-lan đã chính thức gia-nhập khối Thị-trường chung Âu-châu, sau 11 năm thương thuyết cực nhọc, Âu châu 6 nước đã biến thành Âu châu 10 nước.

Khối Âu-châu 10 nước đó hiện có một diện tích là 1.851.000 cây số vuông và một dân số là 257,2 triệu người. Sản lượng quốc-gia sồi (Produit national brut : PNB) là 637,11 tỉ Mỹ-kim. (1) Như vậy là so với Hoa-kỳ và Nga sô, khối 10 nước Âu-châu đã có một vị thế khá vững vàng. Khối lượng thép sản xuất hàng năm hơn cả Nga lẫn Mỹ. Số xe hơi sản xuất bằng khoảng 2/3 của Hoa-kỳ (khoảng 10 triệu) gấp đôi Nhật-bản. Tổng sản lượng cũng vào khoảng 2/3 tổng sản lượng của Mỹ.

Về phương diện quân sự, khối 10 nước tuy vẫn còn phải dựa vào Mỹ qua Minh-ước Bắc Đại-tây-dương. Nhưng về phương diện kinh-tế thì rõ ràng là Tây Âu đang muốn tách dần ra khỏi ảnh hưởng của Hoa-kỳ, nhất là từ khi đồng Mỹ-kim bị mất giá trên Thị-trường chứng-khoán Âu-châu. Họ nhận thấy rõ ràng là nếu liên hiệp lại thì họ là một lực lượng kinh-tê đáng kể, sắp si Hoa-kỳ và hơn hẳn Nga sô. Từ đó họ sẽ dần dần đi đến một thứ Hiệp-chủng-quốc Tây-

(1) Xin xem Bách-Khoa số 364 (1-3-72).

âu (Etats-Unis d'Europe Occidentale) hay nói cho đúng hơn một thứ Liên-hiệp các quốc gia Tây-âu (Une confédération des états de l'Europe Occidentale). Liên hiệp này sẽ là một tổ chức chính trị, tự nó đã là một siêu cường đề đương đầu với các siêu cường khác trên thế giới, vì tương lai của thế - giới sẽ là tương lai của các quốc gia lục-địa (état-continent). Những nước nhỏ bé dù kinh tế có phồn thịnh đến đâu cũng phải tìm cách liên-hiệp lại với nhau thì mới có thể sống còn được.

Anh quốc đã thấy rõ con đường đi của mình bằng cách tách rời khỏi Hoa-kỳ, hy sinh một phần nào cái Liên-Hiệp-Anh chỉ có giá trị tinh thần nhiều hơn là thực tế vì mỗi nước trong Liên - Hiệp - Anh đã tự mình tìm lấy con đường đi riêng biệt của họ. Gia-nã-đại, Úc-châu hướng nhiều hơn về Hoa-kỳ, Ấn-độ chịu ảnh hưởng của Nga-sô, Hồi-quốc chịu ảnh hưởng của Trung-Cộng.

Tuy nhiên việc gia nhập khối Âu-châu không phải là không gặp nhiều khó khăn vì sự nghi kỵ cố hữu giữa đảo quốc và lục địa, vì chánh sách quân bình lực lượng mà Anh quốc vẫn đeo đuổi từ xưa tới nay. Cuộc trưng cầu dân ý ngày 23-4 vừa rồi ở Pháp chứng tỏ là chỉ có một đa số tương đối dân Pháp tán thành việc Anh gia nhập khối Thị-trường chung, những người theo đảng Cộng-sản bỏ phiếu phản đối. Còn những người theo đảng Xã-hội thì bỏ phiếu trắng. Đến tháng 10 này, một hội

ngị thượng đỉnh 10 nước sẽ họp ở Paris và đến tháng 1-1973, hiệp-ước mới bắt đầu có hiệu lực. Như vậy là phải chờ đến đầu năm 1973 khối Âu-châu 10 nước mới thực sự hoạt động. Cuộc hội nghị thượng đỉnh Nga-Mỹ kết thúc tương đối tốt đẹp, Nga-Mỹ quyết sống chung hòa bình, thi đua phát triển kinh tế, các nước Âu-châu càng phải thúc đẩy mạnh sự liên-hiệp, san bằng mọi trở ngại nhất là về phương diện kinh-tế để nâng cao hơn nữa mức sản xuất, hòng cạnh tranh thắng lợi với các siêu cường Nga Mỹ mà không phải phụ thuộc vào bất cứ một phe nào. Đó là con đường mà Âu-châu đã chọn. Còn Á-châu và đặc biệt là Đông-Nam-Á phải làm gì để thoát ra khỏi gọng kềm của các siêu cường? Ở đây không phải chỉ có Nga và Mỹ mà còn có Trung-Cộng, còn có Nhật-bản cũng là những chuẩn siêu-cường đang lăm le giành khu vực ảnh hưởng. Các nước Đông-Nam-Á có đủ khôn ngoan và đủ khả năng để đi con đường mà các nước Âu-châu đang đi không? Nghèo đói, chiến tranh, kinh tế yếu kém, chia rẽ và thù nghịch, đó là những khó khăn mà chúng ta phải vượt qua. Các nước Âu-châu phải mất một phần tư thế kỷ để thực hiện được một bước đầu liên-hiệp. Đông-Nam-Á phải đề bao nhiêu thời gian để đi chặng đường đó? Như Anh-quốc đã làm, bước đường đó chúng ta phải cố gắng thực hiện để có thể sinh tồn trong cái thế giới mà chỉ có kẻ yếu là bị thiệt thòi.

VIỆT-PHƯƠNG

Vài nhận xét về cuốn
NGUỒN GỐC MÃ-LAI CỦA DÂN-TỘC V.N.
của Ô. Bình-Nguyên-Lộc.

Với cuốn « Nguồn gốc Mã-lai của dân-tộc V.N »
Bình-Nguyên-Lộc « chứng-minh » nhiều hơn « phát-minh »
ANH-ĐÔ-NÊ-DIÊNG = MÃ-LAI

**Một công trình tổng hợp
hơn là toàn tu**

Vào khoảng cuối năm qua, nhà văn Bình-Nguyên-Lộc đã làm cho nhiều người sửng sốt với một tác phẩm đồ sộ về *Nguồn gốc Mã-Lai của dân tộc Việt-Nam* (1). Thật ra, từ nhiều năm trước, qua những bài đăng ở các tuần báo hay tạp chí xuất bản ở Sài-gòn, tác giả cũng đã tỏ ra có chú ý đến lịch sử, nhất là từ sau khi ông lên tiếng ở đài phát thanh Sài-gòn bài bác thuyết của Giáo sư Nguyễn Phương trong *Việt-Nam thời khai sinh* (2) cho rằng người Việt-nam là Trung-hoa thuần chủng, tiếng Việt-nam sau mười thế kỷ độc lập vẫn còn là chính tiếng Tàu. Sau đó, lại có bài của Bình-Nguyên-Lộc « Tiếng Tàu, tiếng thuần Việt, tiếng Hán Việt » trên nguyệt san *Tân Văn* (3) có kèm theo một bảng ngôn ngữ đối chiếu. Như vậy, NGMLCDTVN chỉ là một trong những bước chót đi đến thành tựu chớ không phải là một bước đầu của tác giả trong địa hạt Sử học.

Nón nửa năm qua kể từ ngày quyền sử của Bình Nguyên Lộc ra

đời, mặc dầu đư luận có chú ý nhưng cho đến nay chưa có một bài phê bình toàn diện mà chỉ có vài dòng hay một đoạn trong mục giới thiệu hay diềm sách trên báo chí, không được kể là một bài phê bình.

Tác giả đã lập thuyết căn cứ trên chứng tích cụ thể của các khoa tiền sử học, chủng tộc học và ngôn ngữ tỷ hiệu cộng thêm với nhiều quan sát riêng của mình. Muốn phê bình toàn diện cuốn sử của Bình Nguyên Lộc phải thông thạo đủ các khoa học trên. Có lẽ đó là lý do cắt nghĩa sự thiếu vắng một bài phê bình toàn diện, kể cho đến nay. Tuy nhiên, công việc có thể làm được là mỗi người đứng về phương diện chuyên môn của mình, phê bình một khía cạnh nào đó, mỗi người mở xẻ một góc của tác phẩm. Tôi nhớ ngay đến cụ Ứng-hòe Nguyễn-văn-Tổ, một chuyên viên dãi sạn thời tiền chiến, nhưng cụ đã không còn nữa. Nhưng

(1) Bách Bộc xb, 894 trang, sẽ viết tắt là NGMLCDTVN,

(2) Viện Đại-học Huế, 1965,

(3) Số 14, tháng 6-1969, tr, 68-87,

cuốn sử của Bình Nguyên Lộc vẫn hiện diện đó như một thách đố không những cho học giới trong nước mà cho cả ngoài nước nữa, nếu một mai nó được phiên dịch ra ngoại ngữ vì nội dung có liên hệ đến nguồn gốc của nhiều dân tộc ở Đông Á, Nam Á, Nam-dương quần đảo, Trung Mỹ, Mã đảo (Madagascar).

Tôi rất tiếc không có được một máy may hiểu biết chuyên môn để phê bình NGMLCDTVN nên sau đây chỉ là vài nhận xét và cảm tưởng thoáng qua về một công trình tổng-hợp hơn là toàn tu, có một kích thước chưa hề thấy ở đây từ trước cho đến nay.

Cánh cửa đã mở

Nếu cái tựa cuốn sử của BNL là *Nguồn gốc Anh-đô-nê-diêng của người Việt-nam* chẳng hạn, thì cái tựa ấy chẳng gây ngạc nhiên chút nào hết bởi lẽ đã từ lâu, người ta có nói như vậy rồi: «Một thuyết nữa lại cho là người Việt-nam xưa thuộc giống Anh-đô-nê-diêng (Indonésiens).» (1) Một bài trên *Luận Đàm* gần đây hơn cũng thử «Tìm hiểu nguồn gốc Anh-đô-nê-diêng của người Việt-nam». (2) Đáng này, ông Bình Nguyên Lộc lại nói là *Nguồn gốc Mã-Lai của dân tộc Việt-Nam* khiến có người phải kêu lên rằng: «Cách dùng chữ rất kỳ. Tại sao lại dịch Indonésien là Mã Lai? Mã Lai, Gia Lai, Dayak, Khmer v.v..và..v.v chỉ là những phần tử nhỏ trong một đại khối lớn. Nếu dùng chữ ngang tàng

như thế thì chúng ta có thể viết nguồn gốc Mạ của người Đại Hòa Nhật Bản được (3).

Có lẽ số người ngạc nhiên không ít vì hai chữ Mã-lai dễ khiến người ta nghĩ ngay đến liên-bang Mã-lai trên bán đảo Mã-lai, mà diện tích và dân số chỉ bằng non một phần ba diện tích và dân số Việt-nam. Hơn nữa, dân tộc không thuần nhất như dân tộc Việt-nam, mà lịch sử cũng chẳng có gì gọi là vàng son hơn khiến thế giới phải nể phục: rơi vào tay đế quốc Tây phương từ năm 1511 và chỉ mới độc lập từ năm 1957 đây thôi. Thật ra, chúng tôi cũng chưa được đọc một tài liệu nào nói rằng dân tộc Việt-nam phát tích từ bán đảo Mã-lai. Người Mã-lai trên bán đảo chỉ là một chi của một đại chủng cũng gọi là Mã-lai xuất phát từ cao nguyên Tây-tạng, ở vùng núi Mã-lai (Hi-Malaya = núi của người Malaya, NGMLCDTVN, tr 374).

Nói cho đúng, cũng không phải Bình Nguyên Lộc là người sáng tác ra cái vụ Indonésien là Mã-lai hay cồ Mã-lai, mà trước Bình Nguyên Lộc, cụ Ứng - hoè dịch một bài của G.Coedès có đoạn nói về «bọn Mã-

(1) Lương đức Thiệp, *Việt-nam tiến hóa sử* (Xã hội Việt-nam), Hà-nội, Hàn Thuyên 1944, Liên Hiệp tái bản, Sài-gòn, 1950, tr. 25.

(2) của Nghiêm Thâm, *Luận Đàm* số 11 và 12, tháng 11 và 12-1962.

(3) Lam Giang, «Chim Hồng, Chim Lạc», *Khởi Hành* số 150, 27-4-1972, tr.3.

lai (Indonésiens)» (1) ; Henri - V. Vallois chú thích giữa hai dấu ngoặc đơn «Race indonésienne (race nésiote ou proto - malaise)» (2)... Ngay trong cuốn sách giáo khoa địa lý thường của Pháp (classe de cinquième, tương đương với lớp bảy của ta bây giờ), Etienne Fajon cũng viết «Les Malais ou Indonésiens» (3). Trong *Văn hóa Việt-Nam với Đông Nam Á*, ông Nguyễn đăng Thục nói rõ hơn : «Những bộ tộc Mã-lai mệnh danh là Anh-đô-nê-diêng vào khoảng 2.500 đến 1.500 trước TC chính là tiên tổ các dân Miến, Xiêm, Việt, Mã-lai, Phi ngày nay.» (4)

Anh-đô-nê-diêng là một thuật-ngữ của khoa chủng-tộc-học, có nghĩa là Cồ Mã-lai. Còn tiếng Anh-đô-nê-diêng thông thường, dùng để chỉ người Nam-dương, bây giờ gọi là Anh-đô-nê-xi-a. Vì có sự lầm lẫn đó mà có người viết «giống Indonésien từ miền Đông tới Việt-nam»

Hiểu rõ như vậy rồi tác giả mới minh xác việc xử dụng danh từ của mình : «quyền sách nhỏ này có tham vọng là sách chuyên môn nhưng chúng tôi dùng danh từ thường là Cồ Mã Lai, chớ không nói Anh-Đô Nê-Diêng là một danh từ mà đại đa số dân ta chưa quen» (tr.16-17.). Tôi thấy ngược lại, danh từ thường là Cồ Mã-lai không quen thuộc bằng danh từ Anh-đô-nê-diêng mà các sách giáo khoa Sử học lớp sáu có nói đến (còn hiểu đúng hay sai lại là một chuyện khác) ; ông Nghiêm Thâm trong bài

viết ở *Luận Đàm* đã nhắc qua ở trên, không cho thấy danh từ Anh-đô-nê-diêng là Cồ Mã-lai.

Dè dặt hơn G.s. Nguyễn đăng Thục, ông Nghiêm Thâm «kết luận sau này một khi những phong tục, tập quán, ngôn ngữ của người Việt-nam và các dân tộc Anh-đô-nê-diêng được nghiên cứu thật kỹ lưỡng thì ta càng thấy rõ là người Việt-nam ở gốc chung của các dân tộc Đông-Nam Á-châu mà ra, đó là gốc Anh-đô-nê-diêng. Hiện nay các đồng bào Thượng còn giữ được gần nguyên- vẹn những căn-bản của gốc Anh-đô-nê-diêng đó».(5) Còn hơn Henri-V.Vallois đã biết Anh-đô-nê-diêng là Cồ Mã-lai lại xếp người Việt-nam vào chủng Nam Mông-gô-lích tràn xuống Đông-dương đuổi người Anh-đô-nê-diêng, còn hơn Ashley Montagu coi giống Ấn-Mã-lai là phụ chủng của chủng Mông-gô-lích (6).

Như vậy, nguồn gốc Anh-đô-nê-diêng hay Mã-lai của người Việt-

(1) «Văn hóa Đông dương», *Tri Tân* số 101, 1-7-1943, tr. 17.

(2) *Les races humaines*, Paris, P.U.F, 1944, tái bản năm 1960, tr 77.

(3) Paris, Les éditions de l' école, 1953, tr. 205.

(4) Sài-gòn, Văn hóa Á châu x.b., 1961, tr. 39.

(5) Bđd, tr.112.

(6) *Les premiers âges de l' homme*, Verviers (Belgique), Ed. Gérard et Co, 1964, tr.99.

nam, có người không thấy, có người thoáng thấy, có người đã xác định trước Bình Nguyên Lộc nhưng có mấy ai chịu để ý lắng tai nghe. Cánh cửa đã mở. Người đầu tiên bước hẳn vào bên trong lại là Bình Nguyên Lộc. Nói là người đầu tiên, vì trong lãnh vực này, xác định suông không có giá trị bằng chứng minh. Và ông Bình Nguyên Lộc đã chứng minh điều mà «thiên hạ đã thoáng thấy sự thật rất đông đảo», bằng một công trình tổng hợp. Vì cánh cửa đã mở nên điều ông muốn chứng minh không có gì gọi là táo bạo nhưng sự chứng minh hết sức công phu.

Vì tin tưởng mạnh mẽ ở công trình khổ luyện của mình, nên ông mới dám lên tiếng: «thách thức Hà-nội bác bỏ được thuyết của tôi, thì tôi sẽ phục họ, bằng không thì dân tộc Việt-nam toàn quốc sẽ được lợi vô cùng mà biết tổ tiên ta là ai». (1) «Nhưng chỉ dám thách thức về đại cương mà thôi, còn chi tiết thì dĩ nhiên cũng phải có sai, nhiều hay ít chưa biết. Đại cương là nguồn gốc Mã-lai của dân ta [...]» (2).

Thường quả quyết nhiều hơn là dè dặt.

Thái độ dè dặt đó ít thấy trong suốt cuốn sử của Bình Nguyên Lộc, mà thường người đọc bắt gặp ở ông giọng điệu quả quyết chắc chắn như ba bó vô một giạ.

Những điều ông quả quyết (có khi cũng chỉ là xác định thường) có khi sai và sự dè dặt lại đúng. Đúng hay

sai cũng chỉ là chi tiết, mà cái sai thì ngay cả những người có tước vị đại học cũng vẫn không tránh khỏi như sẽ thấy.

Nam-Á, Úc - Á

Người Anh-đô-nê-diêng cách đây khoảng 5.000 năm di cư từ Hoa-Bắc xuống Cồ-Việt trong khoa chủng-tộc-học được gọi là Austro-asiatique (Ông Bình Nguyên Lộc gọi là Mã-lai đợt I) để phân biệt với đợt di cư lần thứ hai cách đó 2-500 năm từ lưu vực Dương-tử-giang xuống phía nam cũng của người Anh-đô-nê-diêng, lần này gọi là Austronésien (Ông Bình Nguyên Lộc là Mã-lai đợt II).

Ông Bình Nguyên Lộc lưu ý độc giả: «Austro-asiatique chỉ có nghĩa là người Á-đông phương Nam, chứ không có nghĩa gì là Úc-Á cả, như tất cả các sách Việt đều đã dịch sai như thế» (tr.324). Câu này chỉ đúng cho tới chữ «cả» thôi, vì Austro-asiatique phải dịch là Nam-Á chứ không phải Úc-Á. Hai Giáo sư Đại học Trần Kim Thạch và Trần Hải Vân, trong một cuốn sách xuất bản gần cùng một lúc với NGMLCDT-V.N. (3), cũng đã gọi là Úc-Á. Nếu Úc-Á thì phải là Australo-asiatique.

(1) «Bách Khoa đàm thoại với Bình Nguyên Lộc», *Bách Khoa* số 358, 1-12-1971, tr. 44.

(2) *Bđđ*, tr.45.

(3) *Biên khảo về người tiền sử thế giới và Việt-nam*, Saigon, Lửa Thiêng, 1971, tr.235.

Nhưng cụ Nguyễn Văn Tố đã dịch đúng (1), vài cuốn giáo khoa Việt sử cũng vậy.

Lớp sơn Trung-hoa

Ở chương V, tiết E (ngôn ngữ tỷ hiệu), ông Bình Nguyên Lộc quả quyết «cái lớp sơn Trung - hoa phết lên văn hóa Việt-nam đã gặt găm tất cả mọi người, kể cả các nhà bác học nữa». (tr.641).

Có lẽ ông khẳng định như vậy là vì xét về nguồn gốc tiếng Việt-nam, «Sử gia Nguyễn Phương khẳng định tiếng ta là tiếng Tàu. Giáo sư Lê Ngọc Trụ có chứng minh 10 năm trước lời khẳng định trên» (tr 473).

Nhưng không phải tất cả đều tin như vậy. Ông Hồ Hữu Tường là một.

Đó là nói riêng về ngôn ngữ, còn nói về cái gốc chung của dân tộc thì ông Nghiêm Thâm nhận rõ cái vóc dáng Anh-đô-nê-diêng chớ không phải Trung-hoa «Ta có thể nói là dù trước đây giới trí thức bị ảnh hưởng quá sâu sắc của học thuyết Trung-hoa cho đến nỗi cái gì cũng cố bắt chước đúng người Trung-hoa, v.v.. nhưng những người dân quê là những người ít chịu ảnh hưởng của học thuật Trung-hoa vẫn giữ được những truyền thống cũ của tổ tiên. Nhờ vậy mà dù ngót một nghìn năm bị người Trung-hoa đô-hộ, nước Việt-nam không bị đồng-hóa hoàn toàn. Đó là tại người Việt-nam vẫn giữ được cái gốc Anh-đô-nê-

diêng của mình». (2)

Ông Thái văn Kiềm trong một cuốn sách không có gì là chuyên môn, *Viet nam d'hier et d'aujourd'hui* (3) có nhận xét rằng nền văn minh Việt-nam buổi đầu có màu sắc nửa Trung-hoa, nửa Anh-đô-nê-diêng, nhưng từ thế kỷ thứ VII trở đi đã có tính cách Việt-nam rõ ràng. (Ở đây không phải là vấn đề thảo luận tại sao lại kể từ thế kỷ VII),

Tóm lại, có người bị lớp sơn Trung-hoa phết lên văn hóa Việt-nam gặt găm mà cũng có người không.

«Còn chi tiết thì dĩ nhiên...»

Mohenjo-Daro và Harappa

Người Dravidien ở Ấn - độ cách đây 6 000 năm được ông Bình Nguyên Lộc nhận diện ra là thuộc chủng Mã-lai, Người Dravidien ở tiểu-bang Kerala hiện nay (Tây-nam Ấn) còn tự xưng là Malayalam.

Những người thuộc Mã-lai chủng đó «chỉ mới bị chủng da trắng Aryen xâm lăng cách đây có 4.500 năm. [...]

«Họ làm gì suốt trên 1.000 năm làm chủ Ấn-độ? Họ đã thiết lập một nền văn minh rất cao, mà các nhà

(1) Bđd, tr.17.

(2) Bđd, số 12, tr.112.

(3) Xuất bản do sự bảo trợ của Bộ Quốc gia Giáo dục Việt-nam và Ủy ban quốc gia UNESCO ở Việt-nam, Maroc, 1956, tr.65.

khảo tiền sử chỉ mới khám phá ra đây thôi, nền văn minh cao đó kéo dài lỗi 300 năm mới bị bọn da trắng diệt đi, tức họ di cư tới địa bàn Ấn-độ có 500 năm là đã từ dã man vượt lên văn minh tột bậc, văn minh hơn cả cở Ai-Cập nữa :

«Nước của họ tên gì, không ai biết cả, và các nhà khảo cổ ước lượng nó sinh trưởng từ lỗi 3.500 năm T. K. đến 2000 TK. thì bị chủng da trắng Aryen từ phương Tây đến, diệt đi». (tr. 380-381)

Hai thành phố bị chôn vùi trong lưu vực Ấn-hà (Indus) là Mohenjo-Daro và Harappa ngày nay được nhìn nhận là của chủng Mã-lai (Mlecch'a, gọi theo người Aryen) và đã «được định tuổi là 3.500 năm» (tr. 381).

Trong đoạn vừa trích dẫn, mấy con số chỉ thời điểm không ăn khớp với nhau.

Tính theo thời ký lịch sử hết cho dễ thấy.

Người Aryen xâm lăng miền Ấn-hà cách đây 4.500 năm, tức vào khoảng — 2.500 (2.500 năm trước Ky-Tô, viết tắt là T.K.)

Nước của người thuộc chủng Mã-lai sinh trưởng từ lỗi — 3.500 đến — 2.000 thì bị người Aryen diệt đi.

Hai thành phố Mohenjo-Daro và Harappa của chủng Mã-lai được định tuổi là 3.500 năm tức bị tàn phá vào khoảng — 1.500.

Tưởng cũng nên nhớ là người

Aryen êm ái thâm nhập miền Ấn-hà trong khoảng nửa thiên kỷ, chia ra thành nhiều đợt. Đợt chót không còn hòa bình di thực nữa mà là võ trang xâm lăng. Những cuộc phát quật ở Mohenjo-Daro cho thấy nhiều cốt bộ của người dân thành phố này nằm bừa bãi trong nhà, ngoài đường. Có thể đó là những người chậm chân không chạy thoát kịp. Vào năm nào trong những thời điểm đã kê : — 2.500, — 2.000 hay — 1.500?

Trước khi có phương-pháp định tuổi cở vật bằng carbon phóng xạ (C_{14}), nhiều tác giả ước lượng thời điểm đó là năm — 1.500, như Jacques Pirenne, Jeannine Auboyer, Edward Mc Nall Burns, Yves Petit - Dutailis, Mani Mulla,... Thật ra những thời điểm liên hệ đến thời tiền sử Ấn-độ còn nhiều khác biệt từ tác giả này đến tác giả khác, vì tuy nền văn minh Harappa phát triển rất sớm nhưng mới chỉ được nghiên cứu từ năm 1921 trở lại đây, bắt đầu từ những cuộc phát quật của John Marshall. Công cuộc đào xới còn được tiếp tục trong những năm 1964-1965.

Phương pháp định tuổi cở vật bằng C_{14} cho phép người ta ước lượng có phần chính xác hơn nền văn minh Ấn-hà thời tiền Harappa bắt đầu từ khoảng — 2.400 và nền văn minh Harappa thịnh đạt vào khoảng từ — 2.100 đến — 1750/1700 (1).

(1) Guy Rachet, *L'Univers de l'archéologie*, quyển 2, Verviers (Belgique), Gérard and Co, 1970, tr. 196-197.

Như vậy là sự thâm nhập của người Aryen bắt đầu từ cuối thiên kỷ — III đến khoảng — 1.700 là ra mặt xâm lăng, tàn sát.

Nền văn minh Harappa có sớm phát triển thật, nhưng không quá sớm từ khoảng — 3.500, sớm hơn cả thời điểm của Edward Mc Nall Burns và Philip Lee Ralph là — 3.250. Các giai đoạn biến hóa của nền văn minh Harappa do hai ông này nêu ra tuy không ăn khớp với thời điểm do phương pháp C14, nhưng cụ thể và rõ ràng hơn so với những sách khác :

thời kỳ thành lập : —3250/—2800

thời kỳ cực thịnh : —2800/—2.500

thời kỳ suy vong : —2500/—1.500 (1).

Tóm lại, thời điểm hình thành nền văn minh Harappa trong miền Ấn-hà phải rút lại từ —3.500 (theo BNL) xuống —2400 (theo phương pháp C14), cũng như Bình-Nguyên-Lộc đã ước lượng và đề nghị «Bốn ngàn năm văn hiến của ta, phải được sửa đổi lại là 2.587 năm văn hiến, nếu kể đến năm 1970...» (tr.888).

Phổ thông hay chuyên môn ?

Ông Bình Nguyên Lộc muốn sách của mình cùng một lúc có cả hai tính cách đó «quyền sách này có tham vọng là sách chuyên môn». (tr. 15), «Phương chi chúng tôi lại mong ước sách này được những người không chuyên môn theo dõi.» (tr. 335)

Hai tính cách đó khó mà dung hòa trong một cuốn sách đồ sộ (ở Việt-nam) đề cập một vấn đề thật chuyên môn như NGMLCD-TVN.

Nếu là sách chuyên môn thì nó thiếu một bảng sách dẫn để người dùng sách tiện việc tra cứu khi cần đến. Thư tịch cần được ghi rõ hơn để cho người đọc có thể kiểm lại dễ dàng điều tác giả viết hoặc giúp cho độc giả hiểu học nhờ đó mà tìm hiểu thêm chi tiết về một khía cạnh nào đó của vấn đề. Có lẽ vì thế mà khi kiểm điểm «Sinh hoạt báo chí, văn chương, nghệ thuật trong năm Tân Hợi», Ngôn Ngữ có nhận xét :

«Người ta thấy Nguyễn văn Xuân với *Phong trào Duy tân*, Bình Nguyên Lộc với *Nguồn gốc Mã Lai của dân tộc Việt-nam*, Sơn Nam với *Miền Nam đầu thế kỷ XX : Thiên địa hội và cuộc Minh Tân...* Các cuốn sách trên đều có chung một đặc tính là không được viết theo phương pháp sách nghiên cứu nên người đọc khó có thể biết được những điều tác giả viết lấy ở đâu ra và lấy đúng hai sai ?» (2)

Ông Bình Nguyên Lộc cho biết : «Hiện nay ở Chợ Lớn có đến 80 phần trăm người Việt gốc Hoa không biết tiếng Việt...» (tr.504). Con số này lấy

(1) *World Civilizations*, quyển and, bản in kỳ 3, New York, W. W. Norton and Co, Inc., 1964, tr. 140—141.

(2) Tạp chí *Trình Bày Số Xuân Nhâm Tý*, 1 và 15-2-1972, tr. 6.

Ở đâu ra, sách báo nào? Hay là tác giả tự mình tìm hiểu? Và tìm hiểu bằng cách nào? Số người hỏi thăm, nếu có, đề làm thống kê là 10 là 100 hay 1.000? Chi tiết vụn vặt thật đấy nhưng cần thiết để độc giả thêm phần xác tín. Như vậy, sách sẽ thêm rườm rà, thêm dày, nhưng đó là điều mà độc giả sách nghiên cứu, biên khảo đòi hỏi chính đáng.

Sau mỗi chương sách, ông có cần thận kê khai «Sách tham khảo riêng cho chương này» (tức Thư tịch), nhưng việc kê thư tịch thiếu nhất trí. Có tác phẩm chỉ kèm theo nơi xuất bản, hoặc chỉ có năm xuất bản có khi thì có luôn cả hai. Sách gồm có bao nhiêu trang, in lần thứ mấy, độc giả cũng cần biết để xem tác giả sử dụng tài liệu cập nhật hay không. Ở bảng thư tịch trang 658, chúng ta được đọc: «Bùi Hữu Sùng: Tạp chí Bách Khoa, Saigon». Lúc cuốn sử của Ông Nguyễn Lộc được phát hành thì tạp chí Bách Khoa đã ra trên 300 số rồi. Độc giả muốn tìm đọc thêm Bùi Hữu Sùng cũng chẳng biết bài được sử dụng ở số nào, ngày nào mà tìm. Tra mục lục Bách-Khoa không phải là chuyện trong năm ba phút. Thiệt là vất vả cho người đọc muốn học hỏi thêm.

Cùng ở một bản thư tịch cho Chương V, tác giả kê đến hai lần «Phạm văn Sơn: Việt sử tân biên Saigon 1956», lần thứ nhất ở trang 656 và lần thứ nhì, trang 658.

Về cái việc chưa xuất xứ hay làm

một bảng thư tịch này, ông Phan văn Hùm đã có một lần nhận xét qua rồi trên tờ *Tri Tân* tạp chí (1), với bài «Bề ngoài của sách khảo cứu.» NGMLCĐTVN là một cuốn sách khảo cứu cần có cái bề ngoài mà ông Phan văn Hùm đã nói, một chi tiết thuộc về hình thức tuy nhỏ nhặt nhưng cần được tạo thành một nề nếp làm việc, không sánh bằng cái việc đi tìm nguồn gốc của dân tộc thiên nan vạn nan.

Người không chuyên môn có lẽ không cần những chi tiết đó nhưng lại cần nhiều hơn những bản đồ Trung Hoa và Đông Nam Á ghi rõ những địa danh tác giả có nhắc qua trong sách. Một bản đồ độc nhất ở trang 89 không đủ giúp độc giả không chuyên môn theo dõi tác giả một cách dễ dàng. Vị trí Bắc-Kinh lại lệch quá xa về phương Bắc.

Nếu muốn giúp người không chuyên môn, có kiến thức phổ thông về vấn đề nguồn gốc của dân tộc ta, tôi tưởng nên viết một cuốn khác, mỏng cỡ loại «Que sais-je?» của Pháp, độ 130 trang trở lại, hay loại sách phổ thông «All About»... của Mỹ, có lợi cho cả hai phía, tác giả và độc giả.

Lời hay lỗi?

Vài thân hữu của chúng tôi có mua cuốn sử của Ông Nguyễn Lộc. Có người thấy cuốn sách đồ sộ với một cái tựa là lạ mua để đó mà chưa

(1) Số 137, ngày 6-4-1944 tr.20-21.,

xem. Có người đọc thoáng qua vài đoạn, thích đoạn nào đọc đoạn đó. Một người đọc qua hai lần và bảo là có nói chuyện với H.T.M trong hai tiếng đồng hồ về cuốn « Nguồn gốc Mã-lai của dân tộc Việt-nam », có trách Bình Nguyên Lộc công kích hết ông này đến ông khác kể từ H. Maspéro trở đi cho đến mấy giáo sư đại học hiện nay ở nước ta. Người đọc thoáng qua nghĩ rằng cuốn sử ấy chắc không phải của Bình Nguyên Lộc viết, Bình Nguyên Lộc đâu có giọng văn bút chiến đó. Một người khác nữa, đọc một bài nào đó trên một nhật báo, gặp chúng tôi có kêu lên : « Ê, Bảng Giang, sao Bình Nguyên Lộc lố quá vậy ta ! » Tôi biết ngay ông bạn đang thắc mắc về lời thách thức Hà-nội của Bình Nguyên Lộc, nên tôi hỏi ngay có đọc Bách-Khoa chưa. Rõ lại là chưa.

Tờ *Hòa-Bình* chúa nhật số ra mắt, ở mục giới thiệu sách, có viết : « Bình Nguyên Lộc không phải là một người khiêm tốn, ít ra trong trường hợp này, ông có ý không chịu một thái độ khiêm tốn chút nào ». (1)

Trên thực tế như đã thấy, cảm tình mà độc giả đã dành sẵn cho BN L có sút mẻ ít nhiều. Sự kiện này có thể giải thích từ hai phía : độc giả và tác giả.

Độc giả có thể đọc thoáng qua mà không thấy, hoặc không nhớ những dòng, những đoạn tác giả minh-định thái độ của mình đã cố ý lựa chọn sẵn, vì những lý do gì

tác giả có nói rõ.

Thật ra tác giả tuy có bài xích, phủ nhận nhưng không có phụ ơn, cũng bắt đầu từ Maspéro ; « Ông H. Maspéro, một nhà bác học mà chúng tôi rất khâm phục, đã phát cờ đi trước hơn hết đề về cái nguồn ấy, vào năm 1918 » (tr. 9)

« Tất cả những thuyết mà chúng tôi cho là không đúng đều đã giúp ích cho chúng tôi rất nhiều thì những trang sách của chúng tôi mà có sai đi nữa cũng sẽ giúp cho ai đó. » (tr. 68).

« Trong sách này chúng tôi thường có dịp phê bình và công kích những nhà bác học Tây phương làm việc khảo cứu cho xứ ta. Nhưng xin đừng tưởng rằng chúng tôi sừng miệng lắm khi làm như vậy, nhứt là đối với ông H.Maspéro [...] »

« Nhưng chúng tôi phải vì sự thật khoa học, biết sao giờ ! »

« Họ giỏi hơn ta quá nhiều [...] và công việc kiểm soát của ta không có nghĩa là phụ ơn họ » (tr. 71)

« Cái phần bác bỏ ấy có vẻ như là bút chiến, khiến chúng tôi rất khổ tâm, nhưng không thể tránh, vì có những điều sai mà được cả nước đều tin từ lâu nay, thì phải hò hét cho to như về vụ Anh-đô-nê-diêng chẳng hạn. » (tr. 73)

Những ý trên đây rải rác trong một cuốn sách dày cộm dễ chìm

(1) Tuần lễ từ 19 đến 25-12-1971, tr. 9

mất giữa những đồng chí tiết, sự kiện, lập luận ngồn ngang. Nếu ông BNL không có những ý vừa trích dẫn, thì chắc hẳn chúng tôi cũng không dám cầm viết để có bài này. Dầu sao tác giả cũng có một khuyết điểm trong sự trình bày. Những ý trên thay vì phân tán nên tập trung lại ở ngay phần đầu quyển sách, trong bài tựa. Nhưng quyển sách thiếu lời tựa. Đoạn văn trích dịch của bác sĩ P. Huard có đóng khung cẩn thận không thể thay thế được cho lời tựa ở đầu sách.

Cách trình bày như đã nói, trên thực tế, cũng đã khiến cho ông Bình Nguyên Lộc phải gánh chịu sự lỗi lã về tình cảm, dù nhiều hay ít, của một số độc giả; nhưng văn hóa Việt nam có lời nhiều với cuốn NGML CDTVN vì người Việt-nam được biết rõ về quá trình sinh thành của dân tộc mình, những ai là anh em bà con xa gần với mình, biết rõ hơn về quê hương đất nước do quốc tổ Hùng-vương khai sáng và còn sống mạnh đến ngày nay. Và khá nhiều khám phá mới, hoặc chưa ai nói đến, hoặc đính chánh những kiến thức cũ sai lầm trong nhiều lãnh vực như ngôn ngữ, phong tục, cổ sử,...

Một tảng đá và nhiều viên đá

Nhìn chung lại, có thể nói rằng «Nguồn gốc Mã-lai của dân tộc Việt-nam» của Bình Nguyên Lộc là một tảng đá lớn tiền sử và cổ sử Việt-nam, Trung-hoa và của nhiều dân tộc

khác nữa. Một trăm khách bộ hành đi ngang qua, bằng một cử chỉ băng quơ, đập vào một gậy, ném vào một cục đá,... tảng đá có thể sứt mẻ từ phía nhưng tảng đá vẫn cứ là tảng đá, tro tro đó năm này qua năm khác như tảng đá bên đường Định-quán đối với du khách từ Sài-gòn ra Đà-lạt. Biết mình, biết người, nên tác giả chỉ thách thức về đại cương chứ không về chi tiết mà ông đã nhận trước là dĩ nhiên có sai. Chính tác giả cũng nhìn nhận «Trước quyển sách này, thiên hạ đã thoáng thấy sự thật rất đông đảo...» (tr.885), nghĩa là tác giả không phải cô độc. Còn có Nguyễn Đăng Thục ở đây đã biết Anh-đô-nê-diêng là Mã-lai và đã biết các dân Miến, Xiêm, Việt, Mã-lai, Phi-luật-Tân ngày nay đều cùng một gốc tổ : chủng Anh-đô-nê-diêng.

Tôn Hành Giả nâng tảng đá lên ném xuống mặt hồ. Nước bắn tung tóe trúng nhiều người đã chết (H. Maspéro, L. Arousseau,...) cũng như còn sống (Lê văn Siêu, Lê ngọc Trụ, Kim Định, Nguyễn Phương,...)

Trong một buổi nói chuyện nào đó về văn chương Việt-nam, ông Hồ Hữu Tường có câu : «Hai bên cãi nhau mãi mà không thêm một viên đá nào cả».

Ở đây, với cuốn «Nguồn gốc Mã-lai của dân tộc Việt-nam», không phải hai bên mà nhiều phía chưa có cãi nhau mãi mà đã thêm một tảng đá và nhiều viên đá rồi.

BẢNG-GIANG

Phỏng vấn Ô. Nguyễn Bạt-Tụy

Nhà Ngữ-học kiêm Dân-tộc-học tiêu biểu ngành khoa học Nhân văn miền Nam.

Cách đây hơn một năm Ô. Giản-Cui có viết bài phỏng-vấn Ông Nguyễn Bạt-Tụy, chuyên-gia về ngữ-học và dân-tộc-học, hiện có một cơ-quan nghiên-cứu mang tên ông ở Đa-lạt.(1) Vốn là chỗ quen-biết từ hồi còn ở Hà-nội (1936) tôi vẫn theo dõi những hoạt-động âm-thăm nhần-nại của ông từ nhiều năm nay. Sau vài lần tiếp-xú với nhau trước năm 1960, ông đã rày đây mai đó trên khắp đất-nước này, còn tôi thì bận công việc, nên hai đàng vẫn xa-cách nhau.

Gần đây tôi có dịp lên Đa-lạt thăm ông, trước là để tặng ông cuốn *Đoạn trường tân thanh khảo lục* mới ra, sau là để xem công-trình phụng-sự văn-hóa dân-tộc độc đáo của ông đã tiến-hành tới đâu, nên nghĩ rằng viết bài phỏng-vấn này không phải là vô-bổ.

oOo

Đúng như sự mô-tả cặn-kẽ trong tờ *Văn* của Ô. Giản-Chi, «*Trung-trương*(2) Nguyễn Bạt-Tụy» rất dễ tìm ra ở gần chân dốc Duy-Tân, cách khu Hòa-Bình chừng 150 thước thôi. Đó là một ngôi biệt-thự kiểu Á-đông màu đỏ như viên hồng-ngọc nằm vào một vùng cỏ-cây xanh biếc, trên một sườn đồi có thông và anh-đào mọc

xum-xuê. Tôi gặp Ông Nguyễn Bạt-Tụy một buổi sáng chủ-nhật, trong một căn phòng đầy tranh-ảnh màu-sắc lộng-lẫy xen với đủ loại lan trình-bày rất khéo. Sau vài lời hàn-huyên, tôi đưa tặng ông cuốn sách mang từ Sài-gòn lên.(3)

Nhìn cái phòng đầy bàn-ghế và hình-màu đề trong những khung kính trang-nhã, phủ kín cả tường và có chú-thích : Lễ vía Thánh-mẫu Thiên-y, Tế nữ-quan đền Quan-lớn Tam-phủ, v.v., tôi bắt đầu ngay câu chuyện :

— Phòng này có lẽ là phòng triền-lãm về «*học-dân*» của ông ?

Thấy tôi dùng tiếng *học dân* của

(1) Giản-chi, «*Nguyễn Bạt-Tụy, nhà dân-ngữ-học*». *Văn* số 159 ngày 8-1-70, tr 97-104.

(2) Ô. Nguyễn Bạt-Tụy đã dùng *Trung-trương* thay cho *Trung-tâm* theo chủ-trương bảo-vệ tinh-thần nội-giống của ông.

(3) Ông tỏ ra rất cảm-động về lời đề-tặng, tuy của riêng tôi nhưng có lẽ cũng tiêu-biểu cả cho cảm-tình mà phần lớn những bạn tôi trong học-giới vẫn dành cho ông :

«*Thân tặng Ông Nguyễn Bạt-Tụy, một nhà ngữ-học và dân-tộc-học độc đáo ở Việt-nam đã từ bỏ tất cả để phụng-sự khoa-học nhân-văn.*»

ông thay cho *dân-tộc-học*, Ô. Nguyễn Bạt-Tụy mỉm cười nói :

— Dạ phải, nhưng cũng là phòng dạy sinh-ngữ Anh-Pháp của tôi, vì ngành nghiên-cứu chỉ làm mình nghèo thêm thôi. Ở cái «hội-sống» này — à xã-hội này — mà mình không kỳ-vọng gì ở các cơ quan văn hóa nhà-nước, nếu mình không có một nghề tay-trái để nuôi các chương-trình nghiên-cứu, thì phải giã-từ nghiên-cứu sớm. Mặc dầu mới trở lại nghề dạy từ gần hai năm nay thôi, tôi được sự mến-chuộng của học-sinh và sinh-viên Đà-lạt, nên cơ-sở này đã vững-vàng và có cơ phát-triển.

— Tôi hiểu rồi : nghề dạy của ông là phụ, mà nghề nghiên-cứu — nếu đó là một nghề — vẫn là chính.

— Nghề dạy cũng là một nghề cao quý, nhất là khi mình đào-luyện được những học-trò có những hiểu-biết mà những nơi khác không dạy cho họ được. Nhưng «giết gà mà dùng đến dao mổ trâu», quả thật là uổng cho cái khả-năng của mình. Phải chỉ những thời giờ dạy, tôi để được cả vào việc biên-soạn thì ích-lợi cho văn-hóa bao nhiêu !

Vốn muốn tìm hiểu mục-đích và những hoạt-động của trung-tâm nghiên-cứu của ông Nguyễn Bạt-Tụy tôi ngỏ ý muốn được ông dành cho ít thì giờ để nói chuyện và ông mời tôi sang « phòng-văn » bên cạnh.

oOo

Thấy căn phòng xinh xắn ấm cúng,

đúng là của một học-giả, tôi cười và nhận-xét :

— Ô. Giản-Chi đã tả kỹ căn phòng này trong báo *Văn*, nhưng hình như đã quên không nói tới cái «vườn lan trong phòng» ?

— Hồi tiếp Ô. Giản-Chi tôi chưa sưu-tầm lan, mà nay thì quả tình là mê lan, nên còn dành một phần thì giờ cho những bạn lan khả ái của tôi. Tôi đã có gần hai trăm loại, nghĩa là nhiều hơn của *Flore générale de l'Indochine* mà người ta vẫn gọi tắt là *F.G.I.*, còn các loại Ô. Phạm Hoàng Hộ kể ra trong *Cây cỏ miền Nam* thì chẳng thắm vào đâu. Hơn nữa, lan làm mát con mắt mình, dịu tâm-trí mình, nhất là nêu cho mình một cái gương bền-bỉ lạ thường : vài giống lan nở hoa hai ba tháng mới tàn. Tôi cũng muốn bền chí, bền sức như lan, chớ ở đất nước này, thái-độ vô-trách-nhiệm của các cơ-quan văn-hóa đã làm cho nhiều tài-năng của ta mau tàn như những đóa hồng, đóa huệ cả. Nhưng thôi, xin ông cứ đặt câu hỏi đi.

— Vâng, tôi nói, vậy trước hết tôi muốn biết khi lập ra cơ-quan này ông nhắm mục đích gì ?

— Nói ra thì dài lắm, nhưng tôi cũng phải bắt đầu từ chỗ đầu. Mời ông xem cái đơn từ 12-7-1966 này : nó là đơn xin phép mở Trung-ương tôi gửi cho ông Văn-hóa bấy giờ là một Tổng-Ủy-viên Văn-hóa Xã-hội sắp ra đi, đề một ông Phó Thủ-tướng đặc-trách Văn-hóa Giáo dục kể chân.

Nó tóm tắt tất cả những gì ông muốn biết.

Chẳng hạn, phần *Phạm-vi Nghiên-cứu* có thể cho ta thấy mục-đích đó.

Tôi vừa cười vừa nói :

— Chà, đọc đoạn văn này ai dám ngờ rằng ông là người chống-đối quyết-liệt thứ ngôn-ngữ theo Trung-hoa mà nhiều người ở đây còn bảo-thủ !

Ô. Nguyễn-Bạt-Tụy nheo-nheo cặp mắt, rồi trề-trề cái môi nói :

— Vâng, «đi với ma phải mặc áo giấy» chớ sao ? Mấy ông Văn-hóa hồi ấy viết tiếng *Giao* còn chưa thông mà mình lại giở cái giọng «bảo-vệ tinh-thần *Giao*» ra thì lá đơn chắc chắn được vào nằm sọt rác. Chắc ông cũng chẳng lạ gì rằng tôi chủ-trương dân ta là *Giao* (tức *Giao-chỉ*) chớ không phải Việt, như tôi đã từng trình-bày trong những bài viết ở *Nghiên-cứu Việt-nam* (1), nhất là ở tờ *Nước Tôi* (2).

— Thế ra mục-đích của ông là tất cả những cái đó ?

— Đó mới là những cái đích gần, ở giai-đoạn đầu. Thật ra, sau khi chứng tỏ được «Ta là ai» thì tôi mới vạch rõ cho mọi người thấy «Ta phải thế nào», và đó là cái đích xa, ở giai-đoạn chót.

✪ Xong phần tìm-hiểu mục-đích, tôi đọc tiếp phần *Chương-trình Hoạt-động* trong lá đơn. Đọc hết phần chương trình vĩ đại này tôi không khỏi giật mình nghĩ đến những

phương-tiện lớn lao mà Trung-ương Nguyễn-Bạt-Tụy đã phải huy-động để chuẩn bị và thực hiện nó.

Tôi hỏi chủ nhân :

— Ông đã và sẽ làm thế nào để thực hiện những ý đồ trên ?

— Mới nghe thì thấy thật khó, nhưng nếu mình tự biết mình và tự tin ở mình thì ở đời chẳng có gì khó cả, dầu mình vấp phải bao nhiêu khó-khăn đi nữa. Tôi đã chia cuộc đời của tôi ra nhiều giai-đoạn : giai-đoạn chuẩn-bị phương-tiện đi thu thập tài-liệu, giai-đoạn đi, giai-đoạn chuẩn bị phương-tiện công-bố các tài liệu, và giai-đoạn công-bố.

— Tôi hiểu rồi. Trước đây 10 năm ông đã chuẩn-bị phương-tiện, rồi trong vòng 10 năm nay ông đã đi. Chắc bây giờ ông đang ở giai-đoạn thứ ba là chuẩn-bị phương-tiện lần nữa ?

— Thưa đúng như vậy, mà cũng vì vậy mà tôi chẳng bao giờ có tiền trong túi cả, và cái mộng xe hơi nhà

(1) Tờ này do Ô.Lê văn Hào chủ-trương và có đăng một bài *Các ngữ ở Việt-nam* với bản-đồ dân-ngữ của Ô. Nguyễn-Bạt-Tụy (Số 2, hè 66). Sau đó còn bài *Ngữ *Giao* trên đất *Giao**, nói về tiếng Mường và tiếng Kinh, nhưng mới xong phần tiếng Mường (Số 4-8, Đông 66-Đông 67) thì xảy ra vụ Mậu-Thân và tờ *Nghiên-cứu Việt-nam* ngưng ra.

(2) Nguyễn-Bạt-Tụy, «Chúng ta biết gì về đất-nước ta ?», *Nước tôi*, số 1, ngày 22-5-71. Tờ này còn đăng tiếp ba bài của Ô. Nguyễn-Bạt-Tụy nhan đề *Chúng ta tìm hiểu đất nước cách nào* rồi cũng đình-bản một cách tối-tăm.

lâu, vợ đẹp con khôn, mà nhiều người khác ôm ấp, thật quá xa lạ đối với tôi. Đất-nước này yếu hèn, văn-hóa nát bét là tại những người cầm quyền chỉ biết có cái mộng ấy. Họ chỉ nghĩ đến kiếm-chác, ngay trong các cơ-quan văn-hóa và giáo-dục: nếu tôi sinh vào một nước khác

Đơn xin phép mở Trung-ương Nguyễn Bạt-Tụy

● Phần PHẠM VI NGHIÊN CỨU

...«Nơi đã chỉ rõ ở tên đặt cho cơ-quan nói trên, chúng tôi làm việc về cả các dân-tộc lẫn các ngôn-ngữ.

«Về các dân-tộc, trước hết chúng tôi đã quan-sát người Việt-nam ở khắp các vùng, đã ghi-nhận các nếp-sống, các nghề-nghiệp, các tín-ngưỡng, rồi lại mô tả các nhà-cửa, ghe-thuyền, đồ-nghề, đồ-dùng, trang-phục. Kế đến chúng tôi đã chú-trọng vào người Mường, vốn là một giống Việt-nam xưa, chưa chịu ảnh-hưởng, hay đã chịu rất ít ảnh-hưởng của Văn-hóa Tàu, và đã tìm-hiểu họ về mọi khía-cạnh. Sau cùng là các dân Thiều-số từ Bắc chí Nam, chừng 40 sắc dân đã được chúng tôi đến viếng tận nơi ăn chốn ở, xem-xét nhà-cửa, đồ-dùng, quần-áo, điều-kiện sinh-hoạt và xác-định vị-trí của họ trên bản-đồ.

«Về các ngôn-ngữ, riêng trong tiếng Việt, không một giọng-miền nào là chúng tôi không biết, và chúng tôi đã ghi-chép thêm hàng ngàn câu tục-ngữ ca-dao lạ, hàng muôn tiếng địa-phương cùng những tiếng chuyên-môn trong các nghề mà chưa sách-vở hay từ-điển nào biết tới. Nhờ sự nghiên-cứu rất sâu-xa về tiếng Mường, với hàng ngàn tục-ngữ ca-dao và gần 20 "giọng-vùng", chúng tôi đã định lại được trạng-thái xưa của tiếng Việt. Hơn nữa, sự hiểu biết tiếng Miên, tiếng Chàm, tiếng Mã-lai, cùng chừng 40 thứ tiếng Thượng, đã giúp chúng tôi tìm ra nguồn-gốc chính-xác của nhiều tiếng Việt.

«Làm việc trong hai lãnh-vực ấy, chúng tôi đã muốn thực-hiện hoài-bảo chính là tìm ra nguồn-gốc dân ta qua sự quan-sát các giống dân khác chung quanh ta, chớ những tài liệu sử mà người ta quen dùng từ trước đến nay không đáng tin-cậy là mấy. Chúng tôi cũng muốn đặt nền móng vững-chắc cho các ngành mà người ta quen gọi là dân-tộc-học và ngữ-học».

● Phần CHƯƠNG TRÌNH HOẠT ĐỘNG

...«Về hiện-tại, chúng tôi cần có một cơ-sở đặt ở một chỗ thuận tiện mà chúng tôi đã định là Đà-lạt, để thực-hiện những việc sau đây:

«1/ Lập một thứ Viện Bảo-tàng Ngôn-ngữ nhỏ, trong đó chúng tôi sẽ:

«a. Sửa-soạn và trưng-bày hàng trăm bản-đồ và đồ-liễn ngôn-ngữ, chỉ rõ các khu-vực ngôn-ngữ cùng đặc-tính của mỗi ngôn-ngữ

thì chắc chắn không phải lặn-đạn như thế này đâu.

Thấy nét mặt râu-rầu của nhà nghiên-cứu đầy nghị-lực, rất cô-đơn,

tôi xoay chiều câu chuyện đề thay đổi bầu không-khí. Tôi nhắc đến những cuộc đi của ông :

— Chắc ông đi đã nhiều, thường

trên đất ta, và nếu có thể, ở các nước lân-cận.

« b. Trưng-bày các tài-liệu nghiên-cứu về các ngữ ở Việt-nam, trong đó những bài khảo-cứu của riêng chúng tôi, rồi đây được công bố rất nhiều, sẽ khiến ta tin-tưởng vào tương-lai ngôn-ngữ ta.

« c. Trưng-bày các từ-điền, nhất là những từ-điền Việt-nam, và nhiều loại tự-vị Kinh-Thượng, mà chúng tôi biên-soạn, sẽ giúp-ích không phải là nhỏ cho sự thông-cảm giữa các sắc dân trên đất ta.

« d. Trưng-bày và có thể cho nghe những băng thu-thanh về các giọng-nói trên đất ta, từ miền Kinh đến các miền Thượng, và chính chúng tôi đã có một phần trong các tài-liệu này.

« 2/ Lập một thứ *Viện Bảo-tàng Dân-tộc* nhỏ, trong đó chúng tôi sẽ :

« a. Sửa-soạn và trưng-bày chừng 5.000 (1) tấm ảnh mà chúng tôi đã chụp trong nhiều năm qua, mô-tả các nếp-sống Kinh-Thượng: nhân vật, phong-cảnh, đền-miếu, nhà-cửa, ghe-thuyền, nghề-nghiệp, tế-lễ v.v. Đây là các tài-liệu giới-thiệu với giới tìm-học nhiều cái mà cả đời người ta chưa được trông thấy, và nhờ đó ta nêu rõ những hình-ảnh đất-nước.

« b. Sưu-tập và trưng-bày các đồ-dùng, đồ-nghề, đồ-mặc, đồ-cúng của từng sắc dân mà chúng tôi biết rõ có ở đâu trong các cuộc đi, và nay chỉ cần có phương-tiện tìm đến mua thôi.

« 3/ Lập một thứ khu *Bảo-tàng Kiến-trúc* giữa-trời, trong đó chúng tôi sẽ :

« a. Xây-cất các kiểu nhà Thượng mà chúng tôi đã nắm rõ các đặc-tính ở từng miền : đây là những tài-liệu hấp-dẫn được khách-xem, tương-đối rẻ tiền và dễ thực-hiện hơn cả.

« b. Xây cất các kiểu nhà Kinh từ Bắc chí Nam theo những thê-thức phân-loại cần-thận để làm nổi-bật khả-năng kiến-trúc cổ-truyền của ta.

« c. Đóng các kiểu ghe-thuyền miền Kinh, các ghe-lườn miền Thượng, và trưng-bày hẳn ở ven nước, nơi đó có-thể thêm những đồ-nghề đánh-cá to không tiện chứa trong nhà, từ những nốc-ró bè rớ, dòn, đến đặng-nò, vó-càng, vó-gạt».

(1) Theo Ô. Bạt-Tụy thì bây giờ con số hình màu và đen trắng đã có gấp bốn lần như thế.

thì bằng cách gì ?

Nói đến «đi» thì mắt ông sáng lên, sự vui-vẻ trở lại tức khắc :

— Thật tình «đi» là lẽ sống của tôi, và chỉ trong khi «đi» tôi mới thấy mình «sống» mãnh-liệt nhất, mặc dầu mỗi lần đi là chết một ít... tiền bạc trong túi và sức-khoẻ trong mình. Năm 1960 tôi thường đi bằng xe-lửa để dừng lại các tỉnh dọc đường từ Sài-gòn đến Quảng-trị : đường, xe-lửa bây giờ rất an-toàn và tiện-lợi vì mình có thể làm việc ngay trên xe-lửa. Tôi ở lại Quảng-trị mấy tháng, rồi về Huế «đóng đò» để làm chỗ đi, về.

Năm 1961 tôi làm một chuyến đi vòng quanh miền Nam bằng xe xi-cút-tơ, vì nhờ nó tôi có thể len-lỏi vào những thôn-xóm hẻo lánh nhất. Cứ ngày đi đêm nghỉ, chỗ nào đáng quan-sát thì dừng lại một thời-gian dài hay ngắn, mà tôi đi suốt từ Quảng-trị xuống Cà-mau, trở về Sài-gòn, lên Đà-lạt, xuống Phan-rang đi Ban-mê-Thuột, thẳng đường đi Pleiku Kon-Tum, trở xuống Bình-Định rồi về Huế.

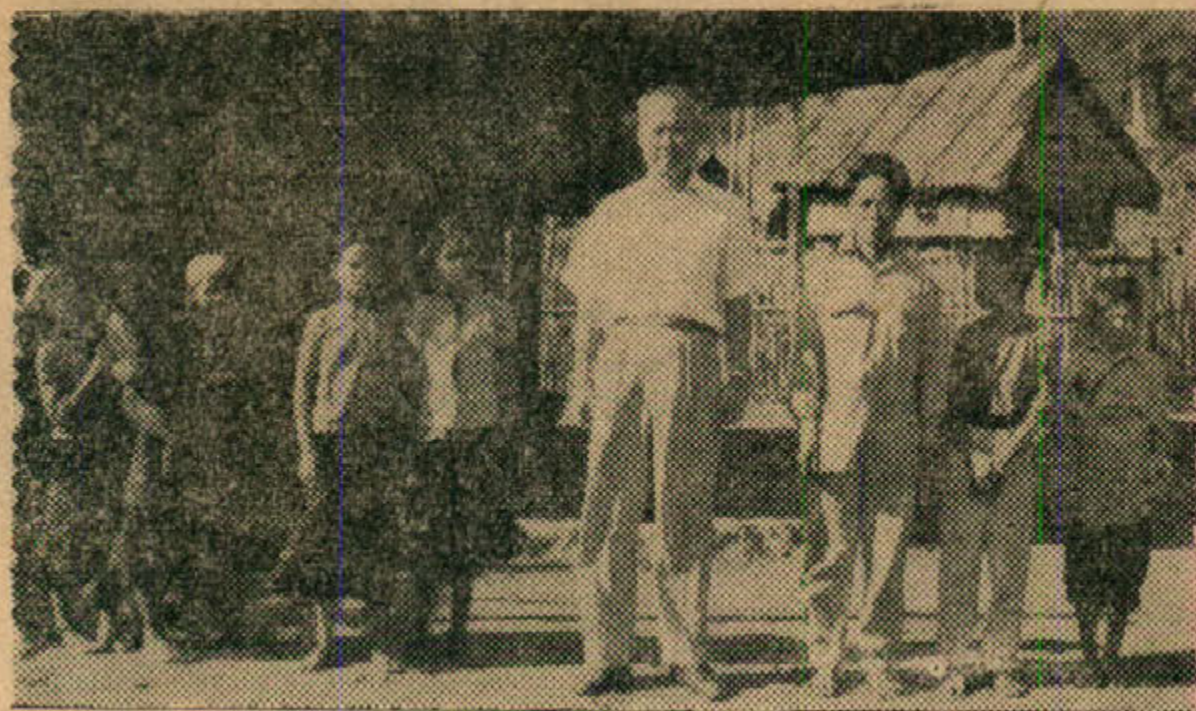
— Chà ! Thật khó nhọc và nguy hiểm ! Nhưng chắc thích-thú lắm ?

— Chẳng có cuộc đi nào thích-thú bằng, nhưng về đến Huế thì tôi đau lưng mất hai tháng mới khỏi, vì gặp một tai-nạn dọc đường, mà cũng vì ngồi nhà-sàn nhiều quá.

Nghe nói tai-nạn, tôi nôn-nóng hỏi ngay :

— Ông có sao không, và ở khúc nào ?

— Khi đi tôi đã tránh được một tai-nạn lẽ ra đã khiến tôi không còn ngồi đây nói chuyện với ông được nữa. Quá Quảng-ngãi, xe đang chạy ngon trớn và tôi đang nhìn sang bên đường, vì thấy một đám đông tụ-tập, chợt quay lại thì tôi thấy một cây cản ngay trước mắt. Không kịp suy-nghĩ và nhờ linh-tính tự-tồn, tôi vươn tay ra ngay lấy cây cản, đu mình và co chân lên cho cái xe vượt chạy một mình. Ai cũng tin rằng tôi võ ngược rồi, còn tôi thì tự nghĩ rằng cái may hi-hữu này là một bài học thận-trọng cho mình. Nhưng khi về, trên đường Ban-mê-Thuột Pleiku, ngay giữa rừng, lúc gần xế bóng, dầu thận trọng, tôi cũng đã té xe, vì đường rừng quá vắng làm tôi e ngại mà chạy mau, rồi gặp quãng đường dốc nhiều sống trâu. Ông cứ tưởng-tượng một cái xe xi-cút-tơ gãy hẳn bàn đạp, treo hết tay lái, một quãng đường rừng rất xấu trên đó chỉ gặp một chuyến xe đò ngược chiều mà mình vậy cũng không dừng lại giúp mình, vì đây là đoạn hồi đó nổi tiếng là có cạp, chưa kể cạp... hai chân. Tuy bị xây xát tôi còn đủ sức gài số đầy cho xe chạy và cứ cầm cái tay lái treo chạy cho đến quận Phú-Nhơn, hồi đó chưa lập xong tòa-quận. Tôi không bao giờ quên cảnh đêm xuống với vắng thối-dương đỏ ối chìm dần sau những ngọn núi đen ngòm và mấy chục cây số đường vắng tối om với bao nhiêu âm-thanh kỳ lạ của rừng



— Hình bên :

Ô. Nguyễn Bạt-Tụy với người Vân Kiều tại Hương Hóa (Quảng Trị).

— Hình dưới :

Với người Gié ở Đắc Xút.

lời âm-ù. Với địa thế cô-quạnh của nó, quận này vừa đây đã từng bị những cuộc tấn-công dữ-dội của phía bên kia.

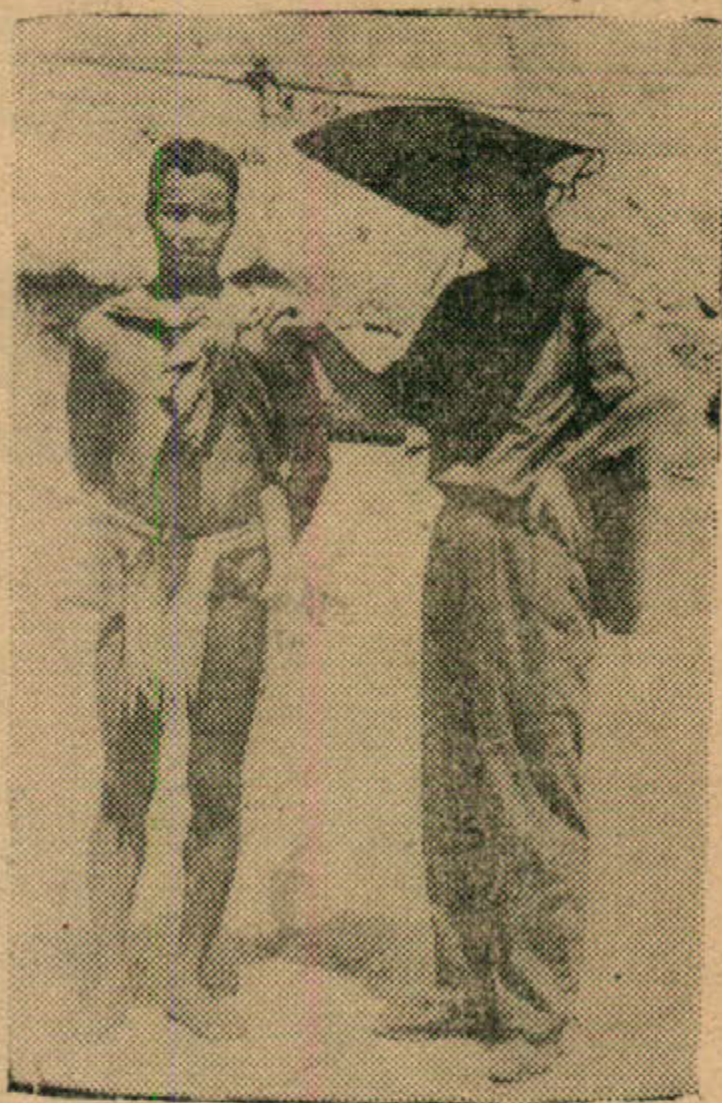
Tôi cười mà hỏi :

— Chắc vì tai nạn ấy mà ông đau lưng hai tháng và sau đó bỏ luôn chiếc xi-cút-tơ ?

Ô. Nguyễn Bạt-Tụy lắc đầu, cười hi-hi :

— Không phải. Vì tôi đã “khinh chiến” ngồi thi với người M'ông trong 7 ngày liền trong nhà sàn của họ ở Ban-mê-Thuật. Xưa nay mình quen ngồi ghế, chân buông xuống, lưng dựa vào ghế ; nay ngồi khoanh chân, xương sống không quen đỡ cả khối xương thịt mình liền mỗi ngày ít nhất 10 giờ và trong liền 7 ngày, thì chịu sao nổi. Đó là một kinh-nghiệm về kỹ-thuật (technologie) ngồi và lên đến Pleiku một mũi chích mọoc-phin vào tủy xương-sống của bác-sĩ đã giúp tôi dựng ngay lại cái lưng gãy gập làm đôi.

Còn chiếc xi-cút-tơ đã cho tôi thấy



rằng nó “gân” không kém gì mình, và chính nhờ nó mà sau khi về đến Huế tôi đã đi xới được từng thước đất hai vùng Trị-Thiên và thâu-thập được những tài-liệu quý giá nhất về học-dân(1) và học-ngữ(2).

1. Tức dân-tộc-học.

2. Tức ngữ-học.

Nghe nói đến Trị-Thiên, một vùng đang nóng bỏng trong cuộc chiến miền giới-tuyến, tôi vội hỏi :

— Nghĩa là ông biết rõ hai vùng này nhất và chắc còn giữ được nhiều hình-ảnh mà nay, than ôi, đã chìm tan vào khói lửa.

— Dạ, đã đành là thế. Ngay từ cuối 1959, trong lúc dạy học nái ra tiền, tôi đã nghĩ rằng nếu còn chần-chừ thì rồi sau sẽ là những đồng gạch nát chẳng còn gì để xem để ghi nữa. Tôi đã nhất-định giũ áo ra đi, nên ngày nay tuy bao nhiêu tiền đã trút cả vào các cuộc đi 10 năm, ôi rất mừng thấy rằng mình đã

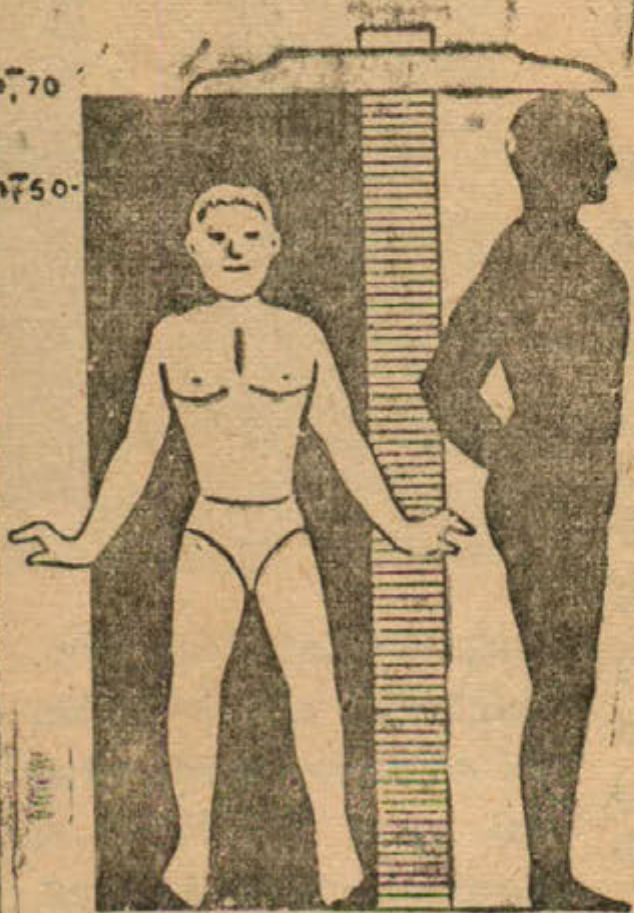
hành-động kịp lúc, và biết hi-sinh một phần đời người mình cho một việc làm hữu-ích. Đây, tôi xin tặng ông hai tấm hình tiêu-biểu : một kỷ-niệm với người Gié ở Đắc-Xút, một quận ở phía Bắc Kon-Tum nay không còn đến được nữa, và một kỷ-niệm với người Vân-Kiều ở Hương-Hóa một quận ở phía tây Quảng-Trị, nay không biết còn có dịp trở lại được nữa không.

Riêng về những vùng người Kinh ở ven biên Trị-Thiên, với bao nhiêu giọng nói cồ-lồ lạ-lùng, đề thủng-thảng tôi xin hầu chuyện ông.

BÙI HỮU SÙNG *tường thuật*

Vitaplex

CALCIUM + 6 SINH-TỐ
C - D - PP - B2 - B6 - B12



- CON NIT MAU BIẾT ĐI
- CƯỜNG XƯƠNG
- MẠNH KHỎE
- NGƯỜI LỚN CƯỜNG RĂNG
- ÍT ĐAU RĂNG
- YẾU PHÔI
- MỆT MỎI

LABOHADZER

VỪA THƠM NGON - VỪA BỔ

Trên tờ

tặng trăm-tử-thiên

Trên tờ
còn vẹn sầu này
cung thương xao động
bờ mây
đầu ngàn,

Tin mùa rợn sóng trường-giang
thuyền xa cõi nhớ tìm sang
bến này. Xin em ly nữa
vừa say,
ta nâng trọn khúc sầu này
trên tờ...

Mưa mùa tháng năm

mưa mùa tháng năm
tầm tầm sợi nhớ
lệ trời rụng võ
mắt người dăm dăm

em có về thăm
vườn dâu, ngô liễu
giã từ niên thiếu
lạc dấu chân nhau
nước chảy qua cầu
còn theo năm tháng
một khoảng trời xưa
tiếng lá vườn trưa
rơi trong tiềm thức
và nắng phai rồi
mưa rơi... sầu rơi

Thơ NGUYỄN HỮU NHẬT

Đợi chờ

Lẳng chần xa gió bên thềm
Phòng riêng nổi lạnh cùng đêm âm thầm
Giường im chẵn gối lặng cầm
Cửa khuya không khóa vẫn không người về
Chờ người tình cũng hôn mê
Phôi đời lá lạnh chưa chia cuống mềm.

Bóng gương

Trông gương người chẳng ra người
Đăm đăm con mắt rã rời hồn đau
Lòng bảo với lòng quên mau
Mình nghe mình nói lại chau mày hờn
Bếp nhà lửa tắt trống trơn
Gối phai hơi thở giường buồn nếp nhăn
Tôi đẩy à gương bản khoăn
Khi lê bước mỗi lúc nằm thờ ra
Giọng mình ngỡ tiếng ai xa
Chỉ người cách mặt mới là người quen
Chẳng thể nhớ người luôn luôn
Nhưng không giây phút nào quên được người
Soi gương đối diện với đời
Một bên bóng, một bên người buồn chung
Tay run buộc sợi dây chùng
Khăn xô ai ghép thành mùng đêm nay
Gió vờn, lay, tấm màn bay
Giật mình lại tưởng cánh tay gối đầu
Ngoài tôi ra, có ai đâu
Soi gương vàng ố hết màu thời gian

V À O Đ Ò I

Chương 6

(tiếp theo B.K. 370)

Buổi thi nghiêm trọng gây căng nhất vẫn là buổi thi toán. Gây căng ngay từ phút đầu. Không biết hạnh kiểm toàn phòng hai buổi thi trước như thế nào gây những bất bình trong hàng ngũ giám thị ra sao mà sáng nay, hai người coi phòng Quang đều là nam giáo sư. Một ông quen, vì mới sáng hôm qua mang cà vạt xanh, điem hoa đỏ nói chuyện suốt buổi với cô trẻ, nhưng hôm nay, ông mặc áo ngắn tay, cổ để hở, nét mặt nghiêm nghị lạnh lùng khác hẳn buổi thi đầu. Một ông nữa hơi quen quen Quang ngồi chờ mở đề, và không thể nào dẫn nổi tò mò. Minh gặp ông này ở đâu rồi?

Quen lắm. Cái đầu hói này. Đôi lông mày rậm này. Cái mũi hơi sần sùi và cái cổ dài ngoằn lộn hấu. Lại thêm đôi vai xuôi thõng, và cái lưng hơi khòm này nữa. Không phải ông thầy cũ nào đó trên quê, vì ông ta nói tiếng Huế. Ông giáo sư hào hoa đang gay gắt cảnh cáo những thí sinh cố ý xé hết giấy ghi số ký danh trên bàn để đổi chỗ ngồi. Ông gọi tên từng người, xếp ngồi lại đúng chỗ cũ. Bàn của Quang khỏi phải di chuyển, vì không có ai tham dự vào âm mưu. Nhờ thế, Quang vẫn ngồi bình tĩnh, cố bóp trán nhớ lại thứ

đã gặp ông cụ ở đâu.

Ờ, có thể gọi là ông cụ cũng được, vì tuy nét mặt khắc kho chưa đủ để đầy một ông giáo trung niên vào cõi thọ, nhưng thân hình ốm o của ông tạo cảm giác thương hại bù ngùi cho người chung quanh, cái xúc động bao dung xót xa của những người mạnh khỏe đối với lớp lú lẫn già cả.

Tiếng chuông báo hiệu giờ thi bắt đầu tự nhiên kích động trí óc, xóa tan sự quên lãng u ám. Quang hồi hộp đưa tay nhận đề, cùng một lúc nhớ ra rằng lúc vào trường bằng công phụ, qua cái giếng trước nhà bác cai, Quang thấy ông cụ mặc quần đùi vải đen dài gần đầu gối, đang cố đưa gàu nước nặng lên quá đầu xối xuống thân thể ốm o. Lẽ dĩ nhiên, bây giờ ông cụ đổi khác, mặc áo sơ mi trắng, cổ thắt cà vạt sẫm, quần ống dài loại cổ điển lỗi thời, và mang đôi giầy Bata thông dụng. Ông cụ người Huế, và ngược hẳn với thái độ Quang đối với ông, không tỏ một chút thương hại nào đối với những kẻ dám thách đố trường qui.

Quỳnh bên cạnh nói nhỏ:

— Chết mẹ. Đề dài quá trời. Trúng hai tướng thiên lôi này nữa.

Bác hợp tác xã ngồi nhìn chăm chăm vào đề, không cử động, không nói năng. Giống y như một pho tượng,

Quang đọc đề hai lượt. Không khó khăn gì. Cái dạng thức này quá quen, và lối giải cũng không có gì nhiều khê rắc rối. Quang lấy thước vẽ hình trên tờ giấy nháp. Ở bên dưới, ở đằng sau, có nhiều tiếng chắc lưỡi hít hà. Một thí sinh tìm cách gây thông cảm:

— Khó quá thầy.

Ông hào hoa mau miệng gắt:

Lo làm đi.

Ông cụ nét mặt lạnh-lùng, ngồi nhìn xuống không hở môi.

Một thí sinh khác lại cố xóa bầu không khí lặng lẽ cách biệt:

— Đề dài quá thầy.

Bây giờ, cả hai giám thị đều im lặng, không thèm trả lời. Cả phòng thất vọng, lại quay về với đề thi. Một nhóm ba bốn cảnh sát đi quan sát một vòng ngoài hành lang, tiếng giày khua đều trong sự im lặng gần như tuyệt đối. Có tiếng hỏi lớn, giọng kẻ cả, của người cảnh sát đi đầu:

— Sáng nay thi cử vẫn trật tự an ninh chứ thầy?

Ông cụ lễ phép trả lời:

— Dạ, nhờ quý ông mời hết người lạ ra ngoài, lại kiểm soát gắt gao phiếu báo danh, nên tương đối khá hơn hôm qua.

— Đề có dài quá không thầy?

Vài thí sinh cười khúc khích vì nghe người cảnh sát nhắc lại y câu nói cầu hòa khi nãy. Quang ngược

nhìn lên. Người cảnh sát có lẽ là sĩ quan, tự tiện tiến đến gần bàn, rút một cái đề xem, rồi vừa gật gù như hiểu rõ nội dung vừa thản nhiên bước ra.

Ông hào hoa vội chạy theo:

— Xin lỗi ông, cho chúng tôi xin lại cái đề.

Viên sĩ quan cự nự:

— Tôi là trưởng toán an ninh của hội đồng này, coi như thuộc thành phần giám thị. Tại sao các ông coi được, chúng tôi lại không coi được?

Ông hào hoa không kém:

— Chúng tôi được lệnh ông chủ tịch: tuyệt đối không cho ai đem đề thi ra ngoài trước giờ bãi. Dù thí sinh có làm bài xong, cũng phải nộp đề lại rồi mới được ra về.

— Ông nghi tôi đem đề bán cho người ngoài à? Nếu tôi lại nghi chính các ông chuyền đề ra thì sao?

Ông giám thị nổi nóng, không cần giữ gìn nữa:

— Khi các ông bắt gặp giám thị nào làm như vậy, thì các ông cứ việc thi hành phận sự. Nhưng phận sự các ông là lo an ninh bên ngoài. Các ông không được quyền đi trên hành lang, không được quyền vào phòng thi lấy đề, chúng tôi không cần các ông giữ an ninh ở đây.

Một cảnh sát viên thắp tưng, nhân cơ hội tốt, bênh vực vị chỉ huy:

— Có tất cả thí sinh đây làm chứng,

các ông bảo không cần cảnh sát giữ trật tự nữa. Như vậy từ giờ phút này, các ông tự lo liệu lấy. Người ngoài có vào trường thi quăng bài, thì các ông ra giải tán họ. Chúng tôi không chịu trách nhiệm.

Viên chỉ huy cảnh sát tìm được một lối thoát hợp thời, quăng cái đề xuống đất, rồi lớn tiếng ra lệnh.

— Tụi bay xuống, bảo anh em về trình diện tại Ty đề chờ ông Ty giải quyết. Mình không có phận sự gì nữa.

Rồi cả toán bỏ đi.

Ông hào hoa mặt mày đỏ gay, môi bậm lại cố nén giận dữ, vào phòng có ý muốn phân trần với ông cụ. Ông cụ đưa hai tay ra trước, nghiêng đầu ra dấu chán nản. Ông nói :

— Anh coi phòng. Đề tôi xuống cho ông chủ tịch hay. Nếu cần, tôi điện thoại cho xứ ty trưởng cảnh sát. Hẳn là bạn học cũ ngày trước. Có phải cái lão lúc nãy thêu trên ngực áo tên MÔ không ?

Ông hào hoa gật đầu. Ông cụ ra khỏi phòng. Ông giám thị trẻ vẫn chưa hết bức bối, lại ngồi đặng bàn thày, gục đầu vào lòng hai bàn tay.

Nhân cơ hội, cả bác hợp tác xã lẫn Quỳnh ngồi xích lại gần Quang, nói nhỏ :

— Đề tờ giấy nháp ra trước cho coi với.

Quang tìm cách giải thích :

— Chiều hôm qua thi được, nhưng hôm nay môn toán nguy hiểm lắm.

Hai bài giống nhau đều bị loại. Làm sao cho coi được ?

Bác hợp tác xã nhỏ nhẹ :

— Qua chép không giống y bài em đâu. Qua biết cách đổi câu văn mà.

Còn Quỳnh nhìn lờm lờm, đe dọa :

— Tao nói cho hay, không cho tao xem, tao rầy mực. Tao xé bài. Tao sinh năm 1945. Đảng nào cũng phải đi lính. Tao có xé bài mày, cảnh sát có bắt giải về ty thì cũng gửi qua quân trấn, rồi quân trấn gửi qua trại nhập ngũ. Càng đỡ tốn tiền xe.

Quang ớn lạnh, nhìn đôi mắt ti hí và mái tóc bù xù của Quỳnh, biết chắc chắn hẳn không nói đùa.

Ông giám thị nghe tiếng xì xào, lấy viên phấn gõ trên bàn :

— Tất cả thí sinh không được nói chuyện.

Quang phải nói nhỏ cho hai người xê ra :

— Thôi được. Tôi đề nháp cho coi. Nhưng phải ngồi xa ra cho ông ta khỏi ghi dấu vào bài.

Quang thấy không còn giải pháp nào khác hơn là nháp thật sơ sài, rồi viết vào thật kỹ. Trong tờ giấy nháp, Quang cố ý viết sai vài điểm cho giám khảo biết hai người bên cạnh chép bài của mình. Vì vậy, Quang đã viết xong một tờ giấy thi, mà mấy hàng chữ số trên giấy nháp chưa chiếm hết một mặt giấy. Bác hợp tác xã và Quỳnh lo canh chừng giám thị và sao y nguyên bản, không

chú ý điều đó. Quang xin tờ giấy trắng khác và xếp tờ làm xong dưới học bàn, lấy quyển Logarithme chặn lên trên. Quỳnh hỏi :

— Sao trong bài của mày tới hai hình vẽ, còn trong giấy này chỉ có một ?

Quỳnh xưng tao mày một cách tự nhiên. Quang tìm cách bào chữa :

— Vì sang trang, tôi phải vẽ lại cho dễ nhìn.

Vừa lúc đó, có tiếng giày nhẹ tiến vào phòng. Ông cụ đã trở về. Thí sinh bối rối sửa lại thế ngồi, sửa lại giấy thi cho ngay ngắn hơn. Đến Quỳnh cũng lặng lẽ xê ra ngồi tận đầu bàn. Tiếng ông hào hoa hỏi :

— Cảnh sát về hết rồi à ?

— Mô có. Tên khi hỏi không có phận sự gì ở đây hết. Lũy là trưởng phòng cảnh sát tư pháp, mượn cơ tìm cách đưa bài cho thẳng con. Mình đề nghị xử ty trừng trị nặng nề lão Mô đề làm gương. Nhưng hãn nãn nỉ, bảo thông cảm giùm lão Mô. Đứa con đã đến hạng tuổi chót. Nếu không đậu kỳ này, phải trình diện gấp đề đi Thủ Đức.

Nhiều thí sinh nghe được đoạn đối đáp của giám thị, cười khúc khích.

Ông cụ nghiêm nét mặt, lớn tiếng nói :

— Lo làm bài đi. Chỉ còn một giờ nữa thôi.

Câu nói của ông cụ quả nhiên khiến cả phòng lao xao lo âu. Ông hào hoa thích chí bồi thêm phát ân

huệ :

— Xem kỹ bài thi, ghi đúng tên họ và số ký danh trước khi nộp bài. Quỳnh mất bình tĩnh giật đại tờ giấy nháp về phía mình. Bác hợp tác xê chồm lên bài viết của Quang. Quang lo ngại kéo mảnh giấy vàng về trước mặt như cũ.

Đột nhiên, một vật tròn từ dưới cửa sổ bay nhanh vào phòng, rơi đánh cộp trên bàn nhì, suýt làm lỗ đầu thí sinh ngồi gần cửa ra vào. Cả phòng lại lao xao. Ông hào hoa từ trên bực chạy xuống chụp tờ giấy nháp bài cuốn quanh viên sỏi lớn, bóc ra xem, rồi lắc đầu chán nản. Ông cụ bỏ bàn thầy, chạy lại cửa sổ, chưa kịp nhìn xuống đã phải nghiêng đầu tránh một hòn sỏi khác bay phớt qua má. Ông cụ chậm rãi đi về phía hành lang, nhặt lên mở đọc. Ông hào hoa hỏi :

— Tụi nó chép trên carbone cho được nhiều bản. Tờ đó cùng nét chữ với tờ này không anh ?

Ông cụ hơi bực bội :

— Nó viết hỗn.

Rồi mạnh tay quăng mảnh giấy vào xô. Hai giám thị chia nhau đi đóng cửa sổ lá sách lại. Nhiều tiếng phản đối của thí sinh :

— Tối quá không thấy đường làm bài thưa thầy.

Ông cụ lại mở cửa lá sách, rồi kéo cửa gương khép chặt vào. Vẫn có tiếng phản đối ròi rạc :

— Nóng quá thầy.

Ông cụ không thèm trả lời, tiếp tục kéo mạnh cho cánh cửa nằm im trong cái khung hơi hẹp. Còn ông hào hoa thấy cửa gương phía mình vỡ nhiều quá, nên tiếp tục đóng ập hai cánh cửa lá sách.

Nhân cơ hội hiếm có, Quỳnh gạt tờ giấy thấm trên bài của Quang ra để sao y nguyên văn. Quang phản đối:

— Nhìn giấy nháp chưa đủ à? Tôi thừa với ông giám thị bây giờ.

Quỳnh tức giận dẫn mạnh cây viết Pilot lên bàn không thêm chép nữa. Quang hơi lo ngại. Quỳnh ngồi như vậy khá lâu, cúi xuống xếp lại mấy cuốn sách toán đem theo mà không dùng đề dưới học bàn. định viết nữa, rồi lại thôi. Ông cụ lên tiếng nhắc nhở:

— Chỉ còn hai mươi phút nữa. Thí sinh kiểm soát lại họ tên và số ký danh. Khi có tiếng chuông, tất cả ngồi yên tại chỗ và bỏ viết xuống. Chúng tôi thu bài đủ rồi, mới trả thẻ căn cước cho mọi người.

Quỳnh tươi cười nhìn Quang, lời lẽ hòa nhã trở lại:

— Cả năm đi chơi, bây giờ xin chào thua. Mà ráng ở lại thi. Chiều nay tao bỏ cuộc luôn. Hẹn gặp lại ở Thủ Đức.

Quỳnh đứng dậy, lên bàn thầy nộp bài về trước. Bác hợp tác xã đọc quyền tờ giấy nháp, đang ký cóp sao y. Quang được yên ổn, nắn nót cẩn thận câu trả lời cuối cùng. Quang định đứng dậy về sớm, nhưng bác hợp tác xã kéo áo bảo:

— Ráng ngồi tí nữa em. Chứ em

viết khó đọc quá. Dấu này là cái gì?

Quang đành ngồi lại. Thực ra, Quang cũng không cần về sớm. Quang sợ gặp các bạn cũ. Sợ phải đứng trước công chờ Vân và nghe các lời phân tru. Còn gần 10 phút nữa. Quang rút tờ giấy thi làm xong xem lại từ đầu.

Cái gì đây? Quang sửng sờ. Rồi hoảng hốt. Tờ thứ nhất đã bị ai xé ngang, gần đứt lìa. Quang thấy bàn ghế ngã nghiêng, trời bỗng u ám và không gian lao xao tiếng la tiếng hét. Quang run tay, nói lắp bắp:

— Thưa... thưa thầy.

Ông cụ nhìn nét mặt xám nguyền của Quang, vội hỏi:

— Em đau hả? Nộp bài nhanh rồi về.

— Thưa thầy, không. Em làm bài xong, để dưới học bàn. Có ai đem xé rách lìa.

Cả hai giám thị chạy xuống. Gian phòng ồn ào, tò mò góp lời. Ông hào hoa phỏng đoán:

— Có phải trò ngồi bên cạnh xé không?

— Em không biết. Anh ấy làm bài không được, bỏ về trước. Làm sao bây giờ thầy?

Ông cụ nhìn đồng hồ, lắc đầu:

— Chỉ còn năm phút. Chép không kịp.

Quang hỏi lại:

— Làm sao bây giờ thầy? Bài này môn toán hệ số năm. Làm sao thầy.

Ông cụ bảo :

— Chúng tôi biết làm sao bây giờ?

Quang thấy nghẹn nơi cổ, nước mắt sắp trào ra. Lời trời trần của mẹ.

Đồng tiền chắt chiu của anh Lâm. Giọt nước mắt của chị Phú. Cuộc sống bất trắc và tương lai mờ hồ. Mơ ước của chúng em là cơn mộng dữ. Thăng Quang ốm đã phơi xác trên đồng khai quang. Thăng Quang ốm là sĩ quan biệt kích hay uống rượu say sưa giữa chợ. Những kẻ đứng ở đầu đường đời ngậm ngùi nhìn hố sâu đằng trước. Ánh đèn đá xe mì mạp mờ heo hút giữa phố khuya.

Nụ cười mĩa mai của ông Hân. Bergson cười hỏi : Uống thêm không cậu...

Quang thẳng thốt :

— Vô lý quá. Xin các thầy làm cái gì đó để xác nhận em đã làm bài đầy đủ. Em không vi phạm kỷ-luật.

Ông hào hoa e dè đề nghị :

— Tôi nghĩ mình có thể làm một

biên bản, được không anh. Biên bản ghi nhận thí sinh này có làm đủ ba tờ, và đã bị thí sinh bên cạnh xé rách tờ đầu chứ không phải chúng ta xé để loại.

— Dĩ nhiên mình làm biên bản bất thường. Nhưng bài này có cho vào xấp bìa phòng này không?

— Không thể cho vào được. Mình đề riêng, kèm biên bản bất thường, đưa thẳng cho ông chủ tịch. Vào hội đồng giám khảo, ông ta sẽ chuyển cho chánh chủ khảo quyết định.

Quang lo sợ :

— Lỡ ông chánh chủ khảo không hiểu sự thực, loại bài này thì làm thế nào?

Ông cụ an ủi :

— Chúng tôi không dám hứa gì, vì tất cả đều do chánh chủ khảo trong Nha-trang quyết định. Nhưng tôi sẽ vào đó chấm bài. Tôi sẽ cố gắng giải thích cho anh. Anh cứ yên tâm. Về coi bài buổi chiều đi.

Quang dật dờ bước ra khỏi phòng. Hành lang tối. Cầu thang lở lói. Cái

PHÂN ƯU

Được tin Thầy THÍCH THANH VĂN, Giám đốc điều hành Thanh niên Phụng sự Xã-hội, đã ngộ nạn và mệnh chung hồi 11 giờ 35 ngày 4 tháng 6 năm 1972, hưởng dương 35 tuổi.

Xin trân trọng chia buồn cùng Hội đồng điều hành Trung ương Thanh niên Phụng sự Xã-hội và tang quyến. Xin cầu nguyện anh hồn Thầy sớm về cõi Phật.

Bà MINH QUÂN — LÊ NGỘ CHÂU

sân rộng tro trên. Thiên hạ cười nói lao xao, bộ dạng lố lằng.

Cái công xập xệ hư nát. Con đường bụi bặm như nhớp...

Quang đứng chờ Vân đến đón, dưới tấm bảng tên trường. Khung cửa mà Quang sẽ từ biệt để bước vào vùng trời bao la mơ ước của đại học, vùng trời có trăng sáng và sao thưa, có bóng cây và giảng đường, có phòng thí nghiệm và thư viện, có tham khảo và nghiên cứu, có hội thảo chất vấn phê bình đây ư? Khung cửa rộng thì hoang sơ đến độ lạc loài, mà hẹp thì chật chội phủ đầy gai góc.

Từ đó cuộc thi trở thành nhạt nhẽo và Quang tham dự với tâm hồn một

người xa lạ, mệt mỏi, bần thần. Quang cũng không thèm gặp ông chủ tịch hội đồng giám thị để nhắc nhở trường hợp của mình. Cũng không thèm đi xem bảng.

Lúc Vân xách chiếc Lambretta chạy học tốc lên trại, hơn hờ thức Quang dậy hét lớn: Thức dậy lên. Mày đậu rồi. Nhưng chỉ đậu bình thứ thôi. Quang dụi mắt nói cộc lốc: Thế à. Ngồi chơi đã.

Có cái gì đã nhú mầm trong tâm hồn Quang, một thứ mốc hiểm độc, thối tha như hơi bốc lên từ đầm lầy những ngày nước rút.

(còn tiếp)

NGUYỄN-MỘNG-GIÁC

Rượu bổ
QUINQUINA

Quina '9'

CÔ ACIDE GLUTAMIQUE





*khai vị,
ăn thêm ngon*

BỔ OC
bồi dưỡng
cơ thể



EN 2071.6YY

BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

Đã phát hành

VƯỜN THÚY
của QUỲNH ĐAO
THỜI THƠ ẤU
của MAXIME GORKI
KHÚC CA MÙA THU
của LÂM NGỮ ĐƯỜNG

TRÍ ĐĂNG xuất bản và phát hành



Chung quanh chuyến Nga du của T.T. Hoa-ky Richard Nixon

Ngày 29-5-1972 hồi 6 giờ 5 phút khi chiếc phi cơ Illyouchine của chính phủ Nga biệt phái để chở phái đoàn Mỹ bay về thành phố Kiev, thì cuộc viếng thăm Nga xô của Tổng-thống Nixon đã được coi là chấm dứt. Sau 8 ngày làm việc liên tiếp, ký kết hiệp ước không ngừng, ông Nixon và phái đoàn đã có thể rời khỏi đất Nga với cảm giác thư thái là đã hoàn tất nhiệm vụ.

Thật ra thì cuộc du hành này chỉ là một thắng lợi ngoại-giao quá dễ dàng của Mỹ vì chính Nga đã mong muốn các cuộc họp thượng đỉnh Mỹ-Nga hơn ai hết. Hội-nghị thượng đỉnh Mạc-tư-khoa không phải chỉ là một thắng lợi của riêng phía Mỹ mà là một thắng lợi chung cho cả hai bên. Hay nói đúng hơn đây là một thắng lợi của những phần tử hòa hoãn trước phe hiếu chiến trên thế giới.

Vì được chuẩn bị rất kỹ càng và cũng vì có mục đích nhấn mạnh giai đoạn mới của bang-giao giữa hai bên

nên dù muốn dù không, cả Nga và Mỹ đều bắt buộc phải đưa hội-nghị tới thành công.

Tổng thống Richard Nixon đã trở về tới Hoa-ky. Tại Nga người ta cũng đã cuốn cờ dẹp biên, nhưng đây là lúc mà các nhà ngoại-giao cũng như các chính-trị-gia đang bắt đầu lượng giá các kết quả của cuộc gặp gỡ thượng đỉnh Nga-Mỹ. Thật ra thì chuyến Nga du của Tổng thống Nixon tuy đầy tính cách lịch sử, nhưng nó không dành cho người ta những bất ngờ về phương diện chính trị. Với những thỏa-ước đã được ký-kết Nga và Mỹ đã tạo ra cho bang-giao giữa hai nước một bộ mặt hòa hoãn và cởi mở.

Nếu nhìn lại các diễn tiến của cuộc gặp gỡ thượng đỉnh Nga-Mỹ tại Mạc-tư-khoa, người ta thấy cả Nga-sô và Hoa-ky đều đã không làm gì hơn là nối lại với chính sách của họ trong quá khứ. Nga trở lại truyền thống của Sa hoàng (Tsars) trong khi Mỹ trở về chính sách biệt-lập (Isolationisme)

1) NGA-SÔ TRỞ LẠI TRUYỀN THỐNG SA-HOÀNG

Nước Nga, mà ông bà Nixon và phái đoàn Mỹ đặt chân lên vào ngày 22-5 hồi 15 giờ, không còn là một nước Cộng sản thuần túy,

hoàn toàn trung thành với thiên chức cách mạng do Karl Marx đề xướng, mà là một nước Nga đang nối lại với truyền thống của các Sa-

hoàng ngày trước. Thật vậy hội nghị thượng đỉnh Mỹ-Nga được tổ chức tại Mạc-tư-khoa không nhằm mục-dịch nào khác hơn là tạo căn bản cho một cuộc sống chung hòa-bình dài lâu giữa hai khối Tư-bản và Cộng-sản. Và ai cũng biết rằng mọi toan tính sống chung hòa bình đều trái ngược với tư-tưởng Mác-xít.

Trước khi chiếc phi cơ lấy tên là «Spirit of 76» (Tinh thần 1776 tức là tinh thần của cuộc Cách-mạng Mỹ chống Anh vào thế-kỷ thứ 18) đáp xuống phi trường Vnukovo, một trận mưa đã đổ xuống và ngay sau đó mặt trời chói chan xuất hiện trở lại. Các lãnh tụ đảng Cộng-sản Nga đã vội vã dùng cơ hội này để nói lên ý muốn làm cho hội nghị thành công của họ. Ông Podgorny đã nói với ông Nixon rằng: «Các nông dân thường gọi loại mưa này là «mưa năm» vì nhờ có mưa như vậy mà năm được mọc nhanh. Và ông kết luận «Đó là một điềm lành báo hiệu sự thành công của hội nghị thượng-đỉnh». Dùng phong tục nông thôn để giải thích một sự kiện chính-trị, các lãnh tụ Cộng-sản Nga đã vô tình trở về với truyền thống Nga mà quên rằng từ trước tới nay họ luôn luôn tìm cách đả phá những phong-tục tập quán nông thôn vì người Cộng-sản luôn luôn cho rằng đó là những dấu tích của chế độ phong kiến.

Các bữa tiệc tổ chức để khoản đãi ông bà Nixon cũng đầy tính chất của chế độ cũ. Người ta thấy thịt-thà,

bánh trái, hoa quả, trứng cá Caviar, rượu sâm banh, rượu Vodka bày ra chõng chất ê-hề trên một cái bàn dài 500 thước tại cung Saint George vàng son choáng lộn. Các buổi tiếp tân này tuy kém về tế-nhị hơn các bữa tiệc mà ông bà Nixon đã được dự tại Nhân-dân Đại-sảnh ở Bắc-kinh nhưng đã giống hệt như các bữa tiệc, mà các Nga-hoàng khoản đãi ngày trước. Nghĩa là người ta làm đủ mọi cách, dù là thô lỗ, để khoe giàu khoe sang.

Cho đến các quà tặng mà hai bên trao đổi lẫn cho nhau theo đúng thông-lệ ngoại-giao cũng đầy màu sắc tư-bản. Ông Nixon đã tặng ông Cộng-sản Brejnev một chiếc xe hơi hiệu Cadillac kiểu mới nhất, mà ở Mỹ người ta thường chế tạo cho các nhà đại-phú sử-dụng. Nhưng điều này cũng không làm cho người ta ngạc nhiên lắm vì ông Brejnev có tiếng là thích loại xe-hơi sang trọng. Cứ sau mỗi chuyến công du quốc ngoại, ông thường mang về một chiếc xe hơi, quà tặng của các Chính-phủ Anh, Pháp v.v.. Hiện thời ngoài chiếc xe Cadillac do ông Nixon biếu, ông Brejnev còn có một chiếc xe Rolls Royce, một chiếc Bentley do Nữ-hoàng Anh tặng. Hai chiếc xe này là những loại kiểu cổ kính nhưng có trang bị đầy đủ tiện-nghỉ mà người Anh thường dành cho Hoàng-gia hay các bậc đại-quí-tộc sử-dụng. Sau hết, chiếc xe bình-dân nhất của ông Brejnev hiện thời có lẽ là chiếc Renault

mà Tổng-thống Pháp Pompidou đã tặng cho ông nhân chuyến Pháp du năm ngoái.

Đề đáp lễ, ông Brejnev cũng tặng lại cho ông Nixon một bộ bàn cờ cò cồ bằng sứ mạ vàng và bà Nixon một viên kim cương Sibérie vĩ đại.

Trong 8 ngày ở Mạc-tư-khoa ông Nixon đã gặp ông Brejnev tổng cộng là 41 giờ 53 phút. Trong các cuộc hội đàm người ta không còn thấy một lãnh tụ Cộng sản Brejnev mặt lạnh như tiền nữa, mà trái lại thấy một Brejnev cởi mở vui đùa. Nhiều khi thương thuyết quá gay go ông Brejnev đã xô ghế đứng dậy, sẵn tay áo nói lớn ầm ầm nhưng ngay sau đó ông lại ngồi xuống và nhỏ nhẹ : «Tôi phải ngồi xuống mới được, chứ cứ mỗi lần tôi đứng dậy là một lần tôi phải nhượng bộ ». Vì bầu không khí trong các phiên họp cởi mở và thân hữu như vậy nên hai bên bỗng dưng chọc lẫn nhau là thường. Khi vấn đề giới hạn vũ khí được đề cập ông Nixon chỉ ông Kissinger nói : «Tôi đã giao vụ này cho Kissinger, nếu không thành công tôi sẽ đẩy ông ấy sang Sibérie ». Không những không bị chạm nọc, vì vùng sa mạc này hiện vẫn còn là nơi lưu đầy hàng triệu tù nhân chính trị của chế độ Cộng - sản Liên - xô, ông Brejnev còn họa theo và nói rằng ông sẽ dùng mọi biện-pháp để ông Kissinger có thể đến Sibérie bình an.

Tuy cả hai bên đều muốn đi tới

thành công, nhưng 4 trên 6 hiệp-ước mà hai bên đã liên-tiếp ký với nhau không có tầm quan trọng lớn về chính trị.

Hiệp-ước thứ nhất được ký kết là « Thỏa-ước bảo-vệ khung cảnh sinh hoạt. » Hiệp-ước này dự trù sự trao đổi chuyên-gia và kiến-thức nhằm bảo vệ trái đất chống lại những thiên tai cũng như những ảnh hưởng nguy hại về các hoạt động của chính loài người. Cộng-tác Nga-Mỹ trong việc này sẽ bao gồm rất nhiều lãnh vực từ vấn-đề không-khí bị nhiễm độc vì khói kỹ-nghệ hay bụi phóng xạ của các cuộc thử bom nguyên tử cho đến những vụ động đất.

Hiệp-ước thứ hai là về « Hợp-tác y-tế. » Như hiệp-ước « bảo vệ khung cảnh sinh hoạt », hiệp-ước hợp tác y-tế dự trù trao đổi kiến-thức y-khoa và chuyên-gia giữa hai bên. Ngoài ra một Ủy-ban hỗn-hợp 10 người sẽ được thành-lập để nghiên cứu đẩy mạnh việc hợp tác trong các công tác sưu tầm y-tế, nhất là trong ngành bệnh tim và ung thư.

Hiệp-ước thứ ba là về « Hợp-tác không gian ». Hiệp-ước này ấn định sự hợp tác Nga-Mỹ trong công tác nghiên cứu về không gian. Sự hợp tác đầu tiên trong lãnh vực này sẽ được thực hiện vào tháng 6-1975 với dự-án ráp nối hai phi-thuyền Apollo của Mỹ và Soyuz của Nga trong khi đang bay trong không gian.

Hiệp ước thứ tư là về « hợp tác khoa học kỹ thuật ». Nếu hiệp ước này

được thực hiện thì Nga và Mỹ sẽ cùng nhau chia sẻ những bí mật kỹ thuật về mọi vấn-đề kể cả ngành giao thông và nguyên tử. Sự hợp tác này sẽ giúp cho hai bên tiết giảm được phần nào các chi phí khảo cứu và giảm bớt sự nghi kỵ lẫn nhau.

Hai hiệp-ước quan trọng hơn về phương-diện chính trị là hiệp ước về vấn-đề hàng hải và hiệp-ước giới hạn vũ-khí chiến-lược.

Hiệp-ước hàng-hải là hiệp-ước quân sự thứ nhất được ký kết giữa Nga và Hoa-kỳ từ khi Đệ-nhị Thế-chiến chấm dứt tới nay. Hiệp-ước này không những dự trù sự tham khảo ý kiến thường xuyên giữa hai bên mà còn ấn - định các biện pháp để tránh những rủi ro và những vụ đụng độ khi hải-quân của hai bên hoạt động gần nhau.

Quan trọng nhất là «Hiệp ước giới hạn vũ khí chiến lược»... Sau hơn một năm rưỡi thương thuyết tại Vienne và tại Helsinki cả Nga và Mỹ đã đi tới một hiệp-ước để cùng nhau tự hạn chế việc chế tạo vũ-khí

nguyên-tử. Hiệp ước này gồm có 2 thỏa-ước khác nhau. Thỏa ước thứ nhất giới hạn mỗi bên chỉ được quyền có 2 căn cứ hỏa-tiền chống hỏa tiễn, một đề bảo vệ thủ-đô và một đề phản công khi bị tấn công. Thỏa ước thứ hai có giá trị 5 năm giới hạn việc chế tạo các vũ khí nguyên-tử.

Nếu tính về số lượng hỏa tiễn thì hiệp-ước này tạo cho Nga một ưu-thế trong ngành vũ khí nguyên-tử. Nhưng nếu nói về phẩm chất thì Mỹ vẫn giữ nguyên được ưu thế cũ vì Mỹ tuy ít vũ khí nguyên tử, ít hỏa tiễn hơn Nga, nhưng vũ khí của Mỹ lại tối tân hơn và có sức công phá lớn hơn gấp bội.

Với 6 hiệp-ước lớn nhỏ trong túi, ông Nixon đã trở về Hoa-thịnh-đốn như một người chiến thắng. Với những thắng lợi ngoại giao này ông Nixon đã trở nên tin tưởng ở tương lai nhiều hơn. Tháng 11 tới, chắc chắn ông sẽ tái đắc cử Tổng-thống. Nhưng tái đắc cử Tổng-thống, ông Nixon sẽ có đủ uy tín để áp dụng một chính-sách biệt-lập cố-hữu của Hoa-kỳ.

PHÂN ƯU

Rất đau buồn được tin Thân-phụ bạn NGUYỄN VĂN TƯ — Giáo sư Trường Quốc-Học — đã từ trần tại Huế, xin thành kính phân ưu cùng vợ chồng bạn và cầu nguyện hương hồn Bác tìm thấy an vui nơi cõi Phật.

Vợ chồng NGUYỄN ĐÌNH TRỌNG
(Đà - nẵng)

II. HOA-KỲ TRỞ VỀ VỚI CHÍNH-SÁCH BIỆT-LẬP

Đêm 1-6 ngay sau khi đặt chân lên phi-trường Andrews của Không lực Hoa-kỳ tại Hoa-thịnh-đốn, Tổng-thống Hoa-kỳ và bà Nixon đã lên trực thăng đáp thẳng tới Thượng-viện đề ra mắt Quốc-hội Lưỡng-viện, được triệu tập khẩn cấp để nghe phúc-trình về chuyến Nga-du. Ra trước Quốc-hội ngay khi trở về tới Hoa-thịnh-đốn là một đòn tâm-lý rất mạnh của ông Nixon. Ông muốn triệt để khai thác thành quả ngoại-giao của ông. Vì máy bay tới vào ban đêm, ông muốn lợi dụng để gặp Quốc-hội vào đêm vì lúc đó là lúc mà tất cả dân-chúng Mỹ đều ngồi trước máy truyền hình. Hơn nữa là phúc trình trước Quốc-hội khi mà ông còn đang mệt mỏi nói lên sự tôn trọng quyền Lập-pháp của ông Nixon. Ông muốn vỗ về Thượng-viện để sau này 6 Hiệp-ước mà ông ký tại Mạc-tư-khoa sẽ được duyệt-y một cách dễ dàng.

Bài diễn-văn của ông đã hết sức khiêm nhường. Ông nói rằng Hội-nghị thượng-đỉnh Mạc-tư-khoa không làm thay đổi cục diện thế-giới mà chỉ đặt nền tảng cho một giai đoạn mới mà thôi. Nhưng ông cũng đã nói ý rằng các cuộc hội đàm thượng đỉnh giữa các vị Tổng-thống tiền-nhiệm của ông và các lãnh tụ Nga ở Genève năm 1955, ở Camp David năm 1959, ở Vienne năm 1961 và ở Glassboro năm 1967, đều không mang lại những kết quả khả quan

bằng hội nghị thượng đỉnh Mạc-tư-khoa.

Đưa bà Nixon tới Quốc-hội, ông Nixon còn muốn khai thác những thành quả cá nhân của bà ở Mạc-tư-khoa nữa. Thật vậy, trong khi ông Nixon ở Thủ-đô Nga không có một phút nào để tiếp xúc với thế-giới bên ngoài thì bà Nixon đã « bao thầu » hết công việc giao tế với dân chúng Nga. Vì tình tình dân dị vui vẻ và tế - nhị nên đi tới đâu bà Nixon cũng được mọi người quý mến. Người ta cho rằng bà Nixon đã đóng góp tới 50% vào thắng lợi của đức lang quân. Tuy lần này là lần thứ tư sang Nga, nhưng đi thăm nơi nào bà cũng tỏ vẻ chăm chú nghe người ta giảng giải. Mục được bà thích nhất là các cuộc viếng thăm trường học. Vì trước khi lấy chồng, bà đã làm cô giáo nên khi đến thăm một trường nữ học tại Mạc-tư-khoa bà đã chuyện trò dăm thắm với các em học sinh và tặng các em 6 quả bóng rổ. Khi đi xem đoàn xiếc Mạc-tư-khoa, tuy trong lòng hơi sợ nhưng bà vẫn ráng đưa tay bắt tay một con gấu. Theo thường lệ thì các mệnh-phụ phu nhân Nga không mấy khi xuất hiện. Nhờ có bà Nixon sang chơi mà các bà Brejnev, Podgorny, Kossyguine, được các nhà báo chụp hình đăng báo tùm lum nên các bà lại càng tỏ ra có cảm tình với vị Đệ-nhất phu-nhân Hoa-kỳ. Bà Gromyko, vợ

Ngoại-trưởng Nga, đã tuyên bố với các báo chí rằng bà đã gặp nhiều bà Tổng-thống Hoa-kỳ, nhưng bà Nixon là người dễ thương nhất.

Với những thành quả như vậy nên khi tiến vào phòng hội, ông bà Nixon đã được các vị dân biểu và nghị sĩ cả hai đảng đứng dậy vỗ tay hoan hô nhiệt liệt. Các báo chí đã gọi chuyến Nga du của ông Nixon là «cuộc bầu cử sơ khởi ở Mạc-tư-khoa». Và trong cuộc bầu cử sơ khởi này, lẽ dĩ nhiên là ông Nixon đã hạ các đối thủ ông sát ván.

Ông Humphrey, tuy sẽ ra tranh cử Tổng-thống với ông Nixon vào tháng 11 tới, nhưng buộc lòng vẫn phải ca ngợi những thành quả ngoại-giao của ông Nixon. Không còn chỉ trích vào đâu được, ông Mc Govern chỉ còn biết cách nói rằng: «Ông Nixon ký gì mà ký lắm thế. Có mỗi cái thỏa-ước quan trọng cần phải ký ở Paris thì lại không ký cho»

Vấn đề Việt-Nam có lẽ là một nhược điểm duy nhất trong chương trình tranh-cử của ông Nixon hiện nay. Thật vậy, khi ông Nixon lên cầm quyền, ông đã nhắm 3 mục tiêu chính là lập bang giao với Trung-Cộng, giải tỏa căng thẳng với Nga-sô và ngưng chiến ở Việt-nam. Sau hai cuộc Hoa du và Nga du, ông Nixon đã thực hiện được $\frac{2}{3}$ chương-trình đã dự trù. Còn lại vấn đề Việt-nam. Nhưng tại Mỹ cũng như trên thế-giới không ai ngáy thơ đến nỗi cho

rằng hội-nghị thượng-đỉnh Mạc-tư-khoa sẽ chấm dứt chiến cuộc ở Việt-nam. Tất cả những gì mà Điện Krem-lin làm được chỉ là ngưng viện trợ cho Bắc Việt và gây áp lực với Hà-nội để cuộc chiến tranh hiện thời vẫn giữ vững nhịp độ cũ, nghĩa là không ai thắng ai bại. Vì nếu Nga thắng tay với Bắc Việt thì nước này sẽ ngã ngay về phía Trung-Cộng nên không dại gì mà Nga dùng những biện-pháp vừa làm hại tới tình hữu-nghị với Bắc-Việt mà chưa chắc đã buộc được nước này phải ngưng chiến.

Tuy nhiên nếu được yên chí về phía Nga và Trung Cộng, ông Nixon sẽ cố gắng giải quyết chiến tranh ngay trên chiến-trường Việt-nam. Trong những ngày sắp tới có lẽ Mỹ sẽ dồn mọi nỗ lực vào chiến trường Việt-nam để ít nhất giải-quyết một phần nào vấn-đề này trước ngày bầu cử. Nhưng dù có giải quyết chiến tranh bằng cách nào đi nữa thì cũng chỉ là đề cho Hoa-kỳ rút dần mức can thiệp trên thế-giới. Đó là thuyết Nixon.

Nhân danh thuyết Nixon, ông Nixon đã cố gắng dàn xếp với các đối thủ Nga-sô và Trung-Cộng thay vì trực tiếp đấu tranh bằng phương-tiện quân-sự với họ. Như vậy có nghĩa là ông Nixon đã dần dần từ bỏ chính sách hiếu động và can thiệp mà Hoa-kỳ đã áp dụng từ năm 1945 để quay trở về chính-sách biệt-lập (isolationisme) cố hữu. Dàn xếp với Nga-sô và Trung-Cộng để chia nhau ảnh-hưởng thay vì là tranh nhau

ảnh-hưởng, ông Nixon đã nói lên ý-chí của ông muốn bớt hoạt động ở quốc-ngoại để dồn mọi nỗ lực cải thiện xã-hội ở quốc nội.

oOo

Vào lúc mà Nga-sô mất dần tính cách cuồng tín của chế độ Cộng-sản, và muốn có một chính sách hòa hoãn thì cũng là lúc mà người dân Hoa-kỳ mỗi một vi đã hoạt động quá nhiều, hy sinh quá nhiều ở nước ngoài nên đang tìm cách rút về. Vì vậy mà cuộc gặp gỡ thượng đỉnh Mạc-tư-khoa thành công, Cuộc Nga du đã đánh dấu một giai đoạn mới trong lịch-sử bang-giao quốc-tế. Từ nay hòa-bình trên thế-giới sẽ vững chắc hơn vì được đặt trên

một thể chân vạc Nga-Hoa-Mỹ. Tuy nhiên người ta ngại rằng sự vững chắc này chỉ là một ảo-tượng và Hoa-kỳ trong tương lai sẽ sống trong ảo-tượng hòa-bình này đến nỗi từ bỏ mọi trách nhiệm trên thế-giới. Và lúc đó sẽ lúc mà phe Cộng-sản vùng dậy phá hủy thể hòa-bình chân vạc để thống-trị thế-giới. Người Cộng-sản thường tính trường kỳ trong khi thắng lợi của ông Nixon ở Mạc-tư-khoa và ở Bắc-kinh chỉ có tính cách đoản kỳ. Nếu không thận trọng thì trong tương lai có thể thế-giới tự-do lại sẽ là nạn nhân của chính Hội-nghị thượng đỉnh Mạc-tư-khoa.

TỪ MINH

Sách mới

— Lễ hội tháng Ba của Martin Heidegger, giảng về thơ Hoelderlin, Bùi Giáng dịch và giải, Một Hôm Sa Mạc xuất bản. Sách dày 560 trang, trình bày đẹp. Giá 650đ

— Lời cổ quận của Martin Heidegger. Giảng giải thơ Hoelderlin, Bùi Giáng dịch giải, An Tiêm xuất bản.

Sách dày 550 trang. Giá 600đ.

— Thăng Bờm tuần báo hướng dẫn giáo dục Thanh Thiển Nhi V.N. số 1, Bộ Mới, Chủ nhiệm sáng lập: Cổ Thi sĩ Nguyễn Vỹ, Chủ nhiệm: Trương thị Lập, Tòa soạn: 286, Lê Văn Duyệt Gia-định. Mỗi số khổ 16 X 25 dày 48 trang, gồm những bài của các nhà văn tên tuổi viết cho thiếu nhi, cùng nhiều hình ảnh. Giá mỗi số 40đ.

PHÂN ƯU

Được tin NỘI TỔ của nhà văn ĐỖ TRỌNG HUỀ đã thất lạc ngày 10-6-1972, chúng tôi xin thành kính phân ưu cùng bạn Đỗ Trọng Huề và tang quyến và cầu nguyện hương hồn Cụ Bà sớm về Cõi Phật.

Trần Ngọc Ninh — Võ Phiến — Nguyễn Hiến Lê — Lê Ngọc Châu

SINH HOẠT

Nhơn đọc bài « Văn bằng-trắc » của Lê-Trung-Hoa

Bách khoa số 366, ngày 1-4-1972 có đăng bài « Văn bằng-trắc » của ông Lê-Trung-Hoa. Tôi được anh chủ nhiệm cho xem bài này khi còn trong bản thảo, có lẽ anh nghĩ tôi đã từng dạy học và làm thơ.

Xem xong, tôi nói với anh : « Đây là một phát kiến. Anh nên cho đăng sớm để xem giới học và giới thơ có ý kiến gì chẳng. Phần tôi, tôi chỉ biết có mình tôi từng áp dụng văn bằng-trắc trong một bài thơ điền ».

Nay bài nói trên đã đăng lên mặt báo. Đọc lại đoạn tác giả « ước mong được sự tán đồng hoặc phủ nhận » của độc giả, tôi thấy mình cần phải có ít lời đề khởi phụ lòng người đã có công đưa ra một nhận xét nó sẽ làm cho văn trong thơ Việt phong phú hơn, và do đó, luật làm thơ sẽ phải « xét lại ».

Mười ba ví dụ ông lấy ở những câu ví, thành ngữ, tục ngữ và ba ví dụ ông lấy ở ca dao xưa và nay, đủ để chứng minh rằng trong văn chương truyền khẩu, từ xưa, người bình dân đã cho tiếng bằng và tiếng trắc vần lẫn với nhau, và hiện giờ, còn được dùng, điều ta chẳng thấy trong cái gọi là văn chương bác học.

Ông Lê-Trung-Hoa chỉ đưa được ba ví dụ lấy ở ca dao, tức là trong bộ môn thơ... truyền khẩu. Tôi thì chưa thấy một bài thơ nào hay một

truyện thơ nào cho tiếng bằng vần với tiếng trắc hay ngược lại, trừ trường hợp của tôi.

Tôi nghĩ : cái chánh là cái *vần*, chứ chẳng phải cái *thanh*. Đồng một vần thì *vần* với nhau, còn giọng cao thấp, trầm, bổng... là phụ. Cũng như cái chánh, là *hạnh phúc con người*, chứ đâu phải cái *đạo* anh thờ, cái *chủ nghĩa* tôi theo. Tôi lại nghĩ ngu ngơ : đợi cho Mĩ tư bản bắt tay với Tàu cộng sản, ông Lê-Trung-Hoa mới công bố « Văn bằng-trắc » thật là trễ, đáng lẽ ra ông phải cho « thiên hạ » biết từ khi Nga-Mĩ chịu sống chung hòa bình !

Xin trở về bài thơ điền của tôi.

Ba mươi hai năm về trước, lúc bấy giờ, tôi là một giáo sinh trường Sư phạm Nam-kì, vì tâm trí rối loạn mà nằm nhà thương Chợ - quán. Trong một cuộc « lên cơn », chưa mất hẳn bình tĩnh, tôi nghĩ : mình làm một bài thơ điền, thì nội dung phải khéo, mà hình thức cũng phải không giống ai. Tại sao trắng lại đi với trắng, đen lại đi với đen, mà đen trắng lại không đi chung với nhau. Vậy mình cho bằng trắc vần với nhau chơi !

Và bài thơ « Lên cơn » ấy làm xong năm 1940, đăng lên tuần báo Hòa-đồng số 15, ngày 17-4-1965, và in trong tập « Thơ điền, thứ thiệt » do Ki-Gob-Jó-Cì... xuất bản năm 1970.

Trong bài thơ này tôi dùng vần trắc trong nửa phần đầu (được bốn ví dụ) nhưng tôi mong anh chủ nhiệm cho đăng lại trọn bài, đề *Bách Khoa* không thiếu một bộ môn thơ... thơ điên thứ thiệt!

LÊN CƠN

A! Mặt đất mục mênh mông Dơ
dáy chầy,

Lòng Đất cắn nặng ứa Uất Hờn sâu*

A! Trái Đất này, vô tận xấu!

Trái Đất ơi! mi phải nếm chua cay,
Đây!

Ta sẽ với hai tay rền Tức trắng

Gạt một lần Núi nặng cộng Lầu cao,

Ta sẽ khạt hơi ta, ô! Đông Bão

Bào da mi cho bằng, bằng, thật là
bằng.

Và chân ta cứng mấy mươi đời
chạy kiểm,

Sút vào đầu mi, cho mi chết điên,
chết điếng,

Và chạy lương tuồng ra ngoài vòng
trật tự

Cho Vũ trụ cuống cuống phải hoảng
la.

— Còn người?

— Còn ta?

Ta ôm đầu ta khóc:

— Hỡi người ta!...

Lớp mẫu giáo Mĩ-Tiến, 3-4-1972

NGÊ-BÁ-LÍ

Ông Huyện Hà-đông

Nhân đọc bài «Hai bảy mươi ba» của ông Lê Trung Hoa đăng trên *Tạp-chí Bách-Khoa* số 357 ngày 15-11-1971, tôi xin góp một thiên-ý để có thể làm sáng tỏ thêm xuất-xứ câu ca-dao này. Theo ông Lê Trung Hoa thì câu đó như sau:

«Nực cười ông Huyện Hà-đông

Xử vị lòng chồng hai bảy mươi ba

Không nghe nát cửa hại nhà

Nghe thì hai bảy mươi ba bực mình.»

Và câu ca này mang một giai-thoại sau đây:

«Ngày xưa có hai vợ chồng nhà kia, một hôm họ có đám giỗ. Trong đám giỗ này, họ nấu chè đề cúng. Người vợ lần lượt bưng những chén chè từ nhà bếp lên nhà trên để người chồng xếp đặt vào bàn thờ.

Trong lúc xếp tới đặt lui mấy cái chén, mùi chè nóng thơm ngát xông tỏa vào mũi vào miệng, kích-thích các tuyến nước bọt khiến người chồng nảy ra một ý-tưởng xấu: ăn vụng. Thừa lúc người vợ lui cui dưới bếp, thầm nghĩ rằng sau khi thực-hành xong đem chén giấu đi, người vợ không tài nào biết được, người chồng mạnh dạn thực hiện ý-đồ đen tối ấy.

Cúng xong, vợ chồng cùng dọn thực-phẩm xuống. Người vợ lấy làm lạ thấy thiếu mất một chén chè. Chị nhằm tính lại số chè lúc bưng lên: mỗi lần hai tay bưng hai chén, bưng tất cả 7 lần, vị chi là 14 chén. Sao bây giờ chỉ còn mười ba? v.v...

Năm 1969, nhân kỳ nghỉ hè, tôi có sưu tầm tài-liệu về Quảng-tín, khi chép đến câu ca-dao trên, tôi được các cụ già tại Tam-kỳ cho biết như sau :

« Trách lòng ông huyện Hà-đông,
Xử vị lòng chồng, hai bảy mười ba
Không nghe hư cửa hại nhà
Nghe thời hai bảy mười ba ngặt lòng.»

Và các cụ giải-thích như sau :

« Nguyên tại Hà-đông (mà nay là Tam-kỳ), có cặp vợ chồng già mà không có con. Một hôm, ông cụ nằm đưa võng, mắt nhìn lên mái nhà, mới bảo cụ bà, lúc ấy đang ngồi khâu áo nơi giường bên cạnh, rằng :

— Tồi đổ bà đếm từ cây đòn tay đàng churen-thồ lên tới cây đòn dồng là mấy cây đòn tay ; kể mái trước và mái sau hỡi ? Cụ bà bỏ tay khâu, và đếm. Bà đếm mái nhà sau được bảy cây đòn tay, kể cả cây đòn dồng, và mái nhà trước cũng đếm được 7 cây đòn tay, kể cả cây đòn dồng. Bà bảo là mái trước 7 cây, mái sau 7 cây, vị chi là 14 cây. Cụ ông cười khích, nói là sai, chỉ có 13 cây thôi, tuy rằng mỗi mái nhà có 7 cây.

Cụ bà cãi lại : « Mỗi mái nhà phải kể cả cây đòn dồng, mới gọi là đếm một mái, như vậy từ đường churen-thồ lên tới đòn dồng phải là 7 cây cả thảy ». Hai ông bà từ cãi cọ đến xô-xát, và việc đưa đến quan Huyện phân xử.

Quan Huyện Hà-đông phán rằng : « Nhà của bây, quan làm sao biết được. Cứ theo lời chồng mụ kể thì kể từ đàng churen-thồ mái nhà trước đến đàng churen-thồ mái nhà sau gồm có 13 cây. Nếu đếm mỗi mái nhà thì có 7 cây đòn tay, kể cả cây đòn dồng. Vậy, ta phán rằng : « Tuy 2 lần 7 là 14, nhưng xét lời chồng mụ, thì hai 7 phải 13. Ta xử chồng mụ đúng. Còn nếu mụ không chịu báo là quan xử oan, thì ta cho lính lệ đến dỡ nhà, rọc đòn tay ra đếm ! »

Cụ bà nghe xử, tuy ảm-ức trong lòng nhưng đành phải chấp nhận « hai bảy mười ba », nếu không thì « nát cửa hại nhà. »

Đại khái lối giải thích của các cụ ở Tam-kỳ là vậy, tôi cũng xin trình bày lại để quý vị xem chơi.

HUY HÀN NHO

PHÂN ƯU

Được tin Trung-úy NGUYỄN NGỌC THỔ bào đệ của nữ nghệ sĩ KIM CƯƠNG đã tử trận tại Lai Khê ngày 5-6-1972.

Xin trân trọng chia buồn cùng nữ nghệ sĩ KIM CƯƠNG và tang quyến.

VŨ HẠNH — NGUYỄN LIÊN — LÊ NGỘ CHÂU

Hai tác-phẩm về Phật-giáo do Viện Đại-học Vạn-Hạnh xuất bản

Sáng thứ năm 8-6-1972 vừa qua, Viện Đại học Vạn-Hạnh đã tổ chức một buổi lễ giới thiệu và phát hành 2 tác phẩm về Phật giáo do Nha Tu thư xuất bản :

— 1) «*Trường Bộ Kinh* tập III, do Thượng Tọa Thích Minh Châu phiên dịch từ Pàli ngữ.

— 2) *Kiến trúc Phật giáo Việt-nam* tập I, do Kiến trúc sư Nguyễn-Bá-Lăng biên soạn.

Buổi lễ đặt dưới sự chủ tọa của Cụ Mai-Thọ-Truyền, Quốc-vụ-khanh đặc trách Văn hóa, có các vị Giáo sư Vạn-Hạnh, một số ân nhân giúp đỡ việc ấn hành 2 tác phẩm và một số sinh viên tham dự. Thượng tọa Thích Minh Châu và Kiến trúc sư Lê Bá Lăng đã lần lượt giới thiệu cuốn sách của mình. Giáo sư Trần Ngọc Ninh và T.T. Đức Nhuận cũng lần lượt đứng ra phát biểu cảm tưởng về cuốn kinh và cuốn sách về kiến trúc. Sau cùng là Cụ Mai-Thọ-Truyền phát biểu cảm tưởng với tư cách là Quốc vụ khanh rồi với tư cách là Phật tử.

Trường Bộ kinh gồm nhiều tập, tập I và II đã được xuất bản từ các năm 1965 và 67. Tập I nói về Phật giáo trước những triết lý của thời đại tập II : Đức Phật và những vấn đề xã-hội. Tập III, hiện nay mới được chào đời, nói về những vấn đề triết lý căn bản của đạo

Phật, dày hơn 800 trang có 2 phần Pàli và Việt đối chiếu.

Nếu *Trường Bộ kinh* Tập I và II in ra tương đối dễ dàng thì tập III dịch xong đã gặp rất nhiều trở ngại về tài chánh trong việc ấn loát. T.T. Minh Châu đã phải kêu gọi sự đóng góp của các phật-tử, và nhờ nhiệt tâm nường ứng của một số vị sốt sắng mong cho Bộ kinh sớm ra đời — kể 1.000đ, người 2.000đ, hoặc 5.000đ trong số này riêng Đại đức Hộ Giác đã góp được 150.000đ — nên sau đó ít lâu đã thâu được gần nửa triệu. Nhưng phí tổn ấn loát phải chừng 1 triệu 2, mà số tiền trên chỉ đủ in riêng phần chữ Việt. May lúc đó nhờ một nữ phật tử đem tâm giúp đỡ và Đại đức Hộ Giác giới thiệu cho một nhà in, rồi bà chủ nhà in lại góp thêm phần của mình, nên cuối cùng mới in được cả phần Pàli lẫn phần Việt-ngữ và giá mỗi cuốn kinh lên lời 1.000đ.

Cuốn *Kiến-trúc Phật-giáo Việt-nam* tập I của Kiến-trúc-sư Nguyễn Bá Lăng, khổ 21×27 dày trên 130 trang (Giá nhất định 600đ) là một công trình sưu khảo công phu, có đính theo 3 bản đồ, 1 phụ bản Hán văn «Chọn đất, định hướng chùa», với trên 20 hình chụp và 20 hình vẽ mà mỗi hình là một tài-liệu quý. Người đọc thấy được kiến trúc của các ngôi chùa mà thấy cả lược sử Phật giáo tại các miền Bắc Việt qua các ngôi chùa đó.

Cuốn sách này in được cũng do sự đóng góp của một số ân nhân, trong đó Phủ Quốc vụ khanh đặc trách Văn hóa trợ cấp 100.000đ.

Trong phần trình bày cảm tưởng, Giáo sư Trần Ngọc Ninh, tác giả «Đức Phật giữa chúng ta»⁽¹⁾ có nói đại ý rằng :

Đức Phật không tự tay viết một câu nào để lại cho hậu thế. Trong 45 năm hành Đạo và Giảng Đạo, Ngài không nói bằng tiếng sanskrit, thánh ngữ của người Bà-la-môn mà dùng một thổ ngữ Ma-kiệt-đà để cho mọi người trong xứ đều hiểu và Ngài dạy rằng : «Hỡi các môn đồ mỗi người các con phải học lời của Như lai bằng chính ngôn ngữ của mình».

Đạo Phật, từ Ấn-độ, đã truyền bá trong một cõi đất lớn rộng, với nhiều dân tộc nói nhiều ngôn ngữ khác nhau. Nhưng theo đúng lời Phật dạy, ở tất cả mọi nơi, Giáo pháp đã được nói lại, không phải bằng tiếng sanskrit hay tiếng pāli, mà bằng chính ngôn ngữ của dân chúng trong nước.

Lịch sử của việc dịch kinh Phật sang chữ Hán cũng chính là lịch sử của sự truyền bá đạo Phật ở Trung-Hoa và Việt-nam. Ở Trung-hoa việc dịch kinh thoát tiên do các vị pháp sư gốc Ấn, sau là các vị sư Trung-hoa mà quan trọng nhất là các vị : Pháp Hiền, Huyền Trang, Nghĩa Tịnh. Huyền Trang đã đặt ra những phép dịch kinh sách, như 6 phép tìm nghĩa

những phức tự, và 5 loại tiếng không được dịch và phải phiên-âm. Chính ngài đã dịch và duyệt 1335 kinh sách từ Sanskrit ngữ sang Hoa ngữ. Công nghiệp của các vị đại sư dịch kinh đời Hán Đường đã làm giàu cho Hoa ngữ cả mấy ngàn danh từ mới.

Tuy nhiên nếu các vị Huyền Trang và Nghĩa Tịnh xưa làm công việc phiên dịch kinh sách đã được sự trợ giúp rất lớn lao của Triều đình Đại Đường thì tại Việt nam việc dịch kinh Pāli sang Việt ngữ lại chỉ do một người âm thầm làm việc với những trách nhiệm đa đoan của một Viện trưởng Viện Đại-học, và sau đó dịch xong, lại một mình chạy đến hết nơi này nơi khác kêu gọi sự giúp đỡ, chắt vạt cực nhọc mới cho ra đời được công trình phiên dịch của mình. Đó là một điều kỳ diệu khi nghĩ tới sự kiên trì của T.T. Thích Minh Châu.

oOo

Sau cùng thì người ta được biết là T.T. Minh Châu đã dịch xong tập IV và lại đang phát lời kêu gọi các Phật tử đóng góp để cho trong thời gian ngắn nữa Trường Bộ Kinh tập IV lại có thể sắp chữ và in được. Đó cũng là sự mong mỏi chung của mọi người tham dự lễ ra mắt 2 tác phẩm của Nha Tu Thư Vạn-Hạnh.

THU THỦY

(1) Do Lá Bối xuất bản trong dịp Lễ Phật-đản vừa qua.

Sau cuộc Nga du của Tổng-thống Hoa-kỳ Nixon, người ta có cảm tưởng rằng chính trường thế giới đang trở nên im lặng hơn trước. Sở dĩ người ta có cảm tưởng như vậy, là vì các sự kiện trên thế giới dù có quan trọng đến đâu cũng còn đang bị những hoạt động hiện thời của ông Nixon làm lu mờ!

Tình hình Phi-châu trong những ngày qua đang ở trong một giai đoạn căng thẳng tột độ. Tại Madagascar Tổng - thống Tsiranana đã phải rời bỏ chính quyền trước áp lực của sinh viên và tại Rhodésie một cuộc đụng độ giữa hai cộng-đồng trắng đen đang âm ỉ cháy.

Tại Âu-châu người ta đang chuẩn bị đầy mạnh phong trào thống-nhất Âu-châu. Nữ-hoàng Anh sang Pháp để đánh dấu một giai đoạn mới của lịch-sử lục-địa này.

Thay đổi chính thể tại Madagascar

Madagascar là một hải đảo ở Ấn-độ-dương gần kề ngay lục địa Phi-châu. Năm 1960 nhờ tài lãnh đạo khéo léo mềm dẻo của ông Philibert Tsiranana nước này đã được Pháp giao hoàn lại độc lập mà không mất một giọt máu. Từ trên 10 năm qua Madagascar luôn luôn được người ta coi như mẫu mực của một quốc gia cựu thuộc địa được sống trong thanh bình thịnh vượng.

Ông Tsiranana áp dụng một chính sách thân Tây-phương để thu hút đầu-tư ngoại quốc. Từ khi kênh đào Suez bị đóng cửa vào năm 1967 tới nay các tàu biển phải đi qua Madagascar, nên nước này lại càng thêm trù phú.

Sự trù phú này lại đi đôi với sự phát triển của Madagascar về đủ mọi mặt, nhất là về mặt giáo dục. Vì vậy mà số sinh viên gia tăng mau lẹ. Song song với sự trưởng thành của giới sinh viên, mầm bất mãn đã gia tăng mạnh trong giới này trước chính sách độc tài của Tổng-thống Tsiranana. Giới sinh viên càng bất mãn hơn nữa khi mà 50.000 kiều dân Pháp vẫn tiếp tục được ưu đãi trong một nước Madagascar độc lập. Những người này nắm độc quyền trong ngành thương-mại, làm chủ các đồn điền lớn, giữ những địa vị quan trọng trong chính quyền. Qui-chế ưu-đãi Pháp-kiều của chính phủ đã khiến cho cả 7 triệu dân Madagascar phải bức tức nên khi phong trào sinh viên bùng nổ chống lại Tổng-thống Tsiranana thì phong trào này đã được dân chúng hết lòng ủng hộ.

Cuộc nổi loạn bắt đầu bằng một vụ bãi khóa của sinh viên để chống chính quyền. Quân đội đã can thiệp và trong một cuộc đụng độ đã bắn vào đám người biểu tình khiến 30 người bị thiệt mạng Tổng-thống Tsiranana tưởng rằng dân trí của nước ông

vẫn còn chậm tiến như 12 năm về trước nên ông đã ra trước đài phát thanh đọc một bài diễn văn với luận điệu như một người lớn dọa đàn trẻ con nhỏ dại. Ông nói: «Nếu các anh muốn chết, thì cứ việc biểu tình. Quân đội và cảnh sát sẽ bắn vào các anh: «tặc tặc tặc tặc» (ông bắt chước tiếng súng). Đây là lời cảnh cáo cuối cùng».

Trước thái độ của Tổng-thống Tsiranana, không những sinh viên mà cả dân chúng đã nổi dậy, ò ạt kéo đến đốt phá tòa Đô-chánh của Thủ-đô Tananarive. Bạo động nổ ra được năm ngày thì ông Tsiranana phải từ chức và nhường quyền cho ông Gabriel Ramanantsoa. Và đây là lần đầu tiên mà một chính phủ Phi Châu bị phong trào sinh viên lật đổ. Nhưng sau khi lật đổ một vị Tổng-thống già yếu, thân Pháp, người ta đã không làm gì hơn là trao quyền cho một quân nhân. Kẻ chiến thắng trong cuộc nổi loạn chống chính quyền ở Madagascar không phải là sinh viên hay dân chúng, mà chính là quân-đội. Madagascar không thoát khỏi khuynh hướng chung của lục-địa Phi-châu là độc-tài, quân-phiệt. Pháp kiều đã là nạn nhân chính của cuộc nổi dậy này. Các lãnh-tụ mới đã theo lời yêu cầu của sinh viên trước dần quyền hạn của Pháp kiều. Một lãnh-tụ của sinh viên nói rằng: «Chúng tôi đã đả phá chủ nghĩa đế-quốc văn-hóa của Pháp».

Với một nước Madagascar thoát

khỏi vòng ảnh-hưởng của mình, nước Pháp đã chịu một thất bại nặng nề tại Phi-châu.

Vấn-đề kỳ-thị chủng-tộc tại Rhodésie

Từ nhiều năm qua vấn-đề chủng-tộc tại Rhodésie đã làm điên đầu các nhà lãnh-tụ Anh-quốc. Thật vậy, Rhodésie trước kia là một nước thuộc-địa của Anh. Tại Rhodésie 250.000 người da trắng gốc Anh đã áp dụng một chính sách kỳ-thị chủng-tộc để duy-trì quyền-hành của họ và để thống trị 5 triệu 200 ngàn người da đen.

Vấn-đề này đã được đưa ra trước Liên-Hiệp-Quốc. Trước thái-độ bất nhượng bộ của Chính-phủ Rhodésie, Liên-Hiệp-Quốc đã yêu cầu các quốc gia trên thế-giới phong tỏa kinh-tế Rhodésie bằng cách không giao-thương với nước này.

Quyết-định của Liên-Hiệp-Quốc đã đưa Anh vào thế kẹt. Nếu áp dụng quyết định của Liên-Hiệp-Quốc, Anh sẽ phải đi tới chỗ đoạn giao với Rhodésie, một nước mà Anh coi như ruột thịt vì có người da trắng thống trị. Nếu không áp dụng thì lại bị mang tiếng với khối Á-Phi là kỳ-thị chủng-tộc. Nhất là một số quốc-gia Phi-châu và Á-châu, hội viên khối Liên-Hiệp-Anh, dọa là sẽ rút khỏi khối này nếu Anh tiếp tục giao-thương với Rhodésie. Rút cục Anh phải làm áp lực với ông Ian Smith để ông này có một chính-sách ôn hòa hơn đối với dân da

đen. Nhưng ông Smith đã phản ứng lại bằng cách tuyên bố Rhodésie độc lập.

Nhưng tuy độc lập, Rhodésie vẫn còn ở trong Liên - Hiệp - Anh nên Chính-phủ Luân-đôn vẫn còn trách nhiệm tại Rhodésie. Vì vậy mà trong nhiều năm qua, Chính - phủ Anh đã cố gắng thiết lập những thể-chế chính trị có thể dung hòa được quyền lợi của cả người da trắng lẫn người da đen.

Lord Pearce, một vị thẩm-phán Tối cao Pháp viện hồi hưu, đã được chỉ định lãnh đạo một Ủy-ban nghiên cứu gồm có 24 nhân vật. Ủy-ban Pearce đề-nghị rằng Quốc-hội Rhodésie phải có đại-diện da đen. Tuy nhiên đại-diện da đen chỉ được chấp nhận dần dần vào Quốc-hội mà thôi, vì sợ nếu vào ồ ạt và tôn-trọng tỷ-lệ cử-tri, thì người da đen sẽ lấn át người da trắng trong cơ quan này.

Đề-nghị của Ủy-ban Pearce đã bị cả da đen lẫn da trắng bác bỏ. Da trắng bác vì đề nghị này nhằm đưa da đen vào Quốc-hội. Da đen bác vì quyền đại diện da đen tại Quốc-hội chỉ được thực hiện dần dần trong nhiều năm chứ không được thực hiện ngay. Người da đen còn cho rằng dù họ có chấp nhận đề-nghị của ông Pearce chẳng nữa thì chưa chắc rằng qui-chế mới sẽ được dân da trắng tôn trọng.

Trước Hạ-viện Anh, Ngoại-trưởng Alec Douglas Home tuyên bố rằng nỗ lực dàn xếp cuối cùng của Anh

đã thất bại.

Tại Rhodésie, người ta càng ngày càng đi tới những biện pháp cưỡng tén. Thủ tướng Ian Smith đang đưa xú ông tới một chính sách cách biệt giữa hai cộng-đồng chủng-tộc : Ông muốn chia Rhodésie thành hai vùng riêng biệt với hai đời sống kinh tế và xã hội riêng biệt. Nhưng trong tương lai rất gần, một cuộc đụng độ giữa hai cộng-đồng sẽ bùng nổ và kết quả sẽ có thể là những cuộc thảm sát rất dã man.

SÁCH THIẾU NHI

Tạp chí Bách Khoa đã nhận được, do nhà xuất bản Tuổi Hoa gửi tặng, những sách thiếu nhi sau đây :

— *Xóm nhỏ của Nguyễn Thái Hải, dày 126 trang, loại Hoa Xanh, Giá 80đ.*

— *Vùng biển lặng của Thùy-An, dày 159 trang, loại Hoa Xanh, Giá 90đ.*

— *Bức mật thư của Nam Quân, dày 174 trang, loại Hoa Đỏ, Giá 90đ.*

— *Vũ khúc tuyệt vời của Hoàng Đăng Cáp, dày 148 trang, loại Hoa Đỏ, Giá 90đ.*

Các sách trên đây đều trình bày đẹp mắt, bìa do họa sĩ Vi-Vi vẽ. Xin giới thiệu cùng bạn đọc Bách Khoa và xin cảm ơn nhà xuất bản Tuổi Hoa.

Âu-châu chuẩn bị thống nhất

Sau khi quốc dân Pháp đã, bằng trưng cầu dân ý, chấp thuận đề cho Tổng thống Pompidou đưa Anh-Quốc vào Thị-trường chung, các lãnh-tụ chính-trị Âu-châu đang cố gắng đẩy mạnh phong trào phát triển Âu-châu xa hơn nữa.

Nữ-hoàng Anh Elisabeth II đã sang viếng thăm Chính phủ Pháp để nhấn mạnh rằng từ nay Anh thuộc Cộng-đồng Âu-châu chứ không còn sống riêng rẽ như trước nữa.

Nữ-hoàng Anh đã được dân chúng Pháp tiếp rước nồng nhiệt vì nếu người dân Pháp đã từng chém đầu Vua của chính họ thì họ lại là những người bảo-hoàng nhất đối với Vua ngoại quốc.

Mỗi chuyến đi của vua Anh sang

Pháp đều đánh dấu một giai-đoạn lịch-sử ở Âu-châu. Năm 1905 Anh-hoàng George V sang Pháp để mừng liên-minh Pháp - Anh chống Đức. Năm 1957 Nữ-hoàng Elisabeth II sang Pháp để xóa bỏ sự nhục nhã của hai nước đã bị bại trận ở Suez. Kỳ này bà sang để nói lên ý chí của người dân Anh muốn tham gia đời sống Âu-châu.

Tổng-thống Pháp Pompidou mong muốn một khối Tây-Âu hùng mạnh do ông làm Chủ tịch. Thủ-tướng Anh Edward Heath và Thủ-tướng Đức Willy Brandt cũng theo đuổi 1 giấc mộng tương tự. Nếu tham vọng cá nhân trong giai-đoạn này là yếu-tố đẩy mạnh thống-nhất Âu-châu thì trong tương lai, tham vọng cá nhân có thể là một nguyên nhân của tan vỡ.

TỪ MINH

SOCIÉTÉ D'OXYGÈNE ET D'ACÉTYLÈNE D'EXTRÊME-ORIENT

(S. O. A. E. O.)

DIVISION VIETNAMIENNE :

2, Nguyễn-Trường-Tộ (Khánh-Hội) SAIGON

Tél : 21.266 - 21.273

Fabrication : OXYGÈNE — ACÉTYLÈNE GAZ — CARBONIQUE

Vente : HYDROGÈNE — AMMONIAQUE — CYCLOPROPANE
— PROTOXYDE D'AZOTE — ARGON etc...

Matériel pour soudures oxy-acétylénique et électrique

Installations de gazothérapie

NOTE SERVICE TECHNIQUE D'APPLICATION EST À LA DISPOSITION DE LA
CLIENTÈLE POUR TOUTES ÉTUDES ET INSTALLATIONS